

*Chủ quán kính cáo:*

*Quán Ven Đường mượn quyển sách này từ Internet để quý khách cần thì tham khảo.*

*Đây chỉ là miếng giấy ghi note, có thể gỡ ra không làm hư quyển sách.*

LÊ HƯƠNG

SỬ-LIỆU **Phū Nam**

ឯកសារយូរវត្តិប្ប-ណាត



NGUYỄN NHIỀU

## LỜI NÓI ĐẦU

Phù Nam là một Vương quốc thành lập từ thế kỷ thứ 12 trước Dương lịch, theo sử Trung Hoa, và có thể lập quốc nhiều thế kỷ trước thời ấy. Nhưng theo các nhà khảo cổ Tây Phương thì căn cứ vào những chứng tích xác thực như bia đá, bản văn khắc trên cột đèn, vách thành, những đoạn sứ, những di vật tìm thấy trong lòng đất. Vương quốc này được xếp vào lịch sử thế giới bắt đầu từ thế kỷ thứ 1 sau Thiên Chúa giáng sanh. Trải qua một thời kỳ cực thịnh từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 5, Phù Nam bị Vương quốc Chân Lạp xâm chiếm và tiêu diệt vào cuối thế kỷ thứ 6. Trên bản đồ, Phù Nam bị xóa hẳn tên, đến thế kỷ thứ 17 các Quốc vương Chân Lạp nhường cho Việt Nam để đền ơn báo hộ ngai vàng. Từ đó, một phần lớn đất Phù Nam trở thành miền Nam Việt Nam ngày nay.

Vào giữa thế kỷ thứ 19, người Pháp chiếm Việt Nam. do họ Chân Lạp, bây giờ gọi là Cao Miên, nhận thấy nước này không có bộ sứ, bèn sắp xếp các bản văn ghi công nghiệp của các đấng Tiên vương trên bia đá, cột đèn và Niên giám trong Hoàng triều định nên một quyển sử bắt đầu từ ngày vị Quốc vương đầu tiên xuất hiện, trong ấy, các khảo cổ gia Pháp cũng ghi rõ những nhà Vua vừa sáng lập Vương quốc Chân Lạp đã khởi binh xâm lăng và tiêu diệt nước Phù Nam.

Thế nhưng ở phần đầu bộ sử Cao Miên, người Pháp ghi một đoạn sơ lược về Vương quốc Phù Nam và cho rằng Phù Nam là tổ tiên của Cao Miên !

Chúng tôi soạn tập sử liệu này, cố nhiên không phải là một quyển sử, với mục đích trước mong chứng minh sự hiện diện riêng biệt của Phù Nam, một cường quốc xuất hiện trong lịch sử Đông Nam Á giống như La Mã trong lịch sử Âu Châu.

## VỊ TRÍ PHÒNG ĐỊNH

Chiếu trên bản đồ thế giới hiện tại các khảo cổ gia phỏng định rằng Vương quốc Phù-Nam ở vùng hạ lưu sông Mêkong, phía Đông choán cả miền Nam Việt-Nam ngày nay và một phần đất Chiêm-Thành, phía Bắc đến miền trung lưu sông Cửu-Long thuộc đất Lào, phía Tây Bắc một phần lớn thung lũng sông Mênam đất Thái-Lan và bán đảo Malacca (Mã-Lai). Giữa lúc Phù-Nam bành trướng thế lực thì Chiêm-Thành, Ai-Lào, Chân-Lạp, Thái-Lan chưa lập quốc và Việt-Nam còn ở miền Bắc và miền Trung.

Theo sử liệu Trung-Hoa thì từ thế kỷ thứ 3 đến thế kỷ thứ 6, Vương quyền của Phù-Nam không những chỉ ở trong vùng lưu vực trung và hạ của sông Mêkong mà thôi, lại còn lan rộng đến miền TENASSERIM trên vịnh Bengale. Nhờ các hải trấn nằm trên bờ vịnh Thái-Lan, Phù-Nam giao thương với các hải cảng SINGARA, LIGOR, XAIYA của nước Mã-Lai. Các vị Quốc vương nước này nhìn nhận Vương quyền Phù-Nam. Đối ngoại, Phù-Nam liên lạc về ngoại giao và thương mại với Trung-Hoa và Ấn-Độ.

Trước kia, các nhà khảo cổ Âu-Tây căn cứ theo sử Trung-Hoa và những tập ký ức của các Tùy-viên Sử giả mà ước đoán vị trí của Vương quốc Phù-Nam như sau :

— Ông Ma-Touan-Lin (Mã-Đoàn-Lâm) người đời Tống (960 - 1280) ở Lạc-Binh tự là Qui-Dữ viết trong bộ VĂN HIẾN THÔNG KHẢO rằng Phù-Nam ở trong một đảo lớn về phía Nam quận Nhật-Nam, trong biển Tây cách Nhật-Nam 7.000 lý, (1) về phía Tây Nam cách Lâm-Áp 3.000 lý, diện tích lãnh thổ rộng lối 3.000 lý.

(1) Một lý dài 400 thước tây.



— Trong quyển Sử ký Tư-Mã-Thiên có đoạn ghi rằng :  
«Dưới triều vua Thành-Vương nhà Châu, năm Tân Mão (1109  
trước Dương-lịch) có Sứ nước Việt-Thường sang triều cống  
chim bạch trĩ. Vị Sứ giả không biết đường trở về được Châu-  
công-Đàn cho 5 xe Chỉ Nam để dò đường. Sứ giả đi qua xứ  
Phù-Nam, Lâm-Áp về nước đúng một năm.»

— Đường thư chép : «Bà Lợi (P'o.Li tên của Phù-Nam)  
ở phía Đông Nam nước Chiêm-Thành, phía Nam có nước  
Chu-Nại, đến sau niên hiệu Vĩnh-Huy (Đường Cao Tông  
650-655) bị nước Chân-Lạp chiếm.»

— Ông Klaproth và Pauthier cho rằng Phù-Nam ở vùng  
Pégou nước Miên-Điện.

— Ông Déguine cho Phù-Nam là một hòn đảo ở phía Tây  
nước Thái-Lan.

— Ông Abel Rémusat cho Phù-Nam là một tỉnh của  
Trung-Hoa ở miền Bắc Việt-Nam.

— Ông Wilford cho Phù-Nam là một Vương quốc ở  
Mã-Lai.

— Ông Stanisla Julien cho Phù-Nam ở Thái-Lan.

— Ông Barth cho Phù-Nam ở Ấn-Độ.

— Ông Schelegel cho đất Thái bị một chư hầu của Phù-  
Nam chiếm đóng.

— Ông Bowring và ông Wade cho rằng Vương quốc Phù  
Nam ở Thái-Lan căn cứ theo danh từ Phù-Nam do chữ TCHE-  
TOU (Xích-thô) là một vùng đất đỏ nhờ phù sa bồi lên.

— Ông Aymonier cho rằng đất Phù-Nam gồm miền Nam  
nước Cao-Miên, bây giờ là miền Nam Việt-Nam.

— Ông Blagden cho rằng Phù-Nam gồm đất Cao-Miên,  
Thái-Lan đến vùng Pégou ở Miên-Điện.

## SỬ LIỆU

Phù-Nam là tên của người Trung-Hoa gọi quốc-gia này,  
phát âm giọng Quan thoại: FOU-NAN, đọc theo hai chữ B.TU.  
NAM là tiếng Miên thời xưa BNAM, ngày nay là PHNOM  
nghĩa là núi, hoặc đồi. Các vị Quốc vương Phù-Nam có tước  
hiệu là «VUA NÚI. (Son-Vương), tiếng Bắc Phạn (Sanskrit)  
là PARVATABHUPĀLA hay ÇAILARĀJA, tiếng Miên là  
KURUNG BNAM. Người Trung-Hoa quen dùng Vương hiệu  
gọi tên Vương quốc.

Lãnh thổ Phù-Nam xuất hiện từ đời Vua nhà Châu  
(Tcheou) ở Trung-Hoa vào thế kỷ thứ 12 trước Dương Lịch.  
Tương truyền thuở ấy vị Quốc vương Phù-Nam có gởi một  
phái đoàn Sứ giả sang Tàu. Nhưng giả thuyết này không được  
các sử gia nhìn nhận vì không có bằng chứng xác thực. Mãi  
đến đầu thế kỷ thứ 1 sau Thiên Chúa giáo sanh, người ta  
mới xác nhận việc Sứ bộ nước Việt-Thường (YUE-CHANG)  
tức là Việt-Nam, đến triều kiến Vua Thành Vương (TCH'  
ENG-WANG) nhà Châu (1115-1078) vào năm 1109 trước  
Dương lịch, cống hiến chim bạch trĩ. Bấy giờ việc triều chánh  
do Ông Châu-Công (TCHÉOU.KONG) hiệu lý. Sứ giả Việt-  
Thường không biết đường về, Ông Châu-Công sáng chế xe  
Chỉ Nam cấp cho để dò đường, Sứ giả đi qua xứ Phù-Nam và  
Lâm-Áp (LIN-YI) về nước đúng một năm.

Qua thế kỷ thứ 2, vua nước Tàu cử một phái đoàn Sứ  
giả đầu tiên do Ông Trương-Khiên (TCHANG-K' IEN) hướng  
dẫn theo đường bộ sang giao hảo chánh thức với các quốc-



Linh thổ PHŨ-NAM từ thế-kỷ thứ 1 đến thế-kỷ thứ 6.

○ Tên thị-trấn được biết.

giả ở Tây phương. Đến thị trấn BACTRIANE (1), Ông Trương-Khiên thấy nhiều cây tre và hàng lụa từ các vùng hiện thời là tỉnh Vân-Nam (YUN-NAN) và Tứ-Xuyên (Sueu-Tch'ouan) mang tới. Người địa phương cho ông biết

(1) Bactriane là đất của Á-Châu ngày xưa ở giáp giới Trung-Hoa và Nga-Sô, hiện thời bị nước Turkestan và Iran chia đôi. Thủ đô là BACTRES.

rằng họ mua các món ấy ở một quốc-gia rất thịnh vượng tên là Trâm-dô (?) CHEN-TOU (Ấn-Độ). Vị Sứ giả nghĩ đến những nỗi gian nguy của con đường trên hướng Bắc thường bị các bộ lạc du mục miền Trung Á cướp phá, nhất định dùng đường biển xuống hướng Nam mở cuộc bang giao với Ấn-Độ. Do đấy, người Tàu mới bắt đầu biết Vương quốc Phù-Nam trên đường vượt đại dương.

Cũng trong thế kỷ thứ 2, vào năm 166, phái Joãn Sứ giả của Hoàng-đế La-Mã MARC AURELE đến nước Giao-Châu (KIAO-TCHEOU) tức là Việt-Nam. Việc bang giao này bắt nguồn cho nước Trung-Hoa liên lạc với tất cả các quốc gia ở dọc theo hải phận từ Bắc-Việt đến Tây phương. Trong số ấy, cách xa biển thủy xứ Lâm-Ấp (LIN-YI) trên đất Trung Việt ngày nay có Vương quốc Phù-Nam giữ một địa vị rất quan trọng. Từ thế kỷ thứ 3 đến thứ 7, sử sách Trung-Hoa thường nhắc nhở đến lãnh thổ bị Ấn-Độ hóa này, hình như được xem là một trạm bắt buộc giữa đường từ Tàu sang Ấn. Đến thế kỷ thứ 7, tên Phù-Nam biến mất không còn để lại dấu vết nào cả

x x x

Sứ Trung-Hoa ghi rằng :

“Vương quốc Phù-Nam ở về phía Nam ấp phong Nhật-Nam (JENAN) trong một cái vịnh lớn hướng Tây đại dương. Phù-Nam cách xa Nhật-Nam hơn 3.000 lý về phía Tây-Nam xứ Lâm-Ấp (LIN-YI). Thủ đô cách bờ biển 500 lý. Trong nước

có một con sông lớn chảy từ hướng Tây Bắc về hướng Đông đổ ra biển. Lãnh thổ này rộng hơn 3000 lý. Mặt đất thấp và bằng phẳng. Khí hậu và phong tục phần nhiều giống xứ Lâm-Áp. Trong xứ sản xuất vàng, bạc, đồng, kẽm, trầm hương, ngà voi, con công, chim thẳng chài, chim két năm sắc lông.

Cách biên giới ở hướng Nam hơn 3.000 lý có nước ĐỐN-TỐN (TOUEN SIUN) trên đảo Malacca, bờ biển dốc đứng. Lãnh thổ này chỉ rộng hơn 1.000 lý, thù-đô ở gần biên 10 lý, có 5 vị Quốc vương đều, là chư hầu của Phù-Nam. Vị Lãnh Chúa ở phía Đông nước ĐỐN-TỐN liên lạc với nước Giao-Châu (KIAO-TCHEOU), phần đất ở phía Tây giáp với Ấn-Độ, với xứ Parthie và một xứ ở cực xa. Các nhà buôn bán đến rất đông trao đổi hàng hóa. Lý do là vì lãnh thổ ĐỐN-TỐN có hình vòng cung đâm ra biển hơn 1.000 lý. Mặt đại dương (tính từ vịnh Bắc-Việt đến Malacca) không có bờ và các nhà hàng hải chưa đi thẳng một mạch được. Ngôi chợ ấy là nơi hội họp của phương Tây và phương Đông. Hằng ngày chợ nhóm hơn mười ngàn người. Không có món gì thiếu, hàng quý, vật lạ của hiếm đầy đầy. Ngoài ra có loại cây dễ làm rượu giống cây lựu. Người ta lấy mật và bông bỏ vào lu nhiều ngày thì hóa thành rượu.

Ngoài khơi nước ĐỐN-TỐN có một hòn đảo lớn là xứ TI-KHIÊN (P'I-K'IEEN) ở cách Phù-Nam 8.000 lý. Người địa phương thuật lại rằng vị Quốc vương cao 12 chân và cái đầu dài 3 chân, đã sống từ nhiều thời đại mà không chết và không ai biết Ngài bao nhiêu tuổi. Ấy là một nhà Vua thần. Ngài biết hết những việc làm quấy, phải của tất cả dân chúng và thông suốt tương lai, hậu vận của họ. Vì thế không ai dám cãi lệnh Ngài. Trong các nước ở phương Nam,

người ta gọi Ngài là «*nhà Vua cỡ lớn*» (1). Thổ dân cất nhà ở, mặc quần áo, ăn cơm không có chất nhựa. Tiếng họ nói hơi khác tiếng Phù-Nam. Trong xứ có một ngọn núi có vàng nổi trên đá nhiều vô số. Luật lệ trong xứ là ăn thật kè có tội trước mặt nhà Vua. Dân chúng không chịu tiếp các nhà buôn ngoại quốc, nếu có người nào đến, họ giết chết và ăn thịt. Bởi vậy, không có người lạ nào dám ghé xứ ấy. Nhà Vua ở trên cung điện cất cao hơn nhà dân chúng, Ngài không ăn thịt.

(1) Trong quyển Nam Sử (NAN CHE) khoản những năm 420-589 do ông Lý-Diên-Thọ (LI-YEN-CHEOU) soạn vào thế kỷ thứ 7 có ghi một đoạn nói về Phù-Nam giống trong quyển Sử ký nhà Lương. Tiểu sử của ông Lưu-Yêu (LIEOU-MIAO) ở đoạn 49 trang 6 ghi rằng ông sống vào cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6, nổi tiếng nhờ tập sưu khảo. Ông TRÂM-ƯỐC (CHEN YO) tác giả quyển Sử ký nhà Tiền Tống, nhà học giả NHẬT-PHƯƠNG (JEN FANG) và các tay danh sĩ thời bấy giờ thường đến tham khảo ý kiến họ Lưu. Một hôm, ông TRÂM-ƯỐC nói:

— Quyền SANG VĂN (TSUAN WEN) của HÀ-THỪA-THIỆN (HO-TCH'ENG-T'IEEN) thật là tuyệt tác, có ghi sự tích của TRƯƠNG-TRUNG-SU (TCHANG-TCHONG-CHE) và của «*Nhà Vua cỡ lớn*». Vậy nguồn gốc của những tích ấy ở đâu?

LƯU-YÊU đáp:

— Về việc TRƯƠNG-TRUNG-SU bề cao 12 chân và 2 ngón chân căn cứ vào tập LUẬN HÀNH (LOUEN HENG, còn «*Nhà Vua cỡ lớn*» chính là Quốc vương nước TI-KHIÊN (P'I-K'IEEN), trong quyển «*Phủ nam vĩ nam ký*» (FOU NAN VI NAN KI), Ông Châu-Kiến-An (TCHOU-KIEN-NGAN) viết: «*Từ đời xưa đến ngày nay, nhà Vua vẫn còn sống.*»

Ông Trâm-Ưốc lấy hai quyển sách tìm xem, quả đúng như lời ông Lưu-Yêu.



và không thờ phụng Thần, Thánh. Con và cháu của Ngài cũng chết như người thường chỉ có Ngài là bất tử. Vị Quốc vương Phù-Nam (1) thường phái Sứ giả mang thư đến Ngài và Ngài hồi đáp luôn luôn. Ngài thường tặng Vua Phù-Nam chén đĩa làm bằng vàng ròng đủ 50 người dùng. Hình dáng chén đĩa có khi giống cái đĩa tròn lớn, có khi giống cái cốc rượu bằng đất nung gọi là ĐA-LA (TO LO) trọng lượng 5 thăng (CHENG) hoặc giống hình cái chén trọng lượng 1 thăng. Ngài biết chữ Ấn-Độ và viết nhiều bản văn, mỗi bản lối 3.000 chữ. Ngài ghi lại nguồn gốc tiền kiếp của Ngài giống như các kiếp trước của Đức Phật. Ngài cũng bình luận về việc làm phải, về điều thiện.

Người ta còn kể rằng về hướng Đông nước Phù Nam là biên rộng minh mông. Giữa biển có một hòn đảo lớn. Trên đảo là quốc gia Chư-bạc (TCHOU-PO). Ở hướng Đông nước này là xứ MÃ-NGŨ-CHÂU (MA-WOU-TCHEOU). Nếu đi về hướng Đông trên đại dương thêm 1.000 lý nữa, ta sẽ đến một hòn đảo lớn gọi là TỰ NHIÊN ĐẠI CHÂU. Trên đảo có một cây sống trong lửa. Thỏ dân ở gần đảo lột vỏ cây này xé chỉ, dệt thành một mảnh vải bề dài lối vài chân dùng làm khăn tay. Khăn này bề ngoài giống như khăn dệt bằng chỉ gai màu đỏ nhưng sậm hơn. Khi có vật gì dính vào khăn, người ta quăng vào lửa, khăn sẽ sạch như cũ. Người ta còn dùng vải ấy làm tim đèn, đốt không bao giờ hư hao.

Người Phù-Nam trước kia thích xam mình và trần truồng, tóc để xổ trên lưng và không biết quần áo gì cả. Trong nước có loại sấu lớn bề dài hai trượng (tchang) bằng 10 chân, sấu có 4 chân miệng rộng từ 6 đến 7 chân, hai hàm

(1) Chính là FAN SIUN (Phạm-Tâm)

Vận) và cũng gọi là SIANG CHOUËI (Tượng-Thủy) và đặt tên con sông là TƯỢNG-PHŨ (SIANG P'OU).

x x x

Nhờ những chi tiết này, một danh sĩ đời TẤN (TSIN 265 — 419) viết trong tập ký ức :

«Nước SUỐI VÀNG tinh khiết, sông Tượng phủ trong xanh. Suối, sông, cửa sông có nhiều cồn trũng thật nhỏ cân lũng gò, đục khoét thuyền bè. Trong vài mươi ngày, chúng có thể ăn hư một chiếc thuyền. Dưới dòng nước trong sạch có một loại cá mình đen, bề dài 5 trượng (tchang), đầu giống như ngựa, nằm chờ người ta lợi xuống thì cắn ngay.

Trong quyền Phù-Nam.Ký (FOU NAN KI) của TRÚC CHI (TCHOU TCHE) có ghi :

«Lãnh thổ ĐỐN-TỐN (TOUEN-SIUN) thuộc Vương quốc Phù-Nam. Vị Lãnh chúa tên CÔN-LÔN (K'OUEN-LOUEN). Trong nước có năm trăm gia đình người HỒ (HOU) và hơn một ngàn tu sĩ Bà La Môn người Ấn. Dân Đốn Tôn theo đạo Bà La Môn và gả con gái cho các tu sĩ này, vì thế rất nhiều tu sĩ không trở về cố quốc. Họ chỉ đọc kinh sách của Thần Thánh và dâng cúng ngày đêm những bình màu trắng đựng dầu thơm và bông hoa. Khi mang bệnh, họ mong được «điều táng» nếu không thể sống. Thần nhân khiêng họ ra khỏi thành phố vừa nhày múa, vừa ca hát. Một bầy chim chờ sẵn xé thịt xác chết. Mổ xương còn lại được đốt ra tro bỏ vào một cái hũ quăng xuống biển. Nếu bầy chim không ăn, người ta bỏ thây kẻ bất hạnh vào một cái thùng. Người nào chọn lối «hỏa táng» thì đốt

xác chết, lấy tro bỏ vào hủ chôn xuống đất. Trong lúc tang ma, họ cúng tế liên tiếp nhiều ngày».

x X x

Sứ ký nhà Bắc Tống (SONG 420-478) trong chương ghi về Âm nhạc có chép lại một bài hát do ông TRƯƠNG-HOÀ (TCHANG-HOUA 232-300) soạn cho Vua Thế tổ Vô đế (265-290) nhà Tây Tấn (TSIN 265-313) có câu : «Nước Phù Nam như rất nhiều người làm thông ngôn và dân Tả-thận (SOU-CHEN) mượn y phục».

Quyển «Ngoại quốc truyện» (WAI KOUO TCHOUAN) có ghi 3 chương về Phù Nam:

«Chương 1 viết: «Khi trong nhà một người Phù-Nam mất đồ đạc, gia chủ lấy một cái hủ cơm đem vào đền thờ nhờ Thần Thánh chỉ bắt kẻ trộm. Hủ cơm để dưới chân Thần tượng. Hôm sau, gia chủ lấy hủ đem về gọi tất cả gia nhân chia mỗi người một miếng để ăn. Trong miếng kẻ gian có máu chảy ra, không nhai được, còn người lương thiện thì nuốt cơm như thường. Tục lệ này có từ xứ Nhật Nam (Je-Nan) đến cuối biên cương.

Chương 2 viết gần giống từng chữ trong tập LƯƠNG THU (LEANG CHOU) về loại khản đốt không cháy.

Chương 3 viết: «Dân Phù-Nam rất cao lớn, họ ở trong nhà có chạm trổ và bày biện trang hoàng. Họ rất rộng rãi, thường bố thí và có nuôi nhiều chim và thú. Nhà Vua thích đi săn. Người nào cũng cỡi voi, khi nào đi săn thì kéo dài nhiều ngày, nhiều tháng.»

Vào thế kỷ thứ 3, ông TẢ-TU (TSO-SSEU) viết một bài

phủ nhan đề TAM-ĐỒ-PHŨ (SAN-TOU-FOU) nghĩa là bản văn nói về Ba Kinh đó mà một là thủ-phủ của nhà Đông Ngô (Wou 222-280) chính Ngô Vương đã phái ông Khang Thái (K'ANG T'AI) đến Phù-Nam. Tả-Tu viết rằng: Thuở ấy, nền văn minh Trung-Hoa lan rộng đến các quốc-gia: Ô-HŨ (WOU-HOU), LANG HOANG (LANG HOUANG), PHŨ NAM (FOUNAN), TÂY ĐỒ (SI TOU), các Tù Trường xứ ĐÀM NHĨ (TAN EUL), xứ HẮC SĨ (HEI-TCH'É) các Hoàng thân xứ KIM LÂN (KIN-LIN), xứ TƯỢNG QUẬN (SIANG KIUN)

Đầu thế kỷ thứ 6, ông TU THỐNG (SIAQ T'ONG) đem bài phú này vào tập VĂN TUYỀN (WEN-SIUAN). Vào hạ bản thế kỷ thứ 7, nhà bác học LY THIÊN (LI-CHAN) viết một bài bình luận nổi tiếng và đây là đoạn nói về bài Tam-đồ phú : «Sách DI-VẬT-CHÍ (JI-WOU-TICHE) viết rằng : Ô-HŨ (WOU-HOU) là tên của một giống rợ ở miền Nam, lập xóm làng trong dãy núi sâu. Khi có người trong bộ lạc bị giết, họ ngồi tại chỗ người chết và chờ kẻ sát nhân. Nếu kẻ ấy đến, bắt luận là phải hay quấy, họ trả thù và ăn thịt ngay.

Người dân nước LANG HOANG (LANG-HOUANG) là giống rợ ở trên dãy Trường Sơn về hướng Tây nước Lâm-Áp. Ban đêm họ đi tìm vàng và biết được loại vàng nào tốt.

Dân Phù-Nam đặc biệt khôn khéo hơn, ta không thể làm lẫn với hai giống rợ sau này.

Người TÂY ĐỒ (SI-T'OU) nhuộm răng trắng ra đen bằng một thứ cỏ.

Người ĐÀM NHĨ (TAN-EUL) xăm lỗ tai.

Ngoài khơi xứ Phù-Nam có nước KIM-LÂN (KIM-LIN) cách xa lối 2000 lý. Trong nước có mỏ bạc, dân chúng rất



đông, họ thích săn voi và bắt sống để nuôi. Khi voi chết họ lấy ngà.

TƯỢNG-QUẬN (SIANG-KIUN) là ấp phong hiện thời của xứ Nhật-Nam (JENAN), ở đây còn có ấp phong TƯỢNG-LÂM (SIANG-LIN) nữa.

x X x

Nhà hiền triết trú danh CÁT-HỒNG (KO-HONG) có ghi một thủ tục của nước Phù Nam trong quyển BẢO-PHÁT-TỬ (PAO-P'OU.TSEU) như sau :

«Trong nước Phù Nam có một loại kim cương có thể gạch bề cầm thạch, bề ngoài giống đá thạch anh. Kim cương ở dưới đáy biển sâu hàng trăm trượng (tchang) và trên mặt đá như thạch nhũ. Nếu ta lấy sắt đập, kim cương không hư bề trái lại sắt bị móp, nhưng nếu ta đập bằng sừng con trâu thì nó bề tan ngay.»

x X x

Ông VẠN-CHẤN (WAN-TCHEN) viết trong quyển NAM CHÂU DỊ VẬT (NAN TCHEOU YI WOU):

«Vương quốc Phù Nam ở phía Tây nước Lâm Ấp hơn 3000 lý. Trong nước có một vị Quốc vương là người dựng nên quốc gia này. Các chư hầu đều là quan chức và tướng soái bên tả, bên hữu của nhà Vua ; tất cả đều gọi là CÔN-LÔN (K'OUEN.LOUEN).

Nước ĐỐN-TỐN (TOUEN-SIUN) cách xa Phù Nam hơn 3000 lý vốn là một lãnh thổ riêng biệt. Một vị Quốc vương Phù Nam tên FAN-MAN (PHAM.MANG) rất can đảm đã chinh phục nước này. Hiện thời Đốn Tốn lệ thuộc Phù Nam.»

Dưới đời nhà TẤN (TSIN 265-479), ông KÊ-HÀN (KI-HAN) viết quyển NAM PHƯƠNG THẢO MỘC TRẠNG (NAN FANG TS'AO MOU TCHOUANG) sưu tập loại cây cối ở các lãnh thổ phương Nam có nói về vương quốc Phù Nam. Trong tập Thượng, trang 5, mục «Cây mía», gọi là CHU-GIA (TCHOU TCHO) như sau:

«Năm thứ 6 triều Thái Khương (T'AI K'ANG 285), vương quốc Phù Nam dâng lễ cống cây chừ giá dài ba gút mỗi trượng.»

Trong tập Trung, trang 6, mục «Tiêu công nghệ» BẢO-HƯƠNG LÝ (PAO-HIANG LU) tác giả ghi:

«Năm thứ 6 triều Thái Khương (285), vương quốc Phù Nam dâng lễ cống 100 đôi giày gọi là Bảo hương lý. Hình dáng lạ lùng của đôi giày khiến Hoàng thượng thờ dài rất lâu và mỉm cười trước sự cầu tạo có vẻ thô kệch. Tuy nhiên Ngài truyền cắt trong dây kho ở ngoài để giữ đầy đủ sản phẩm của mỗi nước.»

Trong tập Hạ, trang 6, mục «Cây tre» gọi là VẠN KHÂU TRỤC (YUN-K'IEOU-TCHOU), tác giả ghi :

«Loại cây này gốc ở Phù Nam; sự thật thì ở Giao châu, Quảng đông (KOUANG-TONG) và Quảng tây (KOUANG-SI) có loại tre mỗi đốt dài hai trượng, vòng tròn từ một đến hai trượng là thường.»

x X x

Quyển Bách Khoa «THÔNG ĐIỀN» (T'ONG TIEN) soạn thảo vào cuối thế kỷ thứ 8 do ông ĐỔ-HẬU (TOU-YEOU) có một đoạn nói về Phù Nam ở hồi thứ 188, trang 12, không có gì mới mẻ ngoài một câu đề cập đến phái đoàn Sứ giả nước

này dưới triều nhà Tùy (SOUEI 581 — 618). Bấy giờ, người Trung Hoa ghi rằng tên tộc vị Quốc vương Phù Nam là KOU. LONG (CỒ-LONG) và trong lãnh thổ có rất nhiều gia đình mang họ này. Người viết sách thuật rằng khi hỏi thăm các cụ già thì được biết người dân K'OUEN-LOUEN (CỒN-LỒN) không có họ.

Trong quyển NGÔ LỊCH (WOU-LI) (1) có ghi: Năm HOÀNG VÕ (HOUANG-WOU 225), Vương quốc Phù Nam và các quốc gia khác đến triều cống những vật dụng bằng thủy tinh. (NGÔ LỊCH HOÀNG VÕ TỬ NIÊN PHÛ-NAM CHƯ NGOẠI QUỐC LAI HIỂN LƯU-LY).

Trong quyển LƯƠNG TỬ CÔNG TỬ KỶ (LEANG SSEU KONG TSEU KI) viết vào thế kỷ thứ 6, có câu: «Một chiếc thuyền lớn của Phù Nam ở hướng Đông nước Ấn Độ đem bán một tấm kiếng bằng lưu ly (P'o-li) xanh, đường kính đo được một chân năm ngón chân, cân nặng bốn mươi cân».

Trong «Tuyên tập» của NGÔ QUẢN (WOU KIUN) soạn vào thế kỷ thứ 6, trang 84 có một câu nói về loại mía ở Phù Nam: «Mía cao 3 đốt một trượng (10 chân). Khi ánh nắng chiếu vào mía khô lại, khi gió thổi mía uốn cong mình.»

Nhà sư Trung Hoa pháp danh NGHĨA TỊNH (YI-TSING) đi khắp các mặt biển miền Nam từ năm 671 đến 695 có ghi trong tập NAM HẢI KÝ QUI NỘI PHÁP TRUYỆN (NAM HAI KI KOUEI NEI FA TCHOUAN) trang 68 như sau:

«Từ nước Lâm ấp đi về hướng Tây Nam một tháng đến lãnh thổ BẠC-NAM (PA-NAN) mà người ta gọi vương quốc

(1) Có lẽ là quyển Niên Lịch của nhà NGÔ (222-280) thường được nhắc trong phần bình luận của bộ TAM QUỐC CHÍ.

Phù Nam thuộc xưa; đó là một nước dân chúng ở trần truồng. Người dân tôn thờ rất nhiều Thần Thánh. Kế đó, Phật giáo được truyền bá và lan rộng khắp nơi. Nhưng hiện thời, một vị Quốc vương hung dữ tiêu diệt tất cả không còn một nhà sư nào. Bọn tà giáo xâm lấn vào các nơi thờ phụng.»

Nhà sư Nghĩa Tịnh viết trong quyển ĐẠI ĐƯỜNG TÂY VỨC CẦU PHÁP CAO TĂNG TRUYỆN (TA T'ANG SI YU T'IEOU FA KAO SENG TCHOUAN) rằng: «Các vị sư muốn đến nước Ấn Độ phải đi qua một ngàn con sông và vương quốc BẠC-NAM là hải cảng của con sông này. (NAM QUỐC HỮU THIÊN GIANG KHẨU DÃ). Sư ghi lại cuộc hành trình của ba vị tăng NGHĨA LĂNG (YI-LANG), NGHĨA HUYỀN (YI-HIUAN) và TRÍ NGẠN (TCHE-NGAN) đến nước Ấn như vậy:

«Khi đến WOU-LAI, lối hướng Tây PAKHOI chư tăng xuống một chiếc thuyền buôn vượt ngàn muôn con sóng đi qua vương quốc Phù Nam và bỏ neo ở xứ LANG-KIA (1) (Lang già).»

x x x

TÂN ĐƯỜNG THU, (SIN T'ANG CHOU) quyển Sử ký mới của nhà Đường (618-906) do hai ông ẦU-DƯƠNG-TU (NGEOU-YANG-SIEOU) và TỐNG KỶ (SONG-KI) soạn hồi thế kỷ thứ 11 có ghi một đoạn nói về Phù Nam:

«Vương quốc Phù Nam ở về phía Nam xứ Nhật Nam (JENAN), đất đai thấp như nước HOÀN VƯƠNG (HOUAN WANG) tức Lâm Ấp (Người Trung Hoa gọi Lâm Ấp là Hoàn Vương từ năm 757, nhưng sau đời Tân Đường (906) thì bỏ

(1) Địa danh cũ của đảo Tích Lan, thuộc ấy người Ấn gọi là LANKA.

đánh từ này). Tại thủ đô có vách tường bao bọc thành phố, lâu đài, cung điện và nhà cửa dân chúng. Nhà Vua mang tên tộc là CỒ-LONG (KOU-LONG). Ngài ở trong một vọng lâu cao hai tầng. Vòng thành cắt bằng lũy gỗ. Người ta lợp nhà bằng lá tre. Khi nhà Vua ra ngoài, Ngài cỡi voi. Nước da dân chúng đen, tóc quấn, không mặc quần áo. Họ trồng lúa một năm và gặt ba lần. Trong nước có loại kim cương bẻ ngoài giống như đá thạch anh, người ta tìm thấy rất nhiều dưới lòng sông và trên núi đá. Dân chúng lặn xuống nước mò kiếm dễ dàng. Kim cương có chất cứng có thể gạch bề cầm thạch nhưng nếu đụng nhằm cái sừng con trâu thì bẻ tan ra. Người Phù Nam thích đá gà và cho heo cắn lộn. Họ đóng thuế bằng vàng, trầm châu và dầu thơm. Nhà Vua đóng đô ở thành ĐẶC-MỤC (T'Ō-MOU). Thành linh thủ đô bị nước Chân Lạp (TCHEN-LA) xâm chiếm, nhà Vua phải lui về phía Nam ngự trong thành NA-PHẮT-NA (NA-FOU-NA). Dưới triều VÕ ĐỨC (WOU-TO 618-626) và TRỊNH QUÁN (TCHENG-KOUAN 627-649) Vua Phù Nam có phái Sứ giả sang triều cống.

Cũng trong quyền sử này có đoạn nói về Chân Lạp (TCHEN-LA) :

"Dưới triều TRỊNH QUÁN (TCHENG KOUAN 627-649), Quốc vương KSATRIYA IÇANA đánh dẹp nước Phù Nam và chiếm lãnh thổ nhưng Phù Nam vẫn còn giữ được thanh danh."

Trong đoạn nói về nước Ấn Độ có ghi : «Miền Đông nước Ấn Độ là bờ biển, giáp ranh với Vương quốc Phù Nam và Lâm Ấp. Ấn Độ sản xuất kim cương, củ nghệ và trầm đem

đổi thổ sản nước ĐẠI TÀN (TA TS'IN), Phù Nam và Giao Châu.

Thủ đô Phù Nam có một thời tên VYÁDHAPURA, «thị trấn thợ săn», người Trung Hoa gọi là ĐẶC-MỤC (T'Ō-MOU) có lẽ là tiếng nói theo danh từ MIÊN ĐMẮK hay DALMẮK cùng một nghĩa ấy. (1) Thành phố ở gần ngọn đồi BAPHNOM người Tàu gọi là Ma-đam (MO-TAN) và làng BANAM thuộc tỉnh Preyvang mà hiện thời hai địa danh này vẫn còn tồn tại. Sứ ký nhà Lương (LEANG 502-556) chép rằng thủ đô Phù Nam ở cách bờ biển 500 lý (200 cây số). Đây là gần đúng khoảng cách vùng BAPHNOM với hải cảng ÓC EO, hoặc một thị trấn nào gần bờ biển. Lãnh thổ này có nhiều sông rạch nên người Trung Hoa có thể ngồi thuyền qua đất Phù Nam đến bán đảo Mã Lai. Phù Nam nằm trên con đường biển giữa Trung-Hoa và Ấn Độ thời bấy giờ.

Ngoài ra, dân Phù Nam còn tập trung ở 3 địa điểm :

— Hải cảng ÓC EO ở gần núi Ba thê thuộc tỉnh Rạch Giá,

(1) Trong quyền INSCRIPTIONS DU CAMBODGE tập 2 trang 110 ông Coedès viết : «Có thể VYÁDHAPARA có nghĩa là «thị trấn của nhà Vua săn bắn» và nếu ý kiến của nhà khảo cổ M.O.W. Wolters cho rằng trong tập T'AI-PING-YA-LAN có thuật lại cuộc tiếp xúc của vị Tùy viên Sứ giả Trung-Hoa Khang Thái (K'ANG TAI) với Triều đình Phù Nam, K'ANG TAI ghi : «Một vị Quốc vương Phù Nam tên Hồn-bàn-Huông (HOEN-P'AN-HOU-ANG) có tài đánh bắt bắt nhiều thớt voi lớn trong rừng đem về dạy làm việc nhà. Vài quốc gia láng giềng kính phục tài nhà Vua chịu thần phục Vương quốc PHÙ NAM.»



— Thị trấn THNOL MOROY, người Pháp dịch là «Ville des cent rues : thành phố trăm đường» ở về phía Nam Đông-Nam Rạch Giá, ngay giữa Đờng Chim,

— Thị trấn ANGKOR BOREI thuộc tỉnh Takeo (Cao-Miên) ở phía Bắc tỉnh Châu-Đốc.

Đấu tích nước Phù Nam hiện nay còn lại là 4 tấm bia đá khắc chữ Bắc Phạn (Sanskrit), 2 tấm chạm hình Thần Vishnou tìm thấy ở miền Nam Việt Nam (Đờng Tháp Mười) và phía cực Nam Cao-Miên, một tấm chạm hình Phật đạo được ở Bati, phía Nam thủ đô Phnom Penh, một tấm ở Vô-Cạnh (Nna Trang). Bốn tấm bia này khắc vào thế kỷ thứ 5 và thứ 6.

## HẢI CẢNG ỐC EO

Vào tháng 2 năm 1944, Ông Louis Malleret, nhà khảo cổ Pháp đến vùng Ốc Eo thuộc xã Mỹ Lâm, tổng Kiên Hào, tỉnh Kiên Giang, khai quật di tích một thành phố bị sụp đổ trong lòng đất. Đó là hải cảng Ốc Eo của Phù Nam, nơi tiếp đón các thương thuyền ngoại quốc, tên xưa là UR KÉV, có nghĩa là lay chuyễn, xô đẩy, làm chấn động. Có nhân gọi như thế có lẽ để ghi dấu một thị trấn bị chôn vùi vì địa chấn hoặc vì hồng thủy đã mang đất phù sa đắp xuống quá nhiều và một cách bất ngờ. Giả thuyết này có phần đúng hơn là một nhà khảo cổ Pháp cho rằng chữ UR KÉV gần giống như chữ Ô-KEO của người Miên có nghĩa là «con rạch quý giá», «rạch kim cương», vì các nhà địa chất học ngày nay tính rằng hằng năm sông Mêkong mang ra biển từ 500 đến 1.200 triệu thước khối phù-sa bồi ngay mũi Cà-Mau trở lên phía Bắc đến Vàm sông Cái Lớn (Rạch giá), bãi biển lan ra tuy chậm nhưng ngộ thấy rõ ràng. Do đấy, người ta ước đoán rằng thủa ấy bờ biển còn nằm trong xa, ngay chỗ tìm thấy di tích thành phố Ốc Eo rồi do một trận thiên tai, phù sa đổ sập xuống chôn vùi vào lòng đất. Và từ đấy mỗi năm bồi thêm một ft cho đến bây giờ bờ biển cách hải cảng lối 25 ngàn thước ! Ngoài vùng Ốc Eo, người ta còn tìm thấy nhiều chiếc ghe lớn có cột buồm nằm sâu ở phía Tây U-Minh thượng (An-Xuyên), những dãy sò ốc, vỏ ốc nằm lộ thiên hàng ngàn thước ở Giồng Đả, xã Bàn-tân-dịnh (Rạch Giá) và ở giữa khoảng núi Sập, núi Ba Thế. Hai

vùng sò ốc này đến nay chưa được nghiên cứu hoặc khai quật kỹ lưỡng vì nạn chiến tranh, nhất là vùng thứ nhì gọi tắt là "sò" ở gần Ốc Eo.

Ông Malleret nói rằng ông được biết sự hiện diện của hải cảng này trong lịch sử từ đầu năm 1942 do một món nữ trang bằng vàng của một nông phu bắt gặp khi vỡ ruộng trong một vùng không có tên ở tỉnh Rạch Giá. Có người mô tả hình dáng vật ấy giống như sợi giấy nịt kết bằng nhiều mảnh vàng móc nối với nhau, có người cho rằng giống như cái mào chạm hình bông hoa, có người lại nói là chiếc vòng đeo ở cổ. Ông nhất định tìm hiểu sự thật nhân dịp đi khảo sát về các dấu tích xưa cũ trong phần đất thuộc tỉnh Châu đốc, Long Xuyên, Rạch Giá và Hà Tiên. Ngày 3.4.1942, ông chú ý đến một tượng Phật nhỏ bằng đồng kiểu mẫu ít khi có, để trên bàn thờ một ngôi chùa ở Ba Thê. Người bơi xuồng đưa ông đi nói rằng người ta tìm được tượng Phật ấy trong vùng đã phát giác món vật kể trên.

Sự thật người Việt quanh vùng đã đào gặp nhiều món nữ trang bằng vàng từ 5, 6 năm trước. Những mảnh vàng hình rồng khắc chữ nhỏ, khắc chữ Thọ, chữ Phước, hình ngỗng thần, bò thần theo đạo Bà-la-môn được nấu thành vàng khối đem bán ở Phnom Penh vì người tìm được sợ bị tịch thu và bắt bớ. Một nhà báo thời ấy đăng bài phóng sự phóng đại tin này làm kích động thêm tánh tham của dân chúng. Hàng ngàn người ở khắp nơi đổ xô đến đào xới. Hàng quán, tiệm mua vàng, cầm đồ mọc đầy như cái chợ, có cả hát bội, cải lương! Chánh quyền địa phương ra lệnh ngăn cấm, bắt người đào và kẻ mua. Người ta ước lượng số bảo vật mất đi nhiều bằng 9 phần 10 số còn lại hiện thời.



*Huy chương vàng chạm hình Vua ANTONIN LE PIEUX tìm thấy ở ỐC EO*

Sau nhiều tháng nghiên cứu sử sách và các hình chụp trên tàu bay để tìm địa điểm hải cảng, Ông Malleret quả quyết rằng

môn nữ trang kia sản xuất đồng thời với nhiều món khác đã xuất hiện trước đây và nhất định do một đô thị cũ kỹ mà ra. Theo tài liệu và hình ảnh thu thập được, ông thấy một vòng đai vuông vức lối một ngàn năm trăm (1.500) thước mỗi góc, như thế, thành phố xưa kia chiếm lối 225 mẫu, nhưng đến khi quân sát tại chỗ, ông nhận thực là một hình chữ nhật ngang 1500 thước, dài 3000 thước, tính luôn cả vòng thành là 450 mẫu, bằng phân nửa diện tích thủ đô ANGKOR THOM của Cao-Miền thời xưa. Căn cứ vào những dấu vết trên đất, ông cho đào 22 nơi và tìm thấy 12 di tích kiến trúc hiện chỉ còn lại những nền móng chìm dưới mặt đất 60 phân. Trong số này có di tích quan trọng của hai ngôi đền lớn. Một ngôi còn lại nhiều căn phòng với vách tường cao gần bốn thước, một ngôi lớt sàn bằng nhiều viên đá hoa cương có chạm trổ hoặc không, kết dính nhau bằng lỗ mộng. Một viên đá lót nguyên khối này bề dài 3 thước 15, bề ngang 2 thước 75, dày 0m.28. Sau cùng có nhiều viên đá hoa cương không biết cỡ nhân dùng làm gi, đục đẽo sơ sài, sắp xếp giống hình một căn phòng hình chữ nhật, hoặc chất thành đống cũng theo hình vuông dài, một linh phù (linga) bằng đá tạc giống như thật bề cao 1 thước 73 nằm dưới đất, một tượng đá lùn tạc thân trên của người đàn ông nghiêng mình trên chân trái duỗi thẳng. Rải rác chung quanh các công trình kiến trúc này, nhà khảo cổ tìm thấy chén bát, lu, hũ bằng đất nung, khí cụ làm ruộng, những đồ dùng nhỏ bằng đồng và nữ trang. Có nơi ông thấy các món nữ trang nằm trên cát và xem xét các dấu vết gần đây ông có thể suy luận đó là nhà kim hoàn. Ông cũng thấy những căn nhà sàn giống như nhà của đồng bào ở các tỉnh có nước ngập. Tiếp tục đào sâu thêm một thước tám (1m.80) ông thấy nhiều xương cốt của người và thú vật, vỏ ốc và chén bát bằng

đất nung. Xem xét những món vật nặng cột theo chài lưới, ông cho biết dân chúng sống với nghề đánh cá. Hiện thời tuy từ Óc Eo ra đến bờ biển cách 25 cây số, nhưng người ta có thể qua quyết vào thời ấy, hải cảng này ở sát mặt nước. Ngoài những hộp chai nhuộm màu và có mài mịn, những viên kim cương thuộc hạng nhì như hồng mã não mà nhà khảo cổ tìm thấy có viên đang làm dang dở; ông cho rằng có thể các đồ vật bằng đất nung được làm tại chỗ vì ông thấy một cái vò bằng gỗ để đập đất gần giống như vò của người Cao Miên dùng hiện nay. Tiếp tục đào xới khắp vùng, ông tìm thấy:

- vết tích những căn nhà sàn bằng vật liệu nhẹ, nền vách đến thờ xây bằng gạch và đá hoa cương,
  - nhiều lưỡi búa bằng đá mài, nhiều đồ dùng bằng đất nung,
  - hàng ngàn hạt chuỗi bằng thủy tinh và đá quý,
  - hơn 60 bảo thạch, ôn, ngọc chạm bằng nhiều loại mã não, thạch anh,
  - lối 100 cổ vật bằng đồng, tượng nhỏ và búa phủ bằng thiếc, vài cổ vật bằng sắt,
  - trên 1.000 mỹ trang phẩm đủ loại (nhẫn, hoa tai, vòng) bằng vàng nguyên chất, cân nặng cả thấy trên 1.000 grammes.
- Trên một diện tích 75 thước vuông có 107 loại đồ vật được ghi làm bằng chứng trong ấy có 576 viên ngọc bằng đá cứng hoặc bằng thủy tinh thường thường tạc theo hình nhỏ nhiều màu như xanh dương, xanh lá cây, đỏ, nâu, vàng hay đen, tất cả nằm rải rác trên một bình diện 48 thước vuông. Những món vật bằng kim khí không được nhiều, một xâu chuỗi vàng, hai viên chuỗi bằng thau, phần nửa cái chuỗi nhỏ



bằng đồng và hai món đồ bằng bạc, một phần đồng tiền và một miếng đẹp hình vuông khắc hình con ốc biển ở giữa. Ngoài những mảnh vàng rải rác trong lớp cát chỉ có hai miếng cắt sắt được tìm thấy mà thôi. Ngoài trừ một cái bình nhỏ có nắp bằng đất nung và một cái giá bốn chân, những chứng tích về loại đồ gốm đều là mảnh vỡ không còn hình dáng gì cả.

Vài miếng ngói dợn sóng mỏng đã vỡ nằm trên mặt cát, phía dưới lớp đất có nhiều mảnh gạch vụn. Theo một di tích của căn nhà còn lại dưới lớp đất có nhiều miếng vàng nhỏ mỏng hoặc viên tròn lớn nhỏ khác nhau từ một phần mười ly đến hai ly. Vài món nhún bằng kính hiển vi cho thấy dấu vết của khí cụ rạch từng đường thật nhỏ đúng là tác phẩm của thợ kim hoàn. Gần đây có một cái núm của nắp dầy bằng đồng và một cái hủ để lật úp bên trong có vài miếng đất nung bề và nhiều mảnh than. Một đầu cột sàn nhà đường kính 20 phân còn đứng sâu dưới đất, một đoạn cột khác nằm dài trong bùn. Hai cái giếng đào ở ranh đô thị về hướng Đông Nam và Tây Bắc.

Căn cứ vào kỹ thuật chế tạo các đồ vật trên và đối chiếu các bản văn khắc trên đá, người ta phỏng ước rằng văn minh Óc Eo đã phát triển vào giữa thế kỷ thứ 2 và thứ 3 Dương lịch và toàn thịnh từ thế kỷ thứ 3, thứ 4. Trong tổng số đồ vật tìm được, người ta phân biệt loại bản xứ và loại «du nhập». Loại sau này có tính cách đặc biệt quan trọng, nó chứng minh và xác định một thời kỳ thịnh vượng của nền thương mại Phù Nam, đồng thời cũng có ảnh hưởng sâu đậm đối với ngành mỹ thuật xứ này.

Loại đồ vật Ấn Độ có rất nhiều :

— một đầu tượng Phật bằng đồng kiểu Gandhara (thuộc Trường phái Bắc Ấn vào thế kỷ thứ 1),

— nhiều chiếc nhẫn vàng chạm nổi hình bò thần NAN DIN, con bò của thần Çiva cổ,

— ấn có khắc chữ Phạn và chữ Brahma (ở vào thế kỷ thứ 2, thứ 5).

— Ngọc chạm chìm hình phụ nữ tế Thần Lửa, hoặc dâng hoa, chứng tỏ đạo Bà-la-môn phái thờ thần Çiva đã truyền bá ở Phù Nam.

Kể đến là đồ vật Trung Hoa, một mảnh gương bằng đồng đời Hậu Hán (25-220) và tượng Phật nhỏ bằng đồng đời nhà Ngụy (386-557).

Đặc biệt nhất là đồ vật La Mã gồm có:

— một huy chương vàng chạm hình Vua ANTONIN LE PIEUX đánh dấu năm 152 Dương lịch,

— một đồng tiền vàng chạm hình MARC AURÉLE.

— một loại ngọc (mã não) chạm hình như hình chuột kéo xe có gà ngồi trên, hoặc thủy tinh có chạm lõng một cách «hoa tinh»,

— nhiều đồ vật bằng đồng, thiếc, kẽm do các nước miền Địa Trung Hải sang chế,

— một đồ vật Ba-Tư thời SASSAMIDE (226-652 Dương lịch).

Các đồ vật liệt kê trên đại loại từ thế kỷ thứ 2 đến thứ 5 minh chứng rằng từ các thế kỷ đầu Dương lịch, Vương quốc Phù Nam đã có giao thương với nước Trung Hoa, Mã Lai, Ấn Độ, La Mã Trung Đông. Không những hải cảng Óc Eo chỉ

tiếp thương thuyền các quốc gia mà thôi, cả những chiếc KOLANDIA là chiến hạm hạng lớn chở hàng hóa của thương gia trong các tỉnh ở vương quốc La Mã sát cạnh Hồng hải.



- Một mảnh gương bằng đồng đời nhà Hậu-Hán (25-220).
- Đền tượng Phật bằng đồng, tạc bởi trên đỉnh đầu.
- Tượng con voi bằng đồng.

Các đồ vật «bản xứ» cho biết thị trấn Óc Eo là một trung tâm công nghệ rất phong phú. Sản phẩm bằng đồng, thiếc cũng như nữ trang bằng vàng, vàng nạm ngọc thạch đạt đến một kỹ thuật tinh vi. Riêng nghề nấu thủy tinh và nghề chạm ngọc thạch, mã não cũng rất điêu luyện.

Người đời sau thắc mắc không hiểu vì sao vùng Óc Eo bị chôn dưới lớp cát? Nhìn vào những món vật khai quật được, các nhà khảo cổ có thể chứng minh là dân chúng đã hấp tấp rời bỏ một cách vội vàng đến nỗi những đồ quý giá như nữ trang, vàng bạc cũng không kịp mang theo. Phải chăng có một thiên tai hải hùnh rơi xuống vùng Óc Eo? Theo tài liệu địa chất học thì mỗi năm hầu hết miền tam giác châu sông Cửu Long đều bị ngập lụt. Chất phù sa do sông này mang theo bồi đắp thêm cả vùng, ước lượng lối một tỷ rưỡi thước khối. Trong mấy tháng mưa, nước sông chứa nhiều phù sa hơn tháng nắng.

Ông Malleret cho rằng sự bành trướng của miền tam giác châu tương đối chậm. So sánh các bản đồ từ năm 1752 đến nay, ta nhận thấy không có sự khác biệt bao nhiêu. Ông nói rằng vùng Óc Eo hằng năm đều chịu cảnh ngập lụt, bằng chứng là những nhà sàn tìm thấy trong lòng đất. Riêng Óc Eo bị vùi lấp có lẽ do một trận lụt kinh hồn thỉnh linh đổ ụp bùn lầy, phù sa xuống thành phố. Thiên tai có thể xảy ra vào khoảng cuối thế kỷ thứ 7. Quan sát chung quanh, người ta thấy ở những nơi thấp lớp phù sa dày lối 2 thước, nơi cao (đất giồng) lối 6 tấc. Trung bình mỗi năm sông Cửu Long bồi một lớp đất dày từ 0,0005 đến 0,0006 thước hay lối 0,05 đến 0,016 thước mỗi thế kỷ. Các nhà địa chất học gọi là «phù sa mới» thuộc thời Pleistocènes (phù sa cũ thuộc thời Holocènes).

## THỊ TRẤN THNOL MOROY

Thị trấn THNOL MOROY, còn gọi là THNAL MRAY thị trấn "trăm đường", đã được nhắc nhắc nhờ từ lâu. Năm 1931, Ông LUCIEN BOUSCARDE, Thanh Tra Học Chính ở Bạc Liêu ngồi thuyền theo ngã kinh CẠNH ĐÈN đến QUAN LỘ đi vào nhưng bị lạc giữa đồng hoang nên không thể ấn định rõ rệt vị trí của thị trấn.

Năm 1938, người ta càng bàn tán nhiều hơn. Có người cho rằng nơi đó là một địa điểm đóng quân của Vua Gia-Long trong lúc chống nhà Tây-Son, và gọi tên là LIẾP ĐÁ, LIẾP BÀN, LIẾP VƯỜN, ĐÈN CÔNG CHÙA, hoặc NỀN CÔNG, CHÙA. Người Việt gốc Miên nói rằng đây là một thành phố xưa có nhiều đường lộ hoặc bờ đê nên mới có tên THNOL MOROY, thị trấn trăm đường.

Tháng 4 năm 1938, trong lúc công tác ở SÓC TRĂNG, ông MALLERET được một người Việt gốc Miên hướng dẫn theo ngã CÀ MAU xuôi giòng sông Trẹm và sông CẠNH ĐÈN qua vùng sinh lầy đến một giải đất rộng mà người dân đường thú thật không còn biết gì thêm nữa. Trên giải đất này, ông MALLERET tìm thấy một miếng đá lót bằng điệp thạch, vài mảnh đá cát (Hoa cương thạch) và nhiều mảnh nôi, niêu, chén hũ bẻ. Vùng này hoàn toàn hoang vắng bấy giờ thuộc xã VINH PHONG, tổng THANH YÊN tỉnh Rạch Giá. Người Việt gốc Miên dời đi nơi khác trong năm 1926-1927 lúc tên CHUCHOC nổi loạn. Trên mặt đất có vài dấu vết đào xới. Người ta quả





*Chiếc nhũn hình bò thần NANDIN*

quyết rằng một vị tu sĩ ở ẩn trong vùng đã tìm được nhiều thoi vàng.

Cuộc tìm kiếm được tiếp tục vào tháng 4 năm 1943 do ông Lucien Bouscarde, lúc ấy giữ chức Thanh Tra Học Chánh liên tỉnh ở Long xuyên đã khám phá được nhóm gò đồng đập cao trên ấy có nhiều viên gạch và mảnh chén, nôi, bẻ rất giống với loại ở Ốc Eo.

Tháng 4 năm 1944, Ông Malleret cùng với ông Bouscarde theo một con kinh mới đào bề dài 1.300 thước phía trong Cảnh Đền để tránh vũng lầy mà ông đã gặp năm 1938. Hai ông tìm thấy rất nhiều vỏ sò ốc trong vùng đất đã san bằng và một đồng lớn vỏ sò huyết không lồ chứng tỏ nơi đó xưa kia là bờ biển. Dọc theo bờ kinh có vỏ sò mảnh nổi chén bề mưng những nét vẽ giống loại ở Ốc Eo, ngoài ra cũng có vài kiểu khác lạ. Nhiều mảnh vỡ thật lớn chứng tỏ là lu hay hú to. Ông Malleret gặp một cái hủ nguyên vẹn nhiều cổ và chân hủ, những mảnh gạch nai, nhiều xương người và thú vật. Người đất đường đưa ông đến một địa điểm, nơi đó một ngày trước, có người vừa tìm được sáu cái sọ người nằm gần nhau. Đồng bào trong vùng đã để sáu đầu lâu trên bờ kinh và dự tính sẽ giết heo cúng tế trước khi chôn cất. Ông Malleret thấy bốn cái còn nguyên vẹn, một cái bể nát và cái thứ sáu bị người nào an cặp mắt hồi hóm. Nơi tìm thấy đầu lâu này có rất nhiều xương người ở cách đây lối 50 thước về phía Đông. Không có một bộ xương nào còn nguyên vẹn. Ông đem hết về Saigon hôn cả những đốt xương sống và xương tay, xương chân vừa đào gặp. Ông dò lòng kinh mới đào thấy nhiều nơi sâu từ 1 thước 20 đến 1 thước 30, có nơi 1 thước 50. Chính mộ xương tàn nằm sâu trong lòng đất từng ấy thước. Trên đó

giữa 50 phân và một thước là vỏ ốc, từ 50 phân trở lên là mảnh lu, chén bẻ. Không ai thấy dấu vết nhà sàn hay đá ong. Cuộc nghiệm xét mặt trong một hồ nuôi cá đảo sâu 2 thước 30 cho thấy đất sét màu sậm pha trộn với phân cây có màu đen choán hết bề cao cái hồ không có xếp tầng tầng rõ rệt, đến lớp cát ở giữa cũng không có. Hai gò đất cao cách nhau lối 30 thước, chung quanh có nhiều viên đá cát lớn bao phủ gông các gò đất ở Ốc Eo. Đá chất thành hình tròn bề cao từ 4 đến 5 thước trong ấy có một ít gạch. Đá cát này rất mịn như đá ở núi Sập.

Tại ngôi miếu gọi là miếu ông Vua hay miếu Hoàng tử Cảnh có hai phiến đá thờ gọi là Pesani và một tượng đá hình dương vật (linga). Trong nhà một nông dân ở Cảnh Đền có một phiến đá tròn có cạnh. Tất cả những đá thờ, xương người và vỏ sò đều tìm được trong lúc đào kinh. Ngoài ra còn có một miếng cẩm thạch để làm nữ trang, một miếng đá phiến nhám thạch màu xanh dợt giống hình một hoa tai, một chiếc nhẫn có một đê gân đá, một miếng kim khí hình tròn có vòng đeo và nhiều viên đá tròn để kết làm vòng đeo cò, tất cả rất giống những loại nữ trang tìm thấy ở Ốc Eo. Trong nhà một đồng bào, ông Malleret thấy một cái bầu tròn, một cái đĩa có chân bằng đồng đóng mộc xanh giống loại đã tìm thấy ở Tráp đá và Ốc Eo.

Theo bà E. GÉNET VARCIN, những xương người này thuộc giống người Nam Dương quần đảo gọi là giống Protomalais ở các hải đảo miền Nam đi dần lên. Giống người này cùng loại với những người Thượng ở Việt Nam, người Kha, người Boloven ở Lào, người Penang, Bahnar, Plen ở Cao Miên, người Dayak ở Bornéo.



Hạt mã-nỏ chạm hình hai con chuột kéo xe do gà cầm cương

## BỐN BẢN VĂN PHẠN NGỮ<sup>3</sup> (SANSKRIT) CỦA PHŨ-NAM

Bốn bản văn này, hai bản ghi trên mặt tường trụ đá tìm được ở Đồng tháp mười (Kiến Phong) và ở Bati (Cao Miên), một bản ghi trên bia đá ở Võ Cảnh (Khánh Hòa) và một bản ghi trên bia đá ở tỉnh Takeo (Cao Miên).

BẢN THỨ NHẤT khắc trên một tường trụ ở cửa tò vò bằng đá phiến nham tìm thấy trong những khối đá đổ vỡ của đền Prasat Pram Lovek ở Đồng tháp mười. Người ta khiêng phiến đá ấy đến Tòa Hành chính Sadec khoảng năm 1878—1879 và mãi đến năm 1928 mới đem về Viện bảo tàng Saigon.

Bản văn gồm 22 hàng chia làm 12 đoạn truy niệm sự cung hiến một hình tượng chạm dấu chân vị thần Vishnou gọi là CHAKRATIRTHASVAMIN. Theo lời văn ghi lại thì tác giả là Thái-tử GUNAVARMAN, chắc chắn mấy đoạn đầu thuộc về vị Quốc vương cha của Thái-tử hoặc các đấng Tiên vương gần nhất, tiếc thay mặt chữ đã mòn nhiều chỗ. Người ta chỉ được biết bản văn ghi vị Quốc vương, cha của Thái-tử GUNAVARMAN, thuộc dòng dõi Vua KUANDINYA, đã giao cho con chỉ buy một lãnh thổ "chính phục được trên vùng bùn lầy", nghĩa là đã tháo nước cho khô ráo phù sa sông Cửu Long tạo nên cánh Đồng Tháp mười ngày nay.



BẢN VĂN (1)

Đoạn 1. (Mòn hết)

Đoạn 2. ... ân huệ của người... Vua Ja... do cánh tay của ai, vùng Biên sừ bị tát cạn trở thành một hồ Thần-đơn (2).

Đoạn 3. . . . trong trận chiến với nhà Vua tên Vira. . . Caturbhuja . . .

Đoạn 4. . . . ãrãna bị lửa thiêu hủy . . .

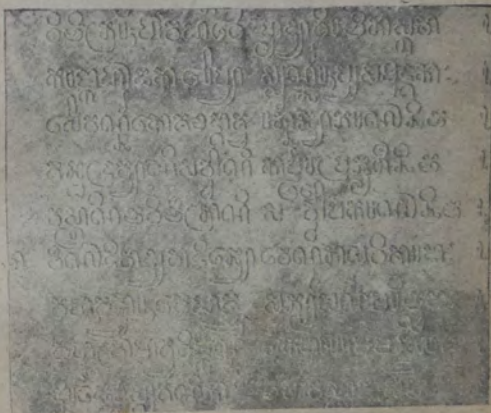
Đoạn 5 . . . hoa sen . . . trên mặt đất . . . tất cả . . . quân đội đối phương . . . nhờ người mà trên thế gian này có vô số đền thờ thần Bhagavat xây cất với nhiều cửa cái.

Đoạn 6. Nhà Vua đã cưới một người đàn bà đẹp có một dáng đi . . . và một thất lưng xinh xắn, sanh đứa con trai tên Gunavarman, tâm hồn cao thượng và trí thông minh . . .

Đoạn 7. Do nhà Vua gặp vận may có dáng đi hùng dũng của vị thần Vikramin và chính là «Mặt trăng» của giòng dõi Tiên vương Kaundinya, vị Thái-tử này, dù còn nhỏ tuổi, đã được chỉ định lãnh đạo một địa phương sùng đạo chính phục trên bản lầy, nhờ Ngài là người có đạo đức và phẩm hạnh.

Đoạn 8. Do Thái-tử Gunavarman.. của bà mẹ Ngài đã đặt trên mặt đất dấu chân của thần Bhagavat, dấu chân mà cách trình bày với sắc thái không thể so sánh được do Ngài xây dựng. (Ngài) không còn muốn hình ảnh nào khác trên đời nữa.

(1) Những dấu chấm là nguyên văn mòn hết.  
(2) Thức ăn của thần thánh.



Đoạn 9. Ngày thứ tám, dấu chân này cũng dâng chừ thân do các vị tu-sĩ Bà-la-môn thông hiểu kinh Vệ Đà, kinh Upaveda và kinh Vedanga, giống như những người bắt tỳ, đã nhận những huấn điều trong kinh điển Cruti, tuyên bố danh xưng trên mặt đất là Cakratirthasvamin.

Đoạn 10. Mong rằng người sùng đạo đối với vị thần ngự tại địa điểm đã kính dâng lên thần Çri Cakratirtha, điều thiện... của Thái-tử Gunavarman đạo đức, hiếu thuận và nhân từ hoặc người nào chỉ đi vào (đền), sẽ đến nơi yên nghỉ tối

cao của thần Vishnou với tâm hồn hoan hỉ, giải thoát được nghiệp chướng xấu xa của mình.

*Đoạn 11.* Người nào được Gunavarman là vị Thái-tử rất chuộng sự công bình kỳ thác cho thần Bhagavat phải tuân theo lệnh Ngài, tùy theo sự sắp xếp của tất cả tu-sĩ Bhagavatas, những kẻ khôn khéo không được bảo vệ và những kẻ làm việc tại nơi ấy, chiếu theo luật định, kẻ nào làm trái ngược qui tắc sẽ sa xuống địa ngục của Diêm-vương Yama cùng với những kẻ mang năm trọng tội (1)

*Đoạn 12.* Mong rằng người có tâm hồn cao thượng sẽ làm khỏi sắc những điều tốt đẹp của thần Bhagavat... được đến nơi yên nghỉ tối cao của thần Vishnou và đạt được một thanh danh to tát, vui hưởng niềm hạnh phúc vô biên.

x x x

**BẢN THƯ NHÌ** được Thiệu-tử de Lajouquiere báo cáo lần đầu tiên, khác trên một miếng đá phiến nhám trước kia dùng làm tường trụ và sau đó lại dùng làm mi cửa mặt ngoài, phía dưới cánh cửa hông hướng Nam của công vào hướng Đông, trong vòng thành trung ương của ngôi đền Ta Prohm (tỉnh Bati). Năm 1920, theo lời yêu cầu của ông Georges Maspero bây giờ giữ chức vụ quyền Công-sứ ở Cao-Miên, sở Mỹ-thuật Miên ở miếng đá ấy đem về Viện bảo tàng Albert Sarraut ở Phnompénh.

Bản văn viết bằng Phạn ngữ (Sanskrit) gồm có một số hàng không thể xác định và lối hai mươi hàng có thể nhận ra. Sáu đoạn đầu và hai đoạn kế có thể phiên dịch hoàn toàn, 6

(1) Năm tội lớn nhất là: giết một tu-sĩ Bā-la-môn, say rượu, ăn cắp, ngoại tình với vợ thầy mình và đồng mưu với một trong 4 tội kể trên.

đoạn tiếp theo chỉ đọc lóm bóm nhưng cũng có thể dịch được, từ hàng thứ mười ba, mặt đá mòn nhiều thái quá không nhìn ra chữ.

### BẢN VĂN

*Đoạn 1.* Vinh diệu thay cho kẻ chiến thắng được kẻ thù là tất cả sự đam mê với những dấu vết của chúng (mắm móng, nghĩa là sự đam mê trong trạng thái ngủ say). Vinh diệu thay cho kẻ đạt được trạng thái hoàn toàn trong mọi việc mà lý trí không nhận chân những chướng ngại, hiểu được kinh Jina với lòng từ bi và hướng vào hạnh phúc của người khác, mà diễm vinh quang vĩ đại và không có tí vết truyền bá trong khắp lãnh vực của không gian.

*Đoạn 2.* Sau khi cứu vớt được thế giới đắm chìm trong lòng đại dương của ba điều kiện tạo dựng (ưa nhục dục, nhục thể, vô hình) và đạt tới Niết Bàn là vùng đất cao nhất không thể thấy được, không thể so sánh được... đáng Tôn sư ấy mà những thánh tích nhằm vào sự tạo hạnh phúc cho muôn loài, hiện nay vẫn còn ban bố hạnh phúc cho kẻ khác.

*Đoạn 3.* (Nhà Vua) mặc dù ở địa vị cao cả cũng không xem một đức hạnh nào như là không có ý nghĩa, và giống như một bầu vật đội trên đầu... đứng trên muôn loài, và cố gắng chiêm nghiệm tất cả đức tánh của Hoàng gia hợp lại, Quốc vương Çri Rudravarma này quả là người duy nhất của đáng Hóa công tạo nên ở thế gian.

*Đoạn 4.* Tất cả việc thiện của nhà Vua rất mực trung thành với Phật pháp (dharma)... mục đích thực hiện những ý định tốt của Ngài đối với thế gian và không phải (để thực

hiện) những việc làm của tên Ksatrīja trái ngược với ý Ngái.

Đoạn 5. Đấng tử thân của nhà Vua này là Quốc vương Jayavarman bổ nhiệm người con của một tu sĩ đứng đầu giới tu sĩ Bà la môn giữ chức Thanh tra Tài sản.

Đoạn 6.... Đức Thích ca. Đức Dharma, Đức Sangha, mỗi vị với tất cả đức tốt, tru tú... người thực hiện mọi hành vi của một Upasaka, không bị sa ngã...

(Từ đây đến cuối, chữ mờ không thể đọc được. Hai đoạn đầu tỏ lòng tôn kính Đức Phật, hai đoạn kể tỏ diêm vĩnh quang của Quốc vương Rudravarman, đoạn 5 ghi đấng tử thân của nhà Vua là Quốc vương Jayavarman bổ nhiệm một người con của vị tu sĩ Bà la môn giữ chức Thanh tra Tài sản. Đoạn tiếp nói chắc chắn ghi lời khen tụng của viên chức này và của gia đình ông ta cũng thuật lại việc xây cất vài ngôi đền dưới triều Vua Rudravarman)

x x x

BẢN THỨ BA tìm thấy ở làng Võ Cảnh hay đúng hơn ở ven làng Phó Văn hoặc Phú Vinh, tổng Xương Hà, huyện Vinh Xương, tỉnh Khánh Hòa. Bản văn ghi trên một bia đá hoa cương kích thước mặt ngoài lối 1 thước 53 x 0 thước 72 x 0 thước 67, bề cao toàn diện hơn 2 thước 50, phần ghi chữ lối 1 thước 40, bề cao của chữ 0 thước 04, viết bằng Bắc Phạn (Sanskrit). Xưa kia, bia được dựng gần một ngôi tháp xây bằng gạch dấu vết còn thấy đến năm 1901 mới tuyệt tích.

Toàn thể bản văn rất khó đọc, chỉ có 8 câu chốt có thể hiểu từng đoạn, mục đích ghi lại cuộc xây dựng ngôi đền thờ

của vị Quốc vương kế nghiệp Vua Çri Mara. Cờ nhân khắc chữ trên hai mặt bia, mỗi hàng viết từ mặt này sang mặt kia chữ không phải chữ trên mặt trước thuộc trang 1, chữ mặt sau thuộc trang 2.

### BẢN VĂN

... lòng trắc ẩn đối với muôn loài... trận chiến thắng thứ nhất... Ngày trăng tròn, Người tuyên bố trong buổi họp theo vị Quốc vương tru tú của tất cả Quốc vương rằng : «Ta muốn (bá quan) uống giọt nước thánh của lời nhà Vua phán !»

Người... thuộc giòng Vua Çri Mara, người được danh dự cùng huyết thống với (Vua) Çri Mara đã tuyên bố giữa (buổi họp) những kẻ ấy, lời nói đầy háo ý đối với muôn loài. Người là bậc tru tú nhất của hai 'Karins', khi ngự trên ngai vàng, Người xem xét tình trạng bất an của thế gian, mà rằng :

«Khi con Trâm và em Trâm cùng người nào khác được thỏa mãn ý muốn chiếm tài sản làm của riêng... những gì (tạo thành) kho tàng của Trâm, bạc, vàng, những vật hay dời đổi và bất động, tất cả món ấy, Trâm cúng hiến cho họ với niềm vui sướng và sự lợi ích (cho muôn loài). Đây là lệnh của Trâm : Những vị Quốc vương sắp đến phải làm cho phù hợp ý Trâm. Cũng phải biết bày tỏ của Trâm tên Vira...»

(Ý nghĩa về tình trạng bất an của thế gian, lòng trắc ẩn đối với muôn loài, sự hy sinh tài sản cho kẻ khác, tất cả những đặc tánh mà vị Quốc vương kế nghiệp Vua Çri Mara biểu thị lòng rộng rãi của mình là một bản văn quá rõ rệt thuộc về Phật Giáo. Những nhà Vua theo Bà la môn thường cúng hiến vô số tài sản vào các đền thờ, không bao giờ nghĩ đến việc



giúp đỡ mọi người bằng số tài sản thịnh dư. Tinh thần của Đức Phật Acoka thể hiện trong bản văn này).

x X x

**BẢN THỮ TU** ghi trên phiến đá nham được ông R. Dalet tìm thấy trong một đồng đá ở gần miếu thờ ông Tà Dambang Dek thuộc xã Khvao, quận Prei Sandek, cách ngôi chùa Somsavodel lối 200 thước, trong tỉnh Treang, nay gọi là Takeo.

Bản văn gồm 18 hàng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) chia làm 5 đoạn. Từ cuối hàng thứ bảy nhiều chữ bị lu mờ không thể đọc được.

Lời văn nói về việc lập một tu viện thờ thần VISHNOU có một hồ nước và một tư thất do Hoàng hậu Kulaprabhavati, Chánh cung của Quốc vương Jayavarman coi sóc.

### BẢN VĂN

**Đoạn 1.** Cho người nặng lòng suy tưởng yên giấc ngàn thu nơi lăng tẩm này là vùng Biền sữa, nằm trên giường đầy những rắn Sesa uốn cong mình; chúc người yên nghỉ nơi đây gồm ba thế giới trong lòng mình, người nằm đây có một đóa hoa sen mọc từ cuống rún, bảo vệ Hoàng hậu, Chánh cung của Quốc vương Çri Jayavarman.

**Đoạn 2.** Hủy danh là Kulaprabhavati, Hoàng hậu giúp gia đình Bà thịnh vượng nhờ đức hạnh của Bà. Bà được Quốc vương Jayavarman khen tặng như một giáo lý nhờ vào sự chiến thắng (những kẻ khác) của Ngài.

**Đoạn 3 . . . .** nơi cư ngụ của tín đồ Bà là môn giáo tại thành Kurumba... đã dựng một tượng thần trang sức bằng vàng... với tâm tư chịu nặng vì những kết quả không tốt của việc làm... dù có điều vui vẻ nhưng thiếu niềm hạnh phúc.

**Đoạn 4.** Nổi danh trên hoàn vũ như Hoàng hậu, như Chánh cung Saci của Quốc vương Sakra, Svaha của Thần Lửa, Rudrami của Hara và Sri của Sripati, rất muốn được kết duyên với Quốc vương Sri . . . đã nhiều phen nhận xét sự bất nhứt của nhà Vua trên thế giới . . . . .

**Đoạn 5.** Rất thân mật với Quốc vương Çri Jayavarman . . . đã nhận như là người bạn của Bà và hưởng nhiều hạnh phúc... đã ý thức rằng việc thụ hưởng điều lạc thú chóng tàn như bọt nước... (bà xây cất) một tu viện có hồ nước và một tư thất . . . . .

(Bản văn này do ông U.N. Ghoshal phiên dịch chữ Sanskrit ra Anh ngữ)



Tượng Phật bằng gỗ dưới triều PHÙ NAM tìm được ở  
Đông tháp mười

## TRIỀU ĐẠI PHÙ NAM

LIEOU - YE (? - ?)

Nguồn gốc của vương quốc Phù Nam được ghi trong quyển «Sử ký Tư-mã-Thiên» về đoạn Sử giả Việt Thường nhờ kim chỉ nam của ông Châu Công đi về nước Phù Nam và Lâm Ấp có nói nước Phù Nam đang có một vị Nữ vương tên SAY-LIÊU trị vì. Ông Mã-đoàn-Lâm trong quyển «Văn hiến thông khảo» ghi rằng Phù Nam có một Nữ vương tên DIỆP-LIÊU mạnh mẽ, còn trẻ tuổi rất giống con trai, can đảm phi thường, nổi danh trong những cuộc chinh phạt các quốc gia láng giềng. Người Pháp phiên âm danh từ DIỆP LIÊU là LIEOU-YE hoặc YE-YE (1) và cho rằng có nghĩa là «LÁ DỪA». Người Tàu cho là «LÁ DƯƠNG LIÊU».

Không ai biết được gì thêm về Triều đại này vì Lieou-Ye không biết chữ nên không để lại di tích nào và chưa có bang giao nước Trung Hoa nên người Tàu không nhắc trong sử của họ.

(1) Người Pháp cho rằng «có thể» xưa kia ở Phù Nam có một «ngành họ tên LÁ DỪA» cũng như họ đã tìm thấy trong lịch sử nước Chiêm Thành.

### KAUNDINYA (? - ?)

Sử liệu đầu tiên nói về Phù Nam là tập ký ức của K'ANG-TAI (Khang Thái) và TCHOU-YING (Châu Ưng), hai vị Sứ giả Trung Hoa giữa thế kỷ thứ 3 Dương lịch. Bản chính tập ký ức này đã mất nhưng nhiều đoạn còn rải rác trong các Niên giám và các tập «Bách khoa toàn thư», hợp với một bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) vào thế kỷ thứ 3 Dương lịch chứng minh được lịch sử của quốc gia này vào hai thế kỷ trước.

Theo ông K'ANG-TAI (Khang Thái) thì vị Quốc vương Phù Nam thứ nhất tên KAUNDINYA (1) phiên âm là HOUEN T'IEU hay HOUEN CHEN, người Việt dịch là HỒN ĐIỀN. Nhà Vua là người ngoại quốc, có lẽ từ Ấn độ, bán đảo Mã lai hay về các đảo từ phía Nam, nơi 16, sứ Trung Hoa chép rằng có một vương quốc tên là KIẾU (KIAO). Ngài rất tôn sùng các vị thần Bì la môn nên thân cảm động. Một hôm, Ngài nằm mơ thấy vị thần trong gia đình cho Ngài một cây cung và truyền lệnh Ngài xuất dương trên một chiếc thuyền lớn. Sáng hôm sau, Ngài vào đền thờ làm lễ và thấy cây cung ở dưới gốc cây, bèn dong buồm ra biển, gió thần đưa thuyền đến đất Phù Nam. Vị Nữ vương Lieou-Ye thấy người lạ liền xua quân cỡi thuyền nhẹ ra định đánh cướp bị Kaundinya bắn một phát tên thần xuyên qua thuyền đến tận chỗ Nữ chúa đứng, trúng một tên quân. Lieou-Ye hoảng sợ, xin đầu hàng và chịu kết duyên với vị Hoàng thân

(1) Kaundinya theo đạo Bà la môn gốc ở Motie (Ấn độ) nơi mà vào giữa thế kỷ thứ 3 người Trung Hoa gọi là WOU-WEN; ông thuộc vào một ngành họ nổi danh trong vùng Tây Bắc nước Ấn.

Ấn độ, lập nên vương quốc Phù Nam. Ngài không bằng lòng thấy vợ trần truồng, lấy tấm vải xếp lại trông từ trên cổ để che thân. Đoạn, Ngài cai trị lãnh thổ tự xưng là «Đại Hoàng đế nước Phù Nam» lấy theo vương hiệu RĀJĀDHIRĀJA của Ấn độ. Ngài sanh một Hoàng tử và cấp cho 7 thành phố làm ấp phong.



Một môn nữ trang : hình con ruồi mang viên ngọc.

Chắc hẳn cốt truyện này là biến thể của một huyền thoại Ấn độ nói về vua Kaundinya và công chúa SOMĀ, ái nữ



của Vua Rân bảy đầu. Truyền thần tiên này được khắc trên bia đá tìm thấy tại Mỹ Sơn đất Chiêm thành, nay thuộc tỉnh Phú Yên. Truyền chép rằng Vua Kaundinya lãnh một cây giáo do thần AÇVATTHAMAN con của thần DRONA tặng. Ngài phóng xuống đất để chỉ nơi Ngài sẽ xây để đó tương lai, rồi Ngài phối hôn với SOMĀ (1), ái nữ của thần RĀN NAGA và sáng lập một vương triều, sanh một dòng Vua cai trị đất Phù Nam.

Ngoài việc dạy đàn bà mặc chân thay vì để trần truồng, Vua Kaundinya đem văn hóa Ấn độ, chữ viết và luật pháp truyền bá trong dân gian. Đây là sự "Ấn độ hóa" ở Phù Nam lần thứ nhất.

(1) Cuộc phối hợp huyền bí này còn được duy trì dưới triều đại ANGKOR vào cuối thế kỷ 13 bằng một cuộc lễ do vị Tùy viên Sứ giả Trung-Hoa CHĀU-ĐẠT-QUAN (Tchéou-ta-Kouan) ghi trong tập kỷ ức «Chân lập phong thổ ký» như sau : «...Tôi có nghe nói rằng ở trong cung có nhiều chuyện lạ lùng lắm, nhưng có một loại cấm võ cũng nghiêm nhặt không cho ai thấy. Nhà Vua ngủ trong ngôi tháp bằng vàng giữa cung. Nhiều nhà tai mắt trong nước thuật với tôi rằng: xưa kia trong tháp ấy có một nàng tiên ăn vào hình con rắn chín đầu là vị tiên bảo hộ cho quốc gia dưới triều đại của một vị Quốc vương. Nàng tiên ấy mỗi đêm biến thành một thiếu nữ đi tìm nhà Vua để ăn ái. Nhà Vua đã có vợ nên bà Hoàng Hậu không dám vào cung trước một giờ nào đó, nhưng sau hai tiếng gõ làm hiệu cho biết nàng tiên đi rồi nhà Vua mới có thể tiếp Hoàng Hậu hay mấy bà vợ khác. Nếu nàng tiên không đến một đêm đó là dấu hiệu nhà Vua sắp băng, nếu nhà Vua vắng mặt trong cuộc hội ngộ thì người ta có thể tin chắc rằng sẽ có một trận hỏa hoạn hoặc những thiên tai khác»...

### HOUE-N.P'AN-HOUANG (?-917)

Sử ký nhà Lương (Leang 502-556) chép rằng một trong những người con của Vua Kaundinya là HOUE-N-P'AN-HOUANG (Hồn-Bàn-Huống), sanh năm 127 Dương lịch. Ngài nối ngôi Vua cha, dùng mưu phân chia lãnh thổ làm nhiều chư hầu và gieo rắc sự nghi ngờ giữa các Lãnh chúa. Đoạn, Ngài cầm quân tấn công và dẹp hết tất cả vị này, giao cho con, cháu trấn đóng, gọi là Tiều vương. Ngài thăng hà năm 90 tuổi, vào đầu thế kỷ thứ 3.

### HOUE-N.P'AN-P'AN (917-920)

Người con thứ tên HOUE-N-P'AN-P'AN (Hồn-Bàn-Bàn) nối ngôi theo cuộc bầu cử. Tân vương rất tôn sùng việc thờ cúng thần Çiva. Ngài giao binh quyền cho một tướng lĩnh tên ÇRI MĀRA, người Trung Hoa gọi là FAN-MAN (PHẠM MẬU) để nghỉ ngơi, Sau ba năm ở ngôi, nhà Vua thăng hà.

### FAN.CHE.MAN (920-925)

Theo sử Nam triều nhà Tê (Tê'i 479-501) toàn danh của FAN.MAN là FAN-CHE-MAN (Phạm sử Mậu). Tướng Fan-Che-Man được dân chúng bầu lên ngôi Vua. Ngài là một tướng can đảm đầy mưu lược, nối chí Tiên vương xưa quân chinh phục lân bang trên lục địa và trên mặt biển khiến Ngài nổi tiếng lẫy lừng. Ngài hành trượng thế lực rộng lớn, người thời bấy giờ tôn Ngài là «Phù Nam Đại vương». Ngài lập một hải cảng chi phối mặt biển, đóng nhiều chiến thuyền lớn và vượt khắp đại dương.

Sử ký nhà Lương (502-556) chép rằng : «Ngài tấn công

10 vương quốc và kể tên 3 vương quốc, trong số này là KIN-TOU-K OUEN có lẽ là miền Nam Trung Việt, KIEOU-TCHE và TIEN-SOUEN ở vùng Ligor (Mã lai). Ngải mờ mang bờ cõi rộng năm hay sáu ngàn lý (hơn 3000kms). Ngày nay người ta khó tìm những vương quốc này, nhưng có thể đoán rằng các nước ấy thuộc vào những vùng thung lũng sông Mêkong, phần đất ở biên hồ TONLÉSAP (Cao Miên) và vùng đồng bằng, ở phía Nam là một phần đất Mã Lai, phía Tây là miền dưới Miến Điện. •

Ngải cũng chiếm được phần lãnh thổ chạy dài từ khoảng sông Mêkong-Đồng Nai đến vịnh Cam Ranh và Nha Trang nơi mà sau này người ta tìm được bia đá ở Võ Cảnh mang tên ÇRI MÀRA.

Người Trung Hoa cho rằng Vua FAN-CHE-MAN bị bệnh và tháng hạ năm 225 Dương lịch giữa lúc ông cầm binh chinh phạt một quốc gia tên KIN-LIN (Kim-Lân) «biên giới vàng». Người ta cho đây địa danh ở SUVANNABHUMI «đất vàng» theo các bản văn viết bằng chữ Nam Phạn (PALI) hoặc ở SUVARNAKUDYA «vách tường vàng» theo các bản văn viết bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) thuộc miền Nam Miến Điện hay bán đảo Mã Lai. Trước khi lâm chung, Ngải giao ngai vàng cho Thái tử tên FAN.KIN-CHENG (Phạm.kim-Sanh) và truyền lệnh cho con tiếp tục cuộc hành quân.

### FAN - KIN - CHENG (225)

Thái tử FAN-KIN-CHENG (Phạm.kim-Sanh) là người con trưởng, bị người anh bà con tên FAN-TCHAN (Phạm-Chiêu) ám sát. Phạm-Chiêu là con người chị cả của Quốc vương

Phạm-Mậu tức là cô của Phạm.kim-Sanh. Ông có 2.000 thú hạ và sai đến gạt Vua rồi hạ sát để đoạt ngôi.

Quốc vương Phạm-Mậu khi tháng hạ có một người con còn bé tên FAN-TCH'ANG (Phạm-Trường) sống trong dân chúng nên khỏi bị hại.



Giây chuyền vàng có khay cài.

FAN-TCHAN (225-245)

FAN-TCHAN (Phạm-Chiêu) lên ngôi. Ngài là một tướng lĩnh nắm binh quyền trong nước. Triều đại của Ngài ở vào năm 225 đến 250 Dương lịch. Đề cũng có địa vị, năm 228 Dương lịch, Ngài sai Sứ giả triều cống Vua Tàu, bấy giờ là Ngô-tôn-Quyên dưới thời Tam quốc phân tranh. Đây là lần đầu tiên, Phù Nam thông hiếu với Trung Hoa. Năm 229, Thứ sử nhà Ngô ở Giao Châu (Việt-Nam) là Lữ-Đại cử Sứ giả sang đáp lễ.

Trong quyển «Tam-quốc-chất» (SAN-KOUO-TCHE) của Trần-Thọ (TCH'EN-CHEOU) viết vào cuối thế kỷ thứ III, thuật lại những chuyện xảy ra từ năm 220 đến 280, có ghi ở hồi 60 tiểu sử của ông Lữ-Đại (LU TAI) làm Thứ sử đất Quảng Đông và Giao Châu dưới triều đại thứ nhất của nhà Ngô (WOU) vào thượng bán thế kỷ thứ III như sau:

«... Ngoài ra, nhà Vua phái các viên quan Tùng sự (TS'ONG CHE) đi khắp miền Nam lãnh thổ phò biển nên vẫn minh bản quốc gọi là chiến dịch NAM TUYẾN QUỐC HÓA, và các vị Quốc vương ngoài biên cảnh như Phù Nam, Lâm Ấp và Đường Minh (T'ANG MING) đều có gởi phái đoàn Sứ giả đến dâng lễ cống.»

Quốc vương Fan-Tchan có tiếp một du khách tên KIA-SIANG-LI (Gia-tường-Lê) quê ở tiểu bang T'AN-YANG người Tàu dịch là Đàm Dương thuộc vùng phía Tây Ấn độ đến Phù Nam. Du khách tường thuật những chuyện lạ về đất Ấn dưới triều đại Murunda (người Tàu dịch là MEOU-LOUEN) như phong tục tập quán, việc thi hành luật pháp, sự giàu có, ruộng đất phì nhiêu. Ông nói rằng ai muốn vật gì cũng

có và nhiều đại cường quốc thân phục quốc gia này từ nhiều thời đại.

Fan-Tchan hỏi :

— Từ đây đến đó bao xa, phải đi mất bao lâu mới tới ?

Kia-Siang-Li trả lời :

— Nước Ấn độ cách xa hơn 30.000 lý, đi và về phải mất ba năm hay bốn năm, đó là trung tâm diềm của Trời và Đất.

Nhà Vua mê say đến nỗi phái một người bà con tên SOU-WOU, người Tàu gọi là TÔ-VẬT, làm Sứ giả đi từ hải cảng T'EOU-KIU-LI (Đầu-Cầu-Lợi) có EB TAKKOLA ở bán đảo Mĩ Lai, theo một cái vịnh lớn thẳng hướng Tây Bắc, qua nhiều biển và nhiều quốc gia ngót một năm mới ngược dòng sông Hằng Hà dài 7000 lý đến triều đình Vua VASUDEVA. Phái đoàn khởi hành vào năm 240. Vua Ấn rất ngạc nhiên khi thấy phái đoàn Sứ giả triều kiến. Ngài phán rằng :

— Ở tận cùng bờ đại dương còn có người ở nữa hay sao ?

Ngài truyền cho bá quan đưa Sứ giả du ngoạn khắp lãnh thổ và gởi tặng Vua Phù Nam 4 con ngựa Nguyệt thế (indo-scythe), người Tàu dịch là YUE-TCHE, và cho 2 viên quan mà một vị tên TCH'EN SONG (Trần-Tống) đi theo về Phù Nam để cảm ơn nhà Vua. Khi SOU-WOU trở về vào năm 245, tính ra cuộc du hành mất 4 năm (1).

(1) Ông Lê-đạo-Nguyên (LI TAO YUAN) vào cuối thế kỷ thứ 5 và đầu thế kỷ thứ 6 cũng có viết truyền thuyết này trong quyển THỦY KINH LƯU (CHOUET KING TCHOU).



Theo sử ký Trung Hoa đời Tam quốc nhà Đông Ngô (222-265) thì năm 240, Vua Fan-Tchan có tiếp hai Sứ giả của Vua SUN-CHUAN (Tôn Quyền). Năm 243, nhà Vua gọi một phái đoàn đi Trung Hoa với lễ cống gồm có ngựa sì và thỏ sần. Năm 244, một văn phòng thương mại Phú Nam thành lập gần thủ phủ Nam Kinh gọi là PHÚ NAM QUÁN (FOU-NAN-KOUAN)

Chính Ngải là tác giả bản văn khắc trên bia đá tìm thấy ở Vô Cảnh (Nha Trang) trong ấy Ngải cho rằng Ngải là một thân tộc trong gia đình ÇRI MĀRA (FAN-CHE-MAN) vì Ngải là con của em gái của vị Quốc vương này.

Bấy giờ lãnh thổ Phú Nam mở rộng đến bờ vịnh Bengale. Vua Phú Nam giao thương với Ấn độ và Trung Hoa. Năm 225, Quốc vương FAN-TCHAN bị ám sát.

#### FAN-TCH'ANG (245)

Quốc vương FAN-TCHAN ở ngôi được 20 năm bị Thế tử FAN-TCH'ANG (Phạm-Trường) giết chết. Fan-Tch'ang là bảo đệ của Thái tử FAN-KIN-CHENG (Phạm-kim-Sanh) đã bị Quốc vương hạ sát để cướp ngôi. Năm ấy, Thế tử Fan Tch'ang được 20 tuổi, ngài hô hào các dũng sĩ trong nước giúp Ngài trả thù. Ngài bắt Quốc vương, dùng dao mổ bụng và nói rằng :

— Trước kia, chính tôi giết anh ta, bây giờ nhân danh Vương huynh, ta trả mối thù này.

Thế tử FAN TCH'ANG chưa kịp lên ngôi thì bị viên tướng soái tên ASSACHEY, người Tàu gọi là FAN-SIUN (Phạm-Tâm) giết và tự xưng làm Vua.

#### FAN-SIUN (245-287)

FAN-SIUN (Phạm-Tâm) là một nhà Vua hiếu hòa, chăm lo sản sóc con dân và giữ gìn uy tín bằng đường lối ngoại giao hơn là chiến tranh. Ngài xây nhiều vọng tháp, thành quách và thường đi dạo xung quanh. Buổi sáng và trưa, Ngài thiết triều ba hay bốn lần. Người ngoại quốc và thổ dân dâng tặng Ngài chuỗi, mía, rùa rùa, các loại chim. Vương quốc Phú



Hột chuỗi bằng vàng

Nam lúc bấy giờ bao gồm miền Nam Trung-Việt, miền Nam Việt Nam, lãnh thổ Cao Miên, miền Hạ Lào, một phần đất Thái Lan và bán đảo Malacca giữ một vai trò quan trọng giữa các quốc gia trên đại dương. Trong bán đảo Mã Lai có 5 nhà Vua đều là chư hầu của Phù Nam mà một là TOUEN-SIUN (Đôn Tồn). Vua Fan Siun có liên lạc ngoại giao với nước PI-K' IEN (Ti-Khiên) và Vua nước này gởi tặng bộ chén đĩa cho 50 người dâng toàn bằng vàng nguyên chất.

Vào khoảng năm 245 đến 250. Ngài tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa do hai ông K'ANG TAI (Khang Thái) chức Trung lang (Tchong lang) và TCHOU-YING (Châu Ứng) chức Tuyên hóa tông sự (Siuan houa ts'ong che) hướng dẫn. Sứ thần nhà Ngô (222-265) gặp Sứ giả của Vua VASUDEVA là TCH'EN SONG (Trần-Tống) cùng ông SOU WOU (Tô-Vật) vừa trở về Phù Nam. Hai vị được nghe nhiều chuyện về nước Ấn độ và Đông Nam Á, thấy những sự lạ ở Phù Nam nên khi về Trung quốc, ông K'ang Tai soạn quyển «NGŨ THỜI NGOẠI QUỐC TRUYỆN», «KHANG THÁI PHŨ NAM TRUYỆN» và «PHŨ NAM THỒ TỰC». Ông TCHOU YING soạn quyển «PHŨ NAM NHÂN VẬT CHỈ» để thuật lại các điều mắt thấy tai nghe trong chuyến công du. Một tác phẩm này không còn nhưng nhiều đoạn được ghi vào sử Trung Hoa. Đây là những sử liệu đầu tiên về Vương quốc Phù Nam.

Ông K'ang Tai thuật rằng :

«Vương quốc Phù Nam bề ngang rộng 3.000 lý, có nhiều đô thị, có tường cao bao quanh và bên trong có nhà ở. Nước da người dân màu đen, tóc ngắn, xấu xí, sống khoả thân, đi chân không và xăm mình. Đàn bà mặc cái chần trắng từ cổ

xuong chân, xỏ lỗ tai để đeo bông tòn ten. Nếp sống của họ rất đơn giản nhưng họ không trộm cắp. Họ làm nghề nông theo lối cổ, gieo giống một năm, gặt hái luôn ba năm. Họ thích điều khác và dùng đục chạm trở rất khéo. Nhiều món đồ dùng để ăn cơm như chén, đĩa đều làm bằng bạc. Dân chúng dùng thuốc bằng vàng bạc, trần châu và dầu thơm. Họ biết đục sách và có văn khố. Văn tự của họ giống như nét chữ của dân Hồ (HOU), một số dân ở Trung Á châu dùng Ấn tự. Cảnh vật trong xứ rất đẹp, nhưng dân chúng tỏ ra khiếm nhã. Thật là lạ lùng !»

Ông K'ang Tai thuyết phục Vua Fan-Siun ra sắc luật bắt buộc dân ông mặc quần áo và dân chúng lấy tấm vải quấn tròn xung quanh thân mình, gọi là Can-mạn (Kan man) giống như cái sarong. Nhà Vua truyền cho dân chúng mặc chân đất mỗi sau lưng gọi là sampot. Người giàu may bằng lụa có thêu bông hoa, người nghèo may bằng vải. Lối kết tóc bắt đầu phát hiện từ ngày ấy. Người Phù Nam làm đồ trang sức rất đẹp như nhẫn nam mặt ngọc, chạm trở vàng bạc, vòng cổ, chuỗi hạt (1).

Vua Fan-Siun ở ngôi rất lâu. Về mặt chính trị, từ năm 270 đến 280, Ngài có gởi quân liên kết với Vua Phạm-Hùng nước Lâm Ấp (Chiêm Thành) tấn công vùng phía Nam nước Cửu Châu (Việt Nam) qua đèo Napé. Đối với Trung Hoa, mỗi giao hảo được cấu kết: chặt chẽ nhờ các phái đoàn Sứ giả qua lại thường xuyên. Sử ký nhà Tấn (TSIN 265 — 420) ghi chép về những phái bộ trong năm 265, 268, 285, 286, 287 như sau :

— Năm thứ 4 triều THÁI THỈ (T'AI CHE 285) Vua Thế tổ

(1) Nhiều di vật này tìm thấy ở Óc Eo.

Vô đế Tư mã Viêm (265-290), vương quốc Phù Nam và Lâm Ấp gửi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

— Năm thứ 6 triều THÁI KHƯƠNG (T'AI K'ANG 285) Vua Thái tử Vô đế, mùa hạ, tháng 4, có 10 quốc gia trong ấy có vương quốc Phù Nam dâng lễ cống cây mía gọi là CHU GIÁ (TCHOU-TCHO) dài 3 gút mỗi trượng (tchang) và 100 đôi giày gọi là BẢO-HƯƠNG LÝ (PAO-HIANG-LU). Hình dáng lạ lùng của đôi giày khiến Hoàng Thượng chú ý đặc biệt và Ngài mỉm cười trước sự cầu tạ có vẻ thô kệch. Tuy nhiên Ngài truyền cắt trong dãy kho ở ngoài để giữ đầy đủ sản phẩm của mỗi nước.

— Năm thứ 7 triều THÁI KHƯƠNG (286) có 21 quốc gia trong ấy có vương quốc Phù Nam và 11 nước trong ấy có nước MÃ HÀN (MA HAN) gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

— Năm thứ 8 triều THÁI KHƯƠNG (287) vương quốc Phù Nam và KHƯƠNG CỖ (K'ANG-KIN) ở phương Đông gửi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

Ba lần sau này (năm 285, 286 và 287) là kết quả của sự bành trướng về việc giao thương theo đường biển sau khi nhà Tấn dẹp ba nước Đông Ngô, Tây Thục, Bắc Ngụy thống nhất Trung Hoa vào năm 280. Vua nhà Tấn bấy giờ (1) cần mua những phẩm vật thượng hảo hạng của các quốc gia ở phía Nam.

Mặt khác, Vua Phù Nam liên lạc mật thiết với nước Lâm Ấp (Chiêm thành), mà về sau người ta có thể cho rằng nhà Vua đã thống trị lãnh thổ láng giềng này.

(1) Nhà Tấn thống nhất Trung Hoa gọi là Tây Tấn (280-313)

Từ năm 287 đến 357 không hiểu vì lẽ gì người Trung Hoa không ghi chép về Phù Nam suốt 70 năm.

### TCHAN - T'AN (357 - ?)

Trước năm 357, không ai biết vì nguyên cớ nào Vương quốc Phù Nam lọt vào tay một nhà Vua lạ mặt. Đầu năm 357, Sứ ký nhà TẤN và nhà LƯƠNG (Tsin-Leang 502-556) có ghi những cuộc tiếp xúc với phái đoàn Sứ giả Phù Nam do nhà Vua CANDANA, người Tàu gọi là T'IENT-TCHOU TCHAN-T'AN phái đến. Sứ chép :

« Năm Thung Bình (1) (CHENG-P'ING 357) triều Vua Mục-đê (MOU-TI) thăng giáng, THIÊN TRƯC CHIÊU ĐÀN (T'IENT-TCHOU TCHAN-T'AN) Quốc vương Phù Nam dâng lễ cống một bầy voi nhà, Hoàng đế ban chiếu rằng: « Xưa kia, các đấng Tiên vương cho những con vật lạ lùng của các quốc gia ở xa xôi như là nguồn gốc của những điều tai hại cho dân chúng nên đã cấm chỉ. Bây giờ vật ấy chưa đến, ta có thể hoàn lại nguyên xứ. »

T'IENT-TCHOU là tiếng người Tàu gọi nước Ấn độ. Tên T'IENT-TCHOU TCHAN-T'AN nghĩa là người Ấn độ tên TCHAN-T'AN. Nhà chép sử mô tả nhà Vua giống như một người Ấn TCHAN-T'AN là phiên âm chữ Hán của danh từ CHANDAN, tức Vương của các vị KUSHANA thuộc dòng KANISEHA mà Quốc vương Phù Nam có liên lạc mật thiết vào bán thế kỷ thứ 3. Một thuyết khác cho rằng

(1) Vua nhà Tấn bấy giờ là MỤC ĐẾ (MOU-TI) thuộc triều Đông Tấn (317-420)



tước Vương CHANDAN cũng được dùng trong giới KOU CHAN. Vào giữa thế kỷ thứ 4, người KOUCHAN thống trị vùng đất dọc theo bờ sông Hằng Hà đến gần thị trấn Bénarès bị Hoàng đế SAMUDRA-GUPTA đánh dẹp và trục xuất khỏi đất Ấn. Hoàng đế Samudra-Gupta ngự trị vào năm 357, được toàn thể miền Bắc Ấn tùng phục. Có lẽ một số Hoàng thân KOUCHAN đã tị nạn ở Phù Nam và nhận một trường hợp nào đó chiếm được ngai vàng.



Kẹp áo bằng vàng

Dưới triều Vua Tchan-T'an có rất nhiều người Ấn di cư vì họa chiến tranh đánh dấu cuộc "Ấn độ hóa" ở Phù Nam lần thứ nhì. Người ta thấy cái máo hình ống và cái chân ngắn của dân Ba tư xuất hiện dưới thời này.

Sử Trung-Hoa ghi rằng triều đại Tchan-T'an chỉ triều cống có một lần thôi.

### KAUNDINYA ( ? - ? )

Sau đó, Vương quốc Phù Nam suy tàn, đến hậu bán thế kỷ thứ 4, Sử ký nhà LƯƠNG (Leang 502-556) chép rằng nhà Vua kế vị TCHAN T'AN là người Ấn thuộc giai cấp thượng lưu theo đạo Bà la môn tên là KIAO-TCH'EN-JOU, người Việt dịch là KIÊU-TRẦN NHƯ, chữ Phạn là KAUNDINYA, trùng tên với nhà Vua sáng lập nước Phù Nam. Ngài được Thần linh kêu gọi : "Hãy sang cai trị đất Phù Nam".

Ngài rất hân hoan ngồi thuyền đến lãnh thổ P'AN P'AN và được dân Phù Nam tiếp đón nồng hậu, tên Ngài lên ngôi. Một thuyết khác cho rằng nhà Vua là một nhân vật có tiếng tăm trong giới trí thức Ấn độ nhân đi viễn xứ Bán-Bản (1) (Mã lai) gặp lúc nước Phù Nam không có Vua, người Phù Nam sang mời Ngài lên ngôi báu. Ngài xưng tên là ÇRUTAVARMAN, cưới một nàng Công chúa và sửa đổi tất cả luật lệ theo hệ thống cai trị của người Ấn, và tự cho mình là người bình vực Thánh ngữ VÉDA. Bảy giờ đạo Bà la môn phái thờ thần Çiva mới được dân chúng tôn sùng nhưng đạo Phật phái Đại thừa vẫn thu hút nhiều tín đồ. Nhà Vua mời

(1) BÀN BẢN là tiếng Việt dịch danh từ P'AN P'AN của Trung Hoa, một lãnh thổ ở gần vùng LIGOR, nước Mã lai.

nhiều tu sĩ Bà la môn ở Ấn độ sang truyền bá mỗi đạo và cũng nhiều quyền lợi, chức tước. Ngài cho dạy chữ Ấn PRÉ-PALLAVA và lấy kỷ nguyên ÇAKA để tính ngày, tháng (Kỷ nguyên ÇAKA sau Dương lịch 78 năm)

Sau khi Ngài thống hà, người con trưởng nối ngôi.

**ÇRI-INDRAVARMAN**  
(424 (?) - 438 (?) )

Thái tử nối ngôi tên ÇRI-INDRAVARMAN hay ÇRESTHAVARMAN, người Tàu gọi là TCH'E-LI-T'O-PA-MO (TRỊ LÊ ĐÀ BẠT MA) có sai sứ sang Trung Hoa dưới đời Vua Văn-đế (WEN TI) nhà Tống (SONG 424-454) để trình một lá sớ và tặng nhiều phẩm vật sản xuất trong nước.

TỔNG THƯ (SONG CHOU) hay Sứ ký nhà Tiền Tống (420-478) do ông TRẦN ƯỚC (CHEN YO) soạn có ghi :

— Năm thứ 11 triều NGUYỄN HẠ (YUAN-KIA 434) Vua Văn-đế (424-454), các quốc gia Lâm Ấp, Phù-Nam và Holotan gởi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

— Năm thứ 12 triều Nguyễn hạ (435), tháng 7 ngày Ất-Dậu (YI-YEOU) Vương quốc XÀ BÀ TA ĐẠT (CHÔ PO-SO TA) và Phù Nam gởi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

— Năm thứ 15 triều Nguyễn hạ (438) vương quốc Cao Ly, Nhật Bản, Phù Nam gởi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống các phẩm vật trong nước.

Trong đoạn nói về giống tự ở phương Nam, Sứ chép:

\*Dưới triều Nguyễn hạ, năm thứ 11 (434), năm thứ 12 (435) và năm thứ 15 (438), Quốc vương Tri-Lê ĐÀ-BẠT-MA (TCHÉ-LI-T'O-PA-MO) gởi phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống\*.

Trong đoạn nói về xứ Lâm Ấp, Sứ ghi :

\*Nước Lâm Ấp muốn tấn công nước Giao Châu (KIAO-TCHÉOU) và mượn quân Phù Nam. Vua Phù Nam không bằng lòng\*.

**KAUNDINYA - JAYAVARMAN (470 (?) - 514)**

Mười năm sau, Sứ ký NAM TRIỀU nhà TỀ (TSI 479-501) dưới triều Vua VÔ-ĐẾ (WOU-TI) (483-494) do ông TỬ-TỬ-HIÊN (SIAO-TSEN-HIEN) biên soạn vào đầu thế kỷ thứ 6, lần đầu tiên nhắc đến Vương quốc Phù Nam về nhà Vua KIẾU TRẦN-NHƯ XÀ-ĐA BẠT-MA (KIAO TCH'EN-JOU CHÔ-YE-PA-MO), phiên dịch tên KAUNDI-NYA-JAYAVARMAN. Ngài tức vị năm nào không thấy nói. Có thuyết cho rằng Ngài trị vị khoảng năm 470 và 514. Ngài được coi là nhà Vua mạnh nhất trong những năm cuối thế kỷ thứ 5. Ngài tôn thờ đạo Phật mặc dầu đạo Bà la môn, phái thờ thần ÇIVA vẫn còn nhiều ảnh hưởng ở Phù Nam với tục lệ thờ vị thần MAHEÇVARA (MA-HÊ-THÙ-LA) mà uy linh ngự trị trên đỉnh núi MO-TAN (MA-ĐAM) hiện giờ gọi là Baphnom. Tất cả các Chư hầu đều được hưởng ơn vũ lộ của Ngài và toàn thể dân chúng sống trong cảnh thái bình vì Đức Quan-thế-Âm, theo Phật giáo ngành Đại thừa, đã che chở và phủ hộ cho Vương quốc.

Ngài phải chịu thương gia sang buôn bán ở Quảng châu (KOUANG-TCHÉOU) thuộc tỉnh Quảng đông (KOUANG-

TONG). Trên đường về xứ có vị Thiên sư Ấn độ tên SI-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN (ÇAKYA NAGASENA) tháp tùng. Thuyền họ bị gió cuốn vào xứ Lâm Ấp (Chiêm Thành) và bị thổ dân cướp sạch hàng hoá (1). Vị Thiên sư trở về để-đo Phủ Nam bằng đường bộ, tâu trình Quốc vương rằng: "Suốt dãy giang san Trung quốc có một vị Thánh vương vàng lệnh Thượng đế trị vì thiên hạ."



Tượng kê tài đòi bằng đồng qui một gối, chống một tay dưới đất, tay một bưng cái mâm tròn.

(1) Có thuyết cho rằng thuyền bị đắm ngoài khơi xứ Lâm Ấp, chỉ có vị Thiên sư sống sót trở về Phủ Nam.

Năm VINH MINH (YONG-MINH 484) thứ 2 triều Vua Vô-đế nhà Tề (483-494), Quốc vương KAUNDINYA-JAYAVARMAN phái Thiên sư sang Trung Hoa dâng cống nhiều phẩm vật và xin Vua Vô-đế giúp quân tiếp viện để chống lại nước Lâm Ấp. Trong lá sớ Quốc vương viết như vậy:

"Vua nước Phú Nam KAUNDINYA-JAYAVARMAN, kẻ tôi thân của Bệ hạ dập đầu xuống đất tâu rằng: «On đức siêu tuyệt của Bệ hạ giáo hóa muốn dân với tấm lòng ưu ái to rộng bao trùm cả uy lực phi phạm; bốn mùa tâm tiết nhịp nhàng nối tiếp nhau. Thần quỳ xuống kính chúc Thánh thể Bệ hạ tràn đầy mãnh lực trong mọi cử động, cầu chúc Bệ hạ hưởng muôn điều hạnh phúc, cầu mong tất cả cung phi ở Lục viện đều xinh đẹp; tất cả quần thần trong Triều và ngoài Phủ, Quận đều cúc cung tận tụy phò tá Vương quyền, tất cả dân chúng các nước láng giềng và mười ngàn lãnh thổ đều một lòng qui phục, ngũ cốc phong đăng, lời ngọc ngôn không bao giờ có, loạn lạc không nảy sanh, toàn dân ấm no, thịnh vượng, đất nước thanh bình.

Thần hạ và con dân sống tại lãnh thổ trong cảnh sung túc yên vui, bốn mùa nhịp nhàng nối tiếp, nhà tu hành và kẻ ngoại đạo rất nhiều, ấy là nhờ ảnh hưởng tốt đẹp của sự khai hóa của Bệ hạ ban bố cho mọi người được sung sướng.

Trước đây, Thần hạ có phái một đoàn Sứ giả dân cống phẩm vật và trao đổi hàng hóa ở Quảng châu. Vị Thiên sư SI-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN (ÇAKYA NAGASENA) người Ấn độ bấy giờ đang ở Quảng đông tháp tùng theo thương thuyền của Thần hạ để đến Phủ Nam. Giữa biển khơi, gió cuốn thuyền trôi dạt vào nước Lâm Ấp. Nhà Vua nước này chiếm



đoạt hàng hóa của Thần hạ cả đến hành lý của Thiên sư. Nhà tu hành tưởng thuật với Thần hạ tất cả sự việc xảy ra từ khi rời đất Trung Hoa đến lúc vào đế đô Phù Nam. Ngang mặt lên trời. Thiên sư tuân tâu kể rằng Bệ hạ là một Thánh vương đức độ cao cả, trị vì thiên hạ với lòng nhân từ; Bệ hạ hằng lưu tâm đến sự sửa đổi phong tục, tập quán. Trong xứ, đạo Phật được bành trướng sâu rộng, tu sĩ rất nhiều, luật lệ được mọi người tôn trọng, quốc gia cường thịnh, vị Lãnh đạo có lòng từ bi đối với thần dân và trong tám phương, sáu hướng không có người nào không phục tùng. Mỗi khi nghe Bệ hạ truyền phán thì không có cõi trời nào, dù là cõi PARAMIRMITAVACA-VARTIN cũng không sánh kịp.

Thần hạ nghe vậy, lòng rộn lên vì sung sướng như được Bệ hạ cho phép nâng đôi bàn chân cao quý của Bệ hạ. Ngang mặt lên cao, Thần hạ ngưỡng mộ nghĩa cử từ bi của Bệ hạ rải khắp các tiêu quốc lân bang như nguồn hạnh phúc rơi từ trên trời đến tận tay dân chúng. Người người đều nhận được ân huệ của Bệ hạ.

Thế nên, Thần hạ phái Thiên sư SỊ-ĐẠT-TA NA-GIÀ-TIÊN làm Sứ giả đệ trình Bệ hạ lá sớ này, kính dâng chút ít lễ cống, tỏ tác lòng thành và trình bày cảm tưởng của Thần hạ. Lễ vật của Thần hạ quá nhỏ nhen, ít ỏi khiến Thần hạ thẹn thứa không xiết. Thần hạ phủ phục trước ngài vàng, ngưỡng mong Thánh thượng rộng lòng không lưu ý đến và nhận tác lòng thành thật của Thần hạ mà không quở trách.

Thần hạ có một kẻ tồi tở tên CUU-THỦ-LA (KIEOU-

TCH'EOU-LO) (1) lên trốn ở nơi khác, qui tự bọn phiếm loạn đánh nước Lâm Ấp và tự xưng làm Vua. Hần không tỏ vẻ kính trọng Thần hạ, hần không bao giờ làm một việc phải và vi phạm những nguyên tắc về luật pháp. Tội ác của hần chồng lại người chủ cũ đến Trời cũng không chịu nổi.

Phủ phục trước ngài vàng, Thần hạ nghĩ rằng trước kia nước Lâm Ấp bị Tướng ĐÀN-HOÀ-CHI (T'AN-HO-TCHE-) (2) đánh dẹp và từ lâu chịu mệnh Thiên triều, nhờ Bệ hạ che chở. Trong khắp bốn mặt đại dương, thiên hạ đều trông phục oai trời. Nhưng ngày nay, tên CUU-THỦ-LA là kẻ tồi tệ bất chính dám làm tất cả việc tồi tệ. Hơn nữa, nước Lâm Ấp và Phù Nam cùng chung một ranh giới và chính hần là tay thủ hạ của Thần mà lại dám làm phản, thì đối với Bệ hạ ở quá xa, hần nào có kính trọng gì? Lãnh thổ ấy vốn là Chư hầu của Bệ hạ nên Thần mới kính cẩn trình bày những điều quan sát như trên.

Thần hạ được biết hiện thời nước Lâm Ấp không gọi phải đoàn Sứ giả và dâng lễ cống. Tên soán ngôi kia có ý muốn tách khỏi Triều đình của Bệ hạ vĩnh viễn. Ta có thể nào dùng chỗ ngồi của con sư tử để cho một con chuột lớn bao giờ.

(1) Theo sử nước Lâm Ấp thì vào khoảng năm 480 đến 492, Thái tử Phù Nam tên TANG-KEN-TEH-OUEN cướp ngôi nước này. Nhưng vua JAYAVARMAN lại cho đây là một kẻ tồi tệ của Ngài tên CUU-THỦ-LA (KIEOU-TCH'EOU-LO) thừa dịp Lâm Ấp bị xáo trộn vì nội loạn mà đoạt ngài vàng chống lại Phù Nam. Người Lâm Ấp gọi Cưu-Thủ-La là PHẠM ĐĂNG CÁN THĂNG.

(2) Trận đánh Lâm Ấp do Tướng ĐÀN-HOÀ-CHI chỉ huy vào năm 446 Dương lịch.

Thần hạ phủ phục, ngưỡng mong Bệ hạ cử binh sang dẹp tên phiến loạn xấu xa ấy. Thần hạ sẽ chứng tỏ lòng trung thành bằng cách phối hợp lực lượng vào cuộc thanh trừng ngõ hầu những Vương quốc ở dọc theo bờ biển đồng qui phục Bệ hạ. Nếu Bệ hạ muốn chỉ định người nào làm Vua nước ấy, Thần hạ sẽ kính vâng Thánh ý. Trong trường hợp Bệ hạ không muốn cử binh chinh phạt Lâm Ấp, Thần hạ ngưỡng mong Bệ hạ truyền lệnh bằng một chiếu chỉ riêng biệt cho một toán quân nhỏ giúp Thần hạ tiêu trừ tên sát nhân bí ối kia để trừng phạt kẻ xấu xa và hưởng theo chính nghĩa.

Khi hòa bình trở lại, Thần hạ sẽ dâng số tâu với năm BÀ-LA (P'OLO) vàng. Hiện giờ, nếu Bệ hạ chấp thuận lời thỉnh cầu của Thần hạ theo lá số đây đủ chi tiết trung thực này, Thần hạ kính trình Bệ hạ Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN và đoàn tùy tùng sẽ tâu rõ ràng những chi tiết cần thiết.

Phủ phục trước ngai vàng, Thần hạ ước mong Bệ hạ rủ lòng thương xót Thần hạ. Trong dịp này, Thần hạ kính dâng Bệ hạ một tượng bằng vàng chạm trở hình ngai Vua Rồng (Long vương) một con voi bằng gỗ bạch đàn, hai xấp vải, hai cái "Sou-Li" (một loại ly, cốc) bằng thủy tinh và một cái mâm trầu cau bằng đồi mồi.

Vua Vô-đế nhà Tề nhận phẩm vật, ngộ lời cảm ơn Quốc vương JAYAVARMAN nhưng từ chối không gởi quân đánh Lâm Ấp.

Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN tâu rằng :

"Dân Phủ Nam tôn thờ Thần MAHEÇVARA (MA HÊ THÙ LA THIÊN THẦN), vị Thần thường hiện xuống núi MO TAN (MA ĐAM). Khí hậu trong nước luôn luôn ấm, cây cỏ không bao giờ khô héo."



Hột mã-nhõ chạm hình cái móc tai voi (?)

Thiên sư đệ trình một bản văn như sau :

"Thần MAHEÇVARA ban bố hạnh phúc khắp thế giới và gây ảnh hưởng tốt đẹp cho người đời nhờ sự truyền bá đạo giáo rất sâu rộng. Ngon núi thánh tên là MO TAN (MA

ĐAM) có các loài cây trái mọc nhiều vô số. Thần chọn nơi này để biểu hiện uy linh. Tất cả Vua Chúa nhận được ân huệ của Ngài và toàn thể dân chúng sống yên vui. Đó là do ân đức của Ngài tỏa rộng khắp các tín đồ trung thành thờ phụng Ngài.

Đức Bồ tát (BODHISATTA) thể hiện lòng từ bi Tuy là giòng dõi binh dân, nhưng khi Ngài biểu hiện được chính giác, Ngài đã tự hưởng tới đạo quả vô thượng, nơi mà Đại thừa và Tiểu thừa chưa đạt tới. Trong những kiếp liên tục, Ngài thu thập nhiều điều thiện và trong lúc đại duyên khởi, Ngài đã thực thi lòng từ bi, trắc ẩn và hăng hái vượt khỏi vòng kiếp ba. Bạc vàng châu báu, kể cả bản thân, Ngài đã bố thí hết. Ngài cũng chẳng ưa sống ghét chết. Trong lục đạo, Ngài đã cải tâm người nào có mang nặng nghiệp vào thân và Ngài đã đi trọn vòng thập giới. Khi đạo quả và đạo hạnh của Ngài đạt tới chính giác, nơi mà vạn phước, trí thức và hòa điệu tuyệt diệu vĩnh cửu, ánh hào quang từ bi của Ngài đã soi sáng cõi hồng trần. Chúng sinh được thấm nhuần ơn huệ của Ngài và đôi khi thụ được đạo pháp. Ánh hưởng phổ độ chúng sinh của Đức Phật mệnh mông sáu cõi, chúng sinh nào mà chẳng được ban ơn.

Bộ hạ cũng tôn trọng Đại đạo và nghiêng mình trước Tam Bảo vì Ngài nhận thấy trong muôn vạn cảnh ngộ, ơn huệ Phật giáo đã lay động tám hướng mười phương. Trong Vương quốc cũng như các đô thị, ánh hào quang của đấng Từ bi đã thuận lợi trong hóa phong tục giống như Đức ÇAKRA DEVENDRA chế ngự tất cả chư Thần DEVAS (1).

Bộ hạ là đấng chỉ tôn sống hòa hợp với tất cả thần dân,

(1) Đức ÇAKRA DEVENDRA và thần DEVAS (thuộc thần thoại Bà la môn).

bốn biển đều tỏ lòng quy phục. Ôn vũ lệ chẳng tràn không bờ bến, ngập sâu Vương quốc nhỏ bé của kẻ thần phục Bộ hạ.

Hoàng đế Trung Hoa đáp rằng :

“Đúng là Thần «Ma-hê-Thù-la», hiền linh uy lực và ban phước cho lãnh thổ ấy. Mặc dầu đó là những tập quán xa xôi, những phong tục khác lạ, Trẫm cũng lấy làm hoan hỉ vô cùng. Được biết tên CUU-THU-LA (Kieou-Tou'cou-Lo) nổi loạn tại Phù Nam và chiếm đoạt nước Lâm Ấp, tự tập bọn bất lương cướp bóc lương dân, nhất định Trẫm phải trị tội nó. Dù nước ấy ở quá xa Thiên triều, nhưng trước kia vẫn nạp lễ cống theo phận Chư hầu. Từ đời nhà Tống (SONG) đã có nhiều điều khó khăn chiểu theo những lá sớ của các quốc gia dọc theo Bờ biển thì sự giao thông với Thiên triều bị gián đoạn. Ánh sáng văn minh của Hoàng triều đối với họ là một điều mới lạ, những thói quen cũ kỹ vẫn còn duy trì. Trẫm chỉ dùng văn hóa và ân đức cảm hóa các nước xa xôi, không muốn dùng võ lực. Vì lẽ Vua Phù Nam đến với Trẫm bằng tấm lòng trung thành và xin Trẫm giúp quân, Trẫm nể giặc lá sớ cho vị Pháp quan để tùy theo tình hình thuận tiện mà trị kẻ phiến loạn và đối đãi êm dịu với kẻ chịu tùng phục, đó là luật lệ chánh yếu của Trẫm.»

Hoàng đế Trung Hoa thường nhờ Thiên sư NA-GIÀ-TIÊN làm thông ngôn giúp các Sứ giả ở quốc gia ngoài biên cảnh. Thiên sư biết rõ rằng chỗ mạnh và chỗ yếu của nước Trung Hoa, và được chỉ định giải thích từng chi tiết lời nhà Vua phán.

Vua nhà Tề ban thưởng Vua Phù Nam nhiều xấp lụa nên đồ thạch lựu và tím có thêu hình màu vàng, xanh da trời và xanh lá cây, mỗi loại năm xấp.





Tượng Phật bằng gỗ tìm được ở Đồng Tháp Mười

Truyện này do Sĩ ký Nam Triều nhà Tê (479-501) chép lại kèm một bài tường thuật về Vương quốc Phú Nam đơời thời Vua KAUNDINYA.JAYAVARMAN như sau:

“Dân Phú Nam khôn qui, mưu lược, nhưng tốt bụng và thật thà, chuyên nghề buôn bán, thường đi đánh phá, cướp bóc dân chúng các thị trấn láng giềng nào không tôn trọng mình, bắt kẻ bại trận làm nô lệ. Họ rất giỏi về chiến tranh, khi giới thông dụng gồm: kiếm, lao, cung, nỏ, khiên; chiến sĩ mặc áo giáp bằng da thú. Hàng hóa bán thường ngày là vàng, bạc, lụa, hàng. Con trai nhà phú hộ cắt hàng làm chũn (sarong) để mặc, dân bà trùm một mảnh vải từ trên cổ trở xuống. Người nghèo mặc chũn bằng vải. Người dân đúc nhẫn và vòng tay bằng vàng, chén đĩa bằng bạc. Họ đồn cây đề cấu nhà ở. Nhà Vua ngự trong cung có lầu, nền xây bằng đá, xung quanh nhà dân chúng có hàng rào gỗ. Dọc theo bờ biển có một loại tre lớn, lá dài từ 8 đến 9 chân (1). Người ta kết lá này để lợp nhà. Dân chúng cũng ở trong những nhà sàn cao, trên mặt nước, xung quanh có vòng thành bằng đất, cạnh những hào sâu chứa đầy cá sấu. Ở giữa có một hệ thống kênh rạch như bàn cờ, hai bên bờ là nhà gỗ cao chân lợp lá. Họ đóng những chiếc ghe bề dài từ 8 đến 9 trượng (TCHANG) mỗi trượng bằng 10 chân, bề ngang từ 6 đến 7 chân. Mũi ghe và lái có hình đầu và đuôi cá. Khi nhà Vua du hành thì cỡi voi. Dân chúng trải vải ra đường để voi đi lên. Đoàn hộ tổng có lính hầu, lính cầm lọng che, lính đánh trống, thổi tù và. Đoàn bà cũng cỡi voi. Để tiêu khiển, họ đá gà, cho heo cắn lợn, và đánh vật vớt

(1) Chân (pied) lối đo của đời xưa, bằng bề dài của bàn chân. Ông Mã-Đoàn-Lâm (MA-TOUAN-LIN) thuật rằng: “Người ta lợp nhà bằng lá một thứ cây mọc theo bờ biển, mỗi lá dài từ 6 đến 7 xích (thước) và giống hình con cá. (Đó là dừa nước của ta ngày nay).

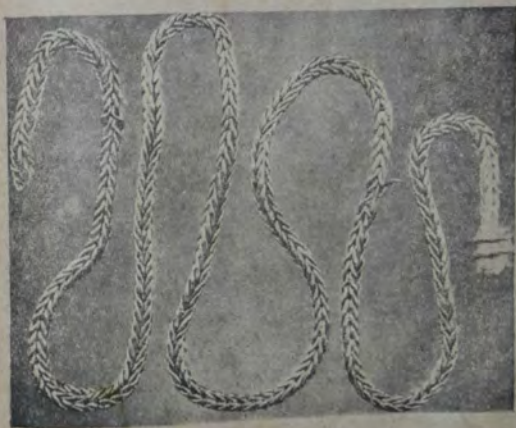
nhau. Trong xứ không có nhà tù. Mỗi khi có chuyện kiện thưa họ dùng phép thử đoán (ordalie) bằng cách quăng nhẵn và trứng gà vào nước sôi để kẻ bị cáo thả tay vào lấy ra. Hoặc họ nướng một sợi giấy sát thật đỏ cho bị cáo cầm trên tay đi bầy trước. Người vô tội không bị phỏng tay, kẻ gian bị tróc hết lớp da (hỏa thử thân đoán), hoặc họ bắt bị cáo nhận xuống nước, người vô tội chìm xuống rồi nổi lên, kẻ gian thì chìm luôn (thủy thử thân đoán). Người có tội nặng bị xử một cách bạo ngược như chặt tay, chém đầu hay bán làm nô lệ».

Sứ ký nhà Lương (502-556) về sau chép rằng:

«Nơi dân chúng ở không có đào giếng. Mấy chục gia đình dùng chung một hồ chứa nước. Tập tục của họ là tôn thờ các vị thần trên trời mà họ đúc hình tượng bằng đồng hai mắt, bốn tay, hình bốn mặt thì tám tay, mỗi tay cầm một món đồ vật như một đứa trẻ, một con chim, một con thú bốn chân, hoặc hình mặt trời, mặt trăng. Nhà Vua du hành và hồi cung bằng voi, cả đến các bà Cung phi và Thị vệ cũng cỡi voi. Khi làm triều, nhà Vua mặc áo dài có thắt lưng vàng, đeo chuỗi ngọc, đội mũ cao, đeo kiếm vàng. Triều đình họp ngay trên lầu. Nhà Vua ngồi trên ngai chạm rồng kẻ trên cao, chân một dựng lên, chân trái thông xuống. Người ta trải một mảnh vải trước ngai, trên đó những bình vàng là hương là uy hiệu của nhà Vua. Buổi sáng và trưa, Ngai thiết triều ba hay bốn lần. Khi có tang, họ cạo đầu, cạo râu, mặc đồ trắng. Đối với người chết có bốn lối chôn : thủy táng : quăng xác dưới sông, hỏa táng : đốt ra tro, thổ táng : chôn dưới đất, điều táng : bỏ xác ngoài đồng cho chim ăn.»

Sau này nhờ các nhà khảo cổ tìm được những di tích dưới lòng đất chứng minh dân Phù Nam thạo nghề đánh cá, nghề trồng tía và chăn nuôi, họ nuôi voi, bò, cừu, heo, trồng

lúa gieo một lần gặt ba năm, rau, đậu, mía, bông vải, trâu và dâu nuôi tầm. Về ngành kỹ nghệ kim loại, họ biết chế kim khí: sắt, đồng, chì, kẽm vàng bạc (tìm thấy ở Ốc Eo). Núi MOSO có mỏ sắt là nơi cung cấp sắt cho họ. Nghề làm đồ gốm, nghề dệt, nghề nhuộm hàng vải bằng thảo mộc, nghề làm đường mía ép bằng hai thớt đá rất thịnh vượng. Ngành nông nghiệp cũng phát triển mạnh. Các vị Quốc vương sóc chăm đến việc kiến trúc và gìn giữ những hồ chứa nước và kinh đào đem nước



Giấy chuyền vàng có khuy cài.

vào ruộng. Chính các Ngài đã biến đổi vùng bùn lầy ở miền Nam thành vườn ruộng phì nhiêu bằng cách đào hơn 200 cây số kinh để nước ứ đọng thoát ra biển. Ngành điêu khắc bành trướng không kém, hiện thời còn vãi đi tích như tượng thần VISHNOU 8 tay bằng đá hay bằng gỗ, những vị thần Bà la môn như VISHNOU, ÇIVA, INDRA. Họ thạo đường thủy thường ngồi thuyền đi buôn bán xa. Người ngoại quốc tới lui trao đổi hàng hóa như Ấn độ, Trung hoa, Ba tư, La mã, theo các con sông, rạch vào Óc Eo, Thị trấn trăm đường và thành Angkor Borei. Họ đã có dùng tiền bằng vàng, bằng bạc khắc hình các giống vật, hình mặt trời hay con ốc và tục lệ cắt tiền để có đơn vị nhỏ hơn.

Năm Thiên Giám thứ 2 (T'IENT KIEN 503) triều Vua Võ Đế (502-550), Vua Jayavarman phái Sứ giả sang Trung Hoa. Bấy giờ nhà Tề bị nhà Lương (502-556), lật đổ Vị Hoàng đế là Lương-Võ Đế tiếp nhận tặng phẩm: một tượng Phật bằng san hô và nhiều sản phẩm nệ hóa. Hoàng đế Tàu là người sùng đạo Thích đã xây cất ngót trăm ngôi chùa khắp lãnh thổ.

Đạo ấy, Phù Nam ở vào thời cực thịnh được Trung Hoa chú ý và nể vì. Nhân cuộc tiếp đón phái đoàn Sứ giả này, Vua Lương Võ-Đế ban chiếu:

*« Vua nước Phù Nam KAUNDINYA JAYAVARMAN ngự trị trên bờ đại dương. Từ thế kỷ trước đến thế hệ sau, nhà Vua và dòng dõi thống trị các quốc gia xa xôi ở phương Nam. Lòng trung thành của nhà Vua lan rộng đến nơi xa bằng những phái bộ Sứ giả tới lui liên tiếp, càng phẩm vật dâng tặng càng tỏ tình hồ tương bằng cách ban ơn cho nhà Vua và phong*

*một chức vị vinh quang : AN NAM TƯỚNG QUÂN, PHỤ NAM VƯƠNG (1).*

Năm 506, Lương Võ-Đế yêu cầu Vua Phù Nam phái hai nhà Sư tên MANDRASENA và SANGHAPALA (hoặc là tên SANGHAVARMAN), gốc người Phù Nam sang Trung Hoa dịch kinh Phật bằng Phạn ngữ và vận tự Phù Nam ra Hoa ngữ. Tên Thiên sư SANGHAPALA dịch ra Hoa ngữ là SENG-KIA-P'O-LO (Táng giả bà la). Sự tích của Thiên sư được ông CHUNG KHẢI (TCHONG-K'AI) hay ông TĂNG DƯƠNG (SENG-YANG) ghi rằng:

«Sư sanh vào năm 460, đệ tử của Đại đức GUNABHADRA đến Trung Hoa bằng thuyền dưới triều nhà Tề (479-501). Sư biết nhiều thứ tiếng. Khi đến thủ đô Trung quốc thì nhà Lương (502-556) đã dẹp nhà Tề. Năm 506, Lương Võ-Đế yêu cầu Sư dịch kinh Phật suốt 16 năm ở 5 địa điểm mà một nơi tên là PHŨ-NAM QUÁN (FOU-NAN-KOUAN). Sư tịch vào năm 524 hưởng dương (theo người Tàu tính tuổi) 65 tuổi.»

Tên Thiên sư MANDRASENA dịch ra Hoa ngữ là MAN T'O-LO-SIEN (Mạn đà la tiên). Sư còn có tên là MANDRA (MAN.T'O-LO, Mạn đà la). Sư đến để đồ nhà Lương vào năm 503 và vâng lệnh Vua Võ-Đế hợp tác với sư Sanghapala dịch kinh Phật.

Năm 509, vị tu sĩ Ấn độ tên BODHIBHADRA đến Phù Nam đề sang Trung Hoa yết kiến Vua Lương Võ-Đế.

(1) Có thuyết cho Vua Tàu phong chức cho Vua Phù Nam vào năm 507.



Năm 512 và 514, Vua KAUNDINYA JAYAVARMAN  
 vị Đại đế Vương quốc Phù Nam có phái Sứ bộ sang Trung  
 Hoa, và thăng hà cùng trong năm 514. Sứ ký nhà Lương ghi:

\*Năm Thiên Giám thứ hai (TIEN KIEN 503) mùa Thu,  
 tháng 7, các quốc gia Phù Nam, KOU TCHA và Trung Ấn  
 độ gửi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng cống phẩm vật  
 trong xứ.

\*Năm Thiên Giám thứ 10 (511) và thứ 13 (514) tháng 8,  
 ngày Quý Mão (KOU EI-MAO), các quốc gia Phù Nam, KHO  
 TEN gửi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng cống phẩm  
 vật trong xứ.

Không có bia đá nào ghi chép về triều đại của nhà Vua  
 chỉ có hai bia đá khắc chữ Bắc Phạn (Sanskrit) của Hoàng  
 hậu tên KULAPRABHĀVATI và Thái tử GUNAVARMAN  
 viết theo lối chữ thông dụng vào hạ bản thế kỷ thứ 5.

Trên một bia đá tìm thấy ở Cao Miên trong vùng phía  
 Nam tỉnh Takeo, Hoàng hậu KULAPRABHĀVATI muốn thoát  
 tục, thuật lại việc xây cất cái am nhỏ và đào cái ao để ở ẩn.  
 Thi tiết trong lời dẫn đầu của bản văn được thảo theo ý của  
 phái thờ thần VISHNOU.

Trên khối đá xây tường trụ cửa của một ngôi nhà mát  
 mát dọc theo đường ở Tháp mười (miền Nam Việt Nam ngày  
 nay), Thái tử GUNAVARMAN, con trưởng nhà Vua được  
 gọi là \*mặt trăng của dòng dõi KAUNDINYA\* ra lệnh khắc một  
 bản văn bằng lối chữ xưa ghi lại cuộc xây cất một ngôi đền  
 trên \*vùng đất bùn lầy\* do Thái tử \*đủ còn nhỏ tuổi\* chỉ  
 huy. Trong đền có dấu chân của thần VISHNOU gọi là  
 CHAKRATIRTHASVAMIN.

### RUDRAVARMAN (514-550)

RUDRAVARMAN, người Tàu gọi là LƯU ĐÀ BẠT MA



Ngôi tháp trên đồi BAYAN xây dựng vào năm 604.

(LIEOU-T'Ō-PA-MO), nối ngôi Vua KAUNDINYA-JAYAVARMAN vào năm 514, theo Sử ký nhà Lương là kẻ soán ngôi. Ngài là con của một Cung phi đã ám sát Thái tử GUNAVARMAN. Thái tử tuy là con giòng chính nhưng nhỏ tuổi hơn Ngài.

Năm Thiên Giám thứ 16 (T'ĪEN-KĪEN 517), Vua RUDRAVARMAN phái một đoàn Sứ giả do vị tu sĩ Bà la môn tên TRÚC-ĐƯỜNG BẢO-LÃO (TCHOU TANG PAO LAO) hướng dẫn sang Nam Kinh dâng Hoàng đế nhà Lương một lá sớ và lễ cống.

Năm Thiên Giám thứ 18 (519), Ngài phái một đoàn Sứ giả dâng một tượng Phật bằng gỗ bạch đàn ở Ấn độ và nhiều lá cây bồ đề (bà la, p'ô lo) nơi Đức Phật tịch diệt, nhiều viên ngọc hoou-ts'i (?), củ nghệ, tô hộp hương và các loại dầu thơm.

Sau đó, Quốc vương cử nhiều phái bộ vào những năm 519, 520, 530, 535, và 539.

Sứ Trung Hoa ghi rằng :

• Năm Thiên Giám thứ 16 (T'ĪEN KĪEN 517), tháng 8, Vương quốc Phù Nam và Bà Lợi (P'Ō-LĪ) gửi mỗi nước một phái đoàn Sứ giả dâng lễ cống.

• Năm PHỒ THÔNG (P'ŌU TONG) thứ nhất (520), tháng giêng, ngày Canh Tý (KENG TSEU), Vương quốc Phù Nam và Cao Ly (KAO-LĪ) phái Sứ giả dâng lễ cống.

• Năm TRUNG ĐẠI THÔNG (TCHONG TA T'ONG) thứ hai (530), tháng 6, ngày Nhâm Thân (JEN CHEN), Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng lễ cống.

• Năm ĐẠI ĐỒNG (TA T'ONG) thứ nhất (535), tháng 7,

ngày Tân Mão (SIN-MAO), Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng lễ cống.

• Năm Đại Đồng thứ 5 (539) tháng 8, ngày Ất Dậu (YI-YEOU) Vương quốc Phù Nam phái Sứ giả dâng một con u tỳ còn sống và nhiều phẩm vật nội hóa.

Nhân dịp này, Quốc vương RUDRAVARMAN có trình với Vua Tàu rằng Ngài có một sợi tóc của Đức Thích Ca dài một trượng hai chân. Vị Hoàng đế nhà Lương bèn truyền Thiên sư THÍCH VÂN BỬU (CHE-YUN-PAO) «ta» đến Phù Nam thỉnh ngọc xá lợi quý báu ấy.

Một bản văn bằng chữ Bắc Phạn (Sanskrit) ghi trên bia đá tìm thấy ở BATI cho biết rằng nhà Vua ngự trị giữa thời kỳ Phật giáo đặt nền móng và bành trướng khắp lãnh thổ. Sự kiện này đã được Vua Lương Võ-Đế là vị Hoàng đế tôn sùng đạo Phật rất chú ý.

Sử ký nhà Lương có thuật một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa đến Phù Nam giữa những năm 535 và 545 yêu cầu Vua Rudravarman gom góp tất cả kinh sách Phật và thỉnh mời các vị Sư sãi sang giảng nước Tàu. Nhà Vua cử vị Thiên sư Ấn độ tên PARAMĀTHA (hoặc GUNARATNA) quê ở vùng UJJĀYINI, lúc ấy đang hành đạo ở Phù Nam, mang 240 bộ kinh qua Nam Kinh. Thiên sư đến nơi vào năm 546.

Khi nhà Vua thăng hà, có lẽ vào năm 550, một phong trào quật khởi do hai anh em BHAVAVARMAN và CITRA-

(1) Tên chữ Phạn là MEGHARATNA. Trong quyền Nam sử (NAN-CHĒ) lại ghi tên Thiên sư là ĐÀN-BỬU (T'AN-PAO) tên Phạn là DHARMARATNA, còn quyền FO-TSOU-T'ONG-KĪ soạn trước năm 1289 thì gọi là BỬU-VĂN (PAO-YUN)!

SENA lãnh đạo đã nổi dậy vào khoảng từ năm 540 đến 550 ở lưu vực sông Mekong, rồi trong một tình trạng bí mật họ lật đổ vương quyền Phù Nam. Phái đoàn Sứ giả do Vua Rudravarmān phái sang Trung Hoa trên đây là Sứ cuối cùng trong thời Phù Nam còn là Vương quốc độc lập.

Sử ký nhà Tùy (580-618) không có ghi đoạn riêng biệt về nước Phù Nam, nhưng có hai vương quốc mới đóng một vai trò trong lịch sử nước này. Đó là nước XÍCH THÒ (TCHE T'OU) và nước CHÂN LẠP (TCHEN LA). Nước Xích Thò liên lạc với Trung Hoa do Sứ giả THƯỜNG TUẤN (TCH'ANG TSIUN) đến viếng vào năm 607. Hình như lãnh thổ này chiếm vùng lưu vực sông Ménam. Nước Chân Lạp là Cao Miên cũ phái đoàn Sứ giả đầu tiên đến Trung Hoa vào năm 616 hay 617.

Đoạn nói về Xích Thò mở đầu bằng câu: «Nước Xích Thò là một nhánh họ khác của Phù Nam».

Đoạn nói về Chân Lạp ghi: «Nước Chân Lạp ở về hướng Tây Nam Lâm Ấp, nguyên là một Chư hầu của Phù Nam. Họ của nhà Vua là KSATRIYA, tên Người là CITRASENA, tổ tiên Người đã liên tục tạo dựng lực lượng trong xứ. Vua CITRASENA chiếm Phù Nam và tiêu diệt. Khi Vua băng, Thái tử tên ICANASENA nối ngôi, đóng đô ở ICANA.

Vào thế kỷ sau, Sử ký nhà Đường (T'ANG 618-907) ghi rằng phái đoàn Sứ giả do Vương quốc Phù Nam gửi đến vào thượng bán thế kỷ thứ 7 không phải của dòng Vua Phù Nam. Sử chép:

«Trong nước bấy giờ có một cuộc thay đổi lớn, nhà Vua đóng đô ở thành phố ĐẶC MỤC (TÔ MOU), thỉnh linh bị

nước Chân Lạp chiếm đóng, phải chạy trốn về miền Nam, ở thị trấn NA FOU NA (NA PHÁT NA) (1).



Lãnh thổ CHÂN LẠP từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 9.

(1) Đùng ra danh xưng NA-FOU-NA theo Phạn ngữ là NAVANA-GARA



### NGÀY TÀN CỦA VƯƠNG QUỐC PHÙ NAM

Vương quốc Phù Nam tuy bị Chân Lạp xâm chiếm vào năm 550 nhưng vẫn còn chống giữ đến năm 627. Trong khoảng thời gian ấy có 4 vị Quốc vương nối tiếp trị vì và tìm cách khôi phục cơ đồ. Vua Phù Nam chiếm đóng ở các tỉnh miền Tây Nam Việt ngày nay, gần bờ biển và vùng Bassac. Quân Chân Lạp đã chiếm Biển Hồ, chặn đường giao thông của Phù Nam với miền Mênam, đóng binh ở thủ đô VYÃDHAP-URA (TÔ-MOU) và miền hạ lưu sông Mêkong, rồi tuyên bố dựng nước.

Quốc vương Xích Thồ (TCHE T' OU) ở trung tâm Thái Lan là một nhánh họ của dòng Vua Phù Nam cũng tự xưng độc lập. Năm 607, Vương quốc này tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa.

Nước Sầm Bản (TS'AN PAN) và TAO MING cũng thuộc nhánh họ của Phù Nam, tự xưng độc lập. Năm 625, Vương quốc Ts'an-pan tiếp một phái đoàn Sứ giả Trung Hoa.

Triều đình Phù Nam đóng ở miền Nam Bassac tại NA-FOU-NA. Năm 616 và lần cuối cùng năm 627, Quốc vương Phù Nam gửi Sứ giả sang Trung Hoa cầu quân cứu viện để đánh Chân Lạp nhưng Vua Tàu là nhà ĐƯƠNG (T'ANG 618-907) từ khước.

Sứ Trung Hoa ghi rằng :

“Dưới triều VÕ-ĐỨC (WOU-TO 618-627) Vua Cao tổ Lý Uyên (618-627) và TRỊNH QUẢN (TCHENG-KOUEN 627-650) Vua Thái tông Lý thế Dân (627-650), Vua Phù Nam phái Sứ giả dâng hai người dân .đầu trắng. Giống người này ở về phía Tây nước Phù Nam, mặt trắng toát, da láng như thoa

đầu, sống trong hang núi, bốn mặt vách đá đứng đứng không ai vào được, sát ranh giới nước SÂM-BẢN (TS'AN-PAN)».

Triều đại Phù Nam chấm dứt từ năm 627 Dương lịch.



PHOTO 1

PHOTO 2

Thủ đô Cao Miên khi người Pháp mới bảo hộ (giữa thế kỷ thứ 19)

# PHỔ HỆ TRIỀU ĐẠI PHÙ-NAM

— LIEOU-YE (DIỆP LIÊU)		hạ bản thế kỷ thứ I
KAUNDINYA (HOUEN-T'IEU hay HOUEN-CHEN (HỒN ĐIỀN)		nt
— HOUEN-P'AN-HOUANG (HỒN BÀN HUỐNG)		Sinh năm 127
— HOUEN-P'AN-P'AN (HỒN BÀN BÀN)		mất năm 90 tuổi
— FAN-CHE-MAN (PHẠM SỬ MANG)		217—220
— FAN-KI'Í-CHENG (PHẠM KIM SANH)		220—225
— FAN-TCHAN (PHẠM CHIÊU)		bị ám sát 225
— FAN-TCH'ANG (PHẠM TRƯỞNG)		225—245
— FAN-SIUM PHAM-TAM		bị ám sát 245
— TCHAN-T'AN (CHIỆU-ĐẢN)		245—287
— KAUNDINYA (KIAO-TCH'EN-JOU KIÊU TRẦN NHƯ		357 (?)-(?)
— CRI-INDRAVARMAN hay CRESHTHAVARMAN (TCH'E-LI-T'Ó-PA-MÓ TRI-LÊ-ĐÀ-BẠT-MA)		(?)-(?)
— KAUNDINYA-JAYAVARMAN (KIAO-TCH'EN-JOU CH'Ó-YA-PAMO KIÊU-TRẦN-NHƯ-XÀ-ĐÀ-BẠT-MA)		424 (?)-438 (?)
— RUDRAVARMAN (LIEOU-T'Ó-PA-MÓ LƯU ĐÀ BẠT MA)		470 (?)-514
—		514-550
—		?
—		?
—		?
—		?
—		?
		— 627

## NIỆN BIỂU

CÁC TRIỀU ĐẠI: TRUNG-HOÀ, VIỆT-NAM, PHÙ-NAM, CHIÊM-THÀNH  
TỪ THỜI THƯỢNG CỔ ĐẾN THẾ KỶ THỨ BẢY

Năm Tây-lịch	TRUNG-HOÀ	VIỆT-NAM	PHÙ-NAM	CHIÊM-THÀNH
4480	— BÀN CỒ			
4365	— TAM HOÀNG			
trước	THIÊN-HOÀNG			
Tây	ĐIÀ HOÀNG			
Lịch (?)	NHƠN HOÀNG			
	— TOAI HOÀNG			
	hay TOAI NHẬN			
	đẩy dân lấy đến núi Ngũ Lĩnh			
	lừa nấu chín Hồ-Nam			
	đồ ăn. HỘ			
	HỮU SAO			
	bây cách kết cảnh nhau để ra Lộc			
	cây trên đại thọ Tục.Vua Đế-Minh			

HỌ HỒNG BANG

Tục truyền Vua

Đế-Minh đi tuần

thứ phương Nam

(tính Hồ-Nam

bây giờ) gặp một

nàng Tiên lấy

nhau để ra Lộc

Tục.Vua Đế-Minh

NÔNG-THỊ hiệu Vương lấy con gái  
VIÊM-ĐẾ (2777-Động - đình - quân  
2697) chế ra cây B Long-nữ để ra  
bừa, dạy cây Sông-Lâm nổi ngòi  
ruộng, lập chợ làm Vua xưng là  
bà để trao đổi Lạc - Long-Quần.  
hóa vật, nếm các Ấy là Hùng-  
thứ cây, cổ đề tim Vương thứ I.  
vị thuốc trị bệnh. — LẠC - LONG-  
HỮU-HUNG hiệu HUNG-HIÊN lấy  
THỊ HUYNH - ĐẾ đẹp con gái Vua Đề Lát  
(2697-2507) đẹp là Âu Cơ sanh một  
loạn XUY-VUU trăm người con trai,  
ở Trác-lộc, dùng Lạc - Long - Quân  
xe chỉ nam tìm bảo vật chĩa con 50  
phương hướng, người theo chĩa lên  
mở mang bờ cõi, núi, 50 người theo  
đặt ra y phục, mẹ xuống biển  
xây dựng nhà cửa Nam-Hải. Ngồi

ấn trở

phong Lộc Tục  
làm vua phương  
Nam

2892

— NGŨ ĐẾ

(2879-238 trước  
T.Lịch)

2295

— PHŨC - HI -  
THỊ hiệu THAI  
HẠO (2892-2737)

— KINH -  
D U O N G -  
VƯƠNG (Lộc-  
Tục) đặt quốc-hiệu

trước  
Tây lịch.

đầy dân phép Tục) đặt quốc-hiệu  
cưỡi voi, gả là Xích - Quí. Bờ  
chông, nuôi thú cõi nước Xích-Quí  
vật để sai khiến, bảy giờ phía Bắc  
làm nước đề sản giáp Động đình  
và đánh cá, về hồ (Hò-Nam), Nam  
hình bắt quái, chỉ giáp nước Hò-Tôn  
cái 12 Âm dương (Chiêm - Thành),  
sinh hóa của Tây giáp Ba-Thục  
mười vạn, chế (Tứ Xuyên), Đông  
nhạc khải. giáp biển Nam-Hải.  
— T H Ậ N -  
Kinh - dương .



Huỳnh để tậ g  
 xe Chi Nam đò  
 đường vè.  
 — KIM-THIÊN  
 THỊ hiệu THIÊN  
 HAO (2597-2513) (Quảng-Yên  
 (Hải-Dương)  
 — CAO -  
 DƯƠNG - THỊ  
 hiệu XUYẾN -  
 HỨC (2313-2242) (Hà  
 Nội, Hưng - Yên,  
 Nam-Định, Ninh-  
 Bình)  
 — CAO - TAN  
 BINH  
 THỊ hiệu ĐỀ -  
 II. Cửu - Châu  
 CỐC (2435-2333) (Thanh-Hóa)  
 — ĐỀ - CHÍ  
 (563-533)  
 (2265 - 2257)  
 — ĐÀO-ĐUỜNG  
 THỊ - hiệu -  
 Tỉnh  
 ĐỀ - NGHIÊU  
 (2357-2255) Sal  
 ong HY, ông HOA  
 (Quảng - Bình,  
 Quảng-Trị)

cung thất, chế đồ  
 dùng bằng đồng,  
 xe cộ, ghe thuyền.  
 Nguyên phi là  
 LUY-TQ phát  
 minh nghề nuôi  
 tằm và thứ xe kéo  
 kén ra to. Nhà  
 Thiên-văn Dung-  
 THÂM phát  
 minh ra máy Cai-  
 thiên để quan sát  
 thiên tượng; ông  
 T H U O N G.  
 HIỆT chế ra văn  
 tự, tượng hình.  
 Sĩ gia nước  
 Việt thường sang  
 công chim  
 bạch trĩ. Vua  
 phong người con  
 trưởng sang làm  
 Vua nước Văn  
 Lang xưng là  
 HƯNG-VUÔNG  
 thứ 2.  
 Nước Văn-Lang  
 chia ra làm 15 bộ:  
 1. Văn-Lang (Bách  
 học tỉnh Vinh-Yên)  
 2. Châu - Diên  
 (Sơn-Tây)  
 3. Phúc-Lộc (Sơn-  
 Tây)  
 4. Tân Hưng  
 (Hưng - Hòa - đại  
 Tuyên-Quang)  
 5. Va-Đinh (Thái-  
 Nguyên Cao-Bang)  
 6. Va-Ninh (Bắc-

lạm lịch chia một năm 360 ngày có tháng nhuận Ông Thâu giúp Vua đi tuần thú bốn phương, định pháp đo, cân, lường cho nhất luật. Sông Hoàng Hà ngập lụt Ông Cồn trị lý vô hiệu qua.

— HÔU - NGU. Nương, các quan THH hiệu ĐỂ nhỏ gọi là Bê-THUAN (2255-2205) sai ông Vô (con ông Cồn) trị lụt có kết quả, dùng người hiền nằng như ông

15. Bình-Vân (?) — H U N G - V I O N G thứ 2 đồng đô ở Phong-Châu (bây giờ là Bạch - hạc, tỉnh Vinh - Yên) đặt Lạc tướng con trai Vua là Quan Lang con gái Vua là Miqua.

Tiết, Cao, Dao, Dao, nước Văn - Lang Ích, Tắc, đặt ra lệ tuần thú, lập nhà học thượng tường và hạ tường.

**ĐOÏTAM DAI**

**NHA HA**  
— ĐAI-VỒ (2205-2197) chia nước làm 9 châu: Kỳ, Thanh, Tây

Dương, Kinh, Lương Ung định lệ cống, thuế cho các Châu ấy, đặt ra cứu trợ để định rõ các mối luân thường và

Lang làm nghề chài lưới thường bị giồng thường luông làm hại, Vua bắt dân lấy chàm vẽ mình để giồng ấy tưởng là đồng loại mà không cắn giết nữa Ở mũi thuyền có vẽ hai con mắt cũng có ý để các loài thủy quái không quấy nhiễu. Vua Hùng - Vương truyền được 18 đời đều lấy tên Hùng-Vương.

5202  
8181

trước Tây lịch

Hậu - Nghệ được  
 đi mà lên thay.  
 Vua lãnh ở  
 Thượng - Khâu.  
 Bấy tôi của Nghệ  
 là Hán-Xúc hay  
 Hâm - Thúc giết  
 Nghệ giết Vua  
 Trương tư lập  
 làm Vua.  
 HAN - THỨC  
 (số 119) 2119-  
 2079)  
 Vợ Vua Trương  
 ở Mìn có thai,  
 trốn ở Hữu-  
 Nhung sanh  
 Thiệu - Khương  
 năm, đi  
 thần nhà Hạ là

chánh-trị.  
 — ĐẾ KHẢI  
 (2197-2188) đánh  
 dẹp HƯU-HỒ là  
 một chư hầu vô  
 đạo.  
 THAI — H Ứ N G -  
 KHUÔNG VUÔNG thứ 5  
 (2188-2159) ham  
 chơi bời, vô đạo  
 Tà - trường rợ  
 Đổng đi là Hậu  
 Nghệ phế, lập em  
 Vua lên thay.  
 TRÔNG-  
 K H U O N G  
 (2159-2146).  
 — TU - TU O N G  
 (2146 - 2119) ở  
 ngôi 28 năm bị  
 — H Ứ N G -  
 VUÔNG thứ 3  
 húy HƯNG QUỐC  
 — H Ứ N G -  
 VUÔNG thứ 4  
 húy HƯNG HIẾP  
 — H Ứ N G -  
 VUÔNG thứ 5  
 húy HƯNG HY  
 — H Ứ N G -  
 VUÔNG thứ 6  
 húy HƯNG HUY.  
 Nước Văn-Lang  
 bị giặc Ân đánh  
 phá. Vua sai sứ  
 đi tìm người tài  
 giới ra chống cự.  
 ở làng Phò-Đông  
 bộ Vô Ninh (nay  
 là huyện Vô-giang



— CẦN (1900-1879) húy H Û N G-TRINH  
 — KHÔNG H Û N G-  
 GIÁP (1879-1848) VƯƠNG thứ 12  
 — CAO (1848-1837) húy HÙNG-QUY  
 1837) H Û N G-  
 — PHÁT (1837-1848) húy HÙNG-VIỆT  
 1848)  
 — LÝ QUỲ hay THỦ, gọi là Vua KIỆT (1818-1783) say mê MUỘI HY vườn rất xa xỉ, lập cung thất, ao, đầm đuổi trâu sắc giết gián thân là LONG BÀN, bị THANH THANG lật đổ, đày ra ở Nam Sào.

— 501 —

— 104 —

Mi giết Hán -  
 Thúc nước Thiệu Khương lên ngôi.  
 — THIẾU-  
 K H U O N G (2079-2057)  
 — TRƯ (2057-2040)  
 — QUÊ (2040-2014)  
 — MANG (2014-1996)  
 — TIẾC (1996-1980)  
 — CỤC BÁT-  
 ĐĂNG (1980-1921)  
 — BÁT ĐĂNG (1921-1900)  
 — H Û N G-  
 VƯƠNG thứ 7 húy H Û N G  
 CHIÊM  
 H Û N G-  
 VƯƠNG thứ 8 húy HÙNG-VI  
 H Û N G-  
 VƯƠNG thứ 9 húy H Û N G-  
 ĐỊNH  
 H Û N G-  
 VƯƠNG thứ 10 húy HÙNG-UY  
 H Û N G-  
 VƯƠNG thứ 11

chính chữ hầu  
đều phục.  
— THAI-ĐÌNH  
(1720-1691)  
— THAI CANH  
(1691-1666)  
— TIÊU GIÁP  
(1666-1649)  
— UNG KỶ(1649-  
1677) Kỹ cương  
rối loạn chữ hầu  
không thần phục.  
— THAI-MẬU  
(1639-1562) dùng  
các ông V-TRÁC,  
V U H A M,  
THÂN-HỘ làm  
tướng, nước nhà  
thịnh trị.  
— T R O N G  
khô.

1783  
1154  
trước  
Tây lịch

NHÀ THUƠNG  
— T H A N H -  
THANG (1783-  
1753) mới ông Y-  
DOAN ở đất  
HƯU-SAN làm  
Tề-tướng đánh  
đẹp các Vua chư  
hầu tàn bạo, phế  
Vua Kiệt, lên  
ngôi đế.  
— THAI GIÁP  
(1753-1720) bao  
ngược bỏ chế độ  
cũ, bị Y.DOAN  
đem an-ti ở  
đất Đông 3 năm  
mới được về. Vua  
sửa đổi tành nét,  
chăm lo việc

hủy HƯNG-NHI  
— H U N G -  
VƯƠNG thứ 18  
hủy HƯNG-DUỆ  
Vua có người  
con gái tên Mĩ-  
Nương nhan sắc  
tuyệt trần. Sơn-  
Tinh và Thủy-  
Tinh đều muốn hỏi  
làm vợ. Vua bèn  
hôm sau ai đem đồ  
lễ đến trước thì  
gả cho người ấy.  
Sơn-Tinh đến  
trước, cưới Mĩ-  
Nương đem về núi  
Tân-Viên (tức là  
núi Ba-Vi ở Sơn-  
Tây). Thủy-Tinh

(1433-1408)  
— D U O N G  
G I Á P (1408-  
1401) các con  
tranh giành,  
trong nước rối  
loạn, chư hầu  
không thần phục.  
— BÀN-CANH  
(1401-1373) đời  
đồ sang An, thi  
hành những việc  
nhân chính đời  
trước, trăm họ  
thái bình, chư  
hầu đều phục.  
— TIÊU-TÂN  
(1373-1352) Nhà  
Ân lại suy đốn.

— 601 —

D I N H H (1562-  
1546)  
— N G O A I  
NHÂM (1549-  
1534)  
— H A ĐÀN-  
GIÁP (1534-1525)  
Thế nước suy vi.  
— TỒ ẤT (1525-  
1506) dùng VU-  
HIÊN làm tướng  
để nhiếp lại  
hưng vương.  
— T Ô - T Â N  
(1506-1490)  
— THAI - GIÁP  
(1490-1465)  
— T Ô - DINH  
(1465-1433)  
— NAM-CANH

— 108 —



nhà Ân suy dần.  
 — THÁI-DINH ( 1191 - 1191 )  
 — ĐẾ - Á T ( 1191 - 1154 )  
 — ĐẾ TÁN hiệu TRU (1154-1122)  
 mê đắm ĐẤT.KỶ  
 đặt thuế khóa nặng nề, dựng lâu đài, xây ao hồ, chơi bơi dâm dật, dùng hình phạt thảm khốc.  
 TÂY-BÁ - PHÁT hội 800 Chư hầu đánh. Vua TRU tự thiếu.

1190-256 NHÀ CHÂU  
 trước Tây lịch TÂY CHÂU

— TIÊU - ÁT (1352 - 1324)  
 — VÕ - DINH (1324 - 1265)  
 nhờ có tướng là PHỒ DUYỆT nên nhà AN lại phục hưng.  
 — TÔ - CANNH ( 1265 - 1258 )  
 — T Ô - G I A P (1258 - 1225)  
 — LAM - TAN (1225 - 1219)  
 — CANNH-DINH (1219 - 1198)  
 — V Ô - Á T (1198-1194) chơi bơi dâm dật, từ biếng chính sự.

tắc cho đời sau.  
— KHUỠNG  
VƯƠNG (1078-  
1052). Dưới triều  
Thành - Vương và  
Khương - Vương  
các hình phạt không  
dùng hơn bốn  
mươi năm.  
— CHI Ế U  
VƯƠNG (1052 -  
1001) Nhà Châu bắt  
đầu suy dần.  
— MỤC VƯƠNG  
(1001-946).  
— C Ứ N G -  
VƯƠNG (946-934  
Y VƯƠNG (934-  
909).

— VÔ VƯƠNG  
(1122-1115) diệt  
nhà Ân, đặt là  
CHÂU.  
— T H A N H -  
V Ư Ớ N G  
(1115-1078) còn  
nhỏ, CHU-CÔNG  
là em Vua Vô-  
vương giữ chức  
TRƯNG-T Ế,  
coi việc nước,  
đánh dẹp V Ồ -  
CANH con Vua  
TRƯ và QUAN  
T H Ứ C, Q U U I  
THỨC làm phản.  
Ông lo sửa sang,  
đặt ra các chế độ  
đang làm phép

Vua là TRUNG-  
HUNG-CHỦ.

— U-V U Ơ NG  
(781-770) say mê

BAO - TỬ phé  
chánh

KHUÔNG-HẬU,  
cha bà là THÂN.

HAU nhờ rợ

K H U Y È N .

NHUNG đánh giết  
Vua, lập Thái-tử  
lên thay.

— BINH-VƯƠNG  
(770-719) đời đó

saang LAC-ÁP. Sử  
gọi là ĐÔNG  
CHÂU.

ĐÔNG CHÂU  
— HOÀN

— 115 —

— 111 —

— HIÊU-VƯƠNG  
(909-894)

— DI - VƯƠNG

(894-878)

— LỄ - VƯƠNG

(878-827) dùng kế

tiểu nhân, làm việc

bạo ngược, ai nói

đến thì giết, bị dân

nổi lên đánh bỏ

chạy vào đất Phê.

Hai ông CHÂU và

TRIỆU chung coi

việc nước, sử gọi

là chính thể Cộng

Hòa.

— T U Y È N -

VƯƠNG(827-781)

Nhà CHÂU phục

hưng, đời sau gọi



VUONN (618  
612) — KHUÔNG  
VUÔNG (612-  
606) — ĐINH  
VUÔNG (606-  
585) — GIẢN  
VUÔNG (585-  
571) — LINH  
VUÔNG (571-  
544) — KIENG  
VUÔNG (544-  
520) — DAOVUÔNG  
(520-519) — KINH

VUÔNG (719-696)  
Nhà CHÂU suy vi  
chư hầu thôn tính  
lần nhau tổng số  
hơn 1000 còn lại  
12 là TÊ, SỞ,  
TÂN, TÂN, LỘ,  
VỀ, TÔNG, YÊN,  
TRINH, TẠO,  
TRẦN, SAI.  
— T R A N G -  
V U O N G (696-681);  
— H I - V U O N G  
(681-676)  
— H UỆ V U O N G  
(677-651)  
— T U O N G  
V U O N G (651-  
618)  
— K H U Y N H

LIỆT -  
VƯƠNG (375) -  
368  
- HIỀN -  
- 896 (3)  
VƯƠNG NG (320)  
THÂN QUÍ  
VƯƠNG (320)  
414  
BẢO VƯƠNG  
-  
(555)  
31.7.11  
NOAN VƯƠNG  
G N O Đ  
CHÂU QUẢN  
(255)  
Chính lệnh Thiên  
Tứ không được  
Chư hầu tuân  
phụng nữa người  
xưng Công. k

- 611 -

VƯƠNG (519-  
475)  
- NGƯƠN.  
VƯƠNG (475-  
468)  
- TRINH.  
DINH-VƯƠNG  
(468-440)  
- AI-VƯƠNG  
(440)  
- TỬ-VƯƠNG  
(440)  
- KHẢO  
VƯƠNG (440  
(435)  
- OAI-LIỆT-  
VƯƠNG (435-  
401)  
- AN-VƯƠNG  
(401-375)

- 118 -





dùng binh pháp rất há khắc, giết hại các vương tử, ép thần, anh hùng khắp nơi nói dấy. Vua nghe Triệu giết Lý-Tur, và họ rời bị Triệu giết, lập Thái-Tur lên.

— VƯƠNG TỬ

ANH H (90c-200c)

tức giết và liền

Triệu-Cao. Lưu.

Bang nên quân

vào Bà-Thượng

TU-ANH đầu

hàng

200c-90c

— HÁN. SỞ

TRANH HÙNG

111:11 NHÀ TRIỆU

500c

Năm Quy Xy  
(200c) Triệu Đà  
quân đánh Huy-Lạc lập ra nước Nam Việt

— 121 —

— 122 —

đưng cung A Năm Đinh-Hợi  
phong, xây Hoàn (214) Vua Tau là  
lãng, đắp đường, Tân - Thi-Hoàng  
xây Vạn-lý-trường sai tướng Đồ-Thư  
thành, sai ĐO- đánh lấy đất Bạch-  
THU đánh lấy Việt. An-dương-  
miền Bắc- bộ Vương xin thần  
nước Âu-Lạc; phục. Nhà Tần  
Vua AN - chia đất Bạch  
D U O N G - Việt và Âu-Lạc  
VƯƠNG xin làm ba quận :  
thần phục. Thủy- Nam-Hai (Quảng-  
Hoàng nghệ lợi đông). Quốc Lâm  
Lý-TU đốc hết, (Quảng-Tây) và  
sách cò, chôn Tương quận (Bắc-  
sống 460 người Việt). Người  
đảm chỉ trích. Bạch Việt tron  
— NHỊ THỂ trong rừng ở, ít  
(208-205) nghệ lợi lâu sau mới lên  
TRIỆU - CAO giết Đồ-Thư.

Bang cùng Hàng  
Vô đánh nhau  
bốn năm. Hàng Vô  
tự tử ở Ô-Giang.  
Lưu Bang lên  
ngôi Hoàng-Đế.

202 trước  
Tây-lịch  
lịch —  
(T.L.)  
9

NHÀ HÁN  
— CAO - TỖ  
(Lưu-Bang) (202-  
194) đóng đô ở  
Trường An, giết  
lần lần những  
công thần khai  
quốc như Hàn  
Tin, Bình-Việt,  
Anh-Bô làm phản  
bị đánh rồi chết.  
Vua phong cho họ  
hàng và công thần  
làm vương thần ở

Vua Cao-Tổ nhà  
Hán sai Lưu-Giá  
sang phong cho  
VU-VƯƠNG.

— 125 —

— 124 —

lịch

— HÀNG VÔ Tây lịch  
(Số) theo LƯU - TRIỆU - VÔ  
BANG (Hán) vào VƯƠNG (207-  
đất Tần cướp phá 137 trước Tây  
Hán dựng, giết lịch, T-khôn ĐÀ  
VƯƠNG - TỬ - đánh được An  
ANH, quyết mở Dương - Vương  
TÂN - THUY - sáp nhập nước  
HOANG, đất Âu-Lạc vào quận  
cung thất 3 tháng Nam-Hải đất là  
mới chảy hết. Nam - Việt tự  
Hàng Vô tên SỐ xưng là VU-  
HOAI. VƯƠNG VƯƠNG đóng  
làm NGHĨA ĐẾ. đô ở Phiên,  
rồi lại giết mà Ngung, gần thành  
tự lập làm TÂY Quãng-Châu bày  
SỐ BÀ. VƯƠNG, lập LƯU. BANG  
làm H A N.  
VƯƠNG. Lưu-







ĐẾ (73-48) Chiêu Từ Hưng nổi  
đế không có con, ngôi cha. Vua  
Quang rước Hán sai An-  
Xương ập Vương Quốc-Thiếu-Qu  
là Hậ lên ngôi. Thiệu-Quí  
nhưng Vương Việt. Thiệu-Quí  
dâm dật, chơi tư thông với Cù-  
bôi nên ông phế Thị độ danh Ai-  
đi, lập Tuyên đế. Vương đem Nam-  
Vua sai Thường Việt đình nhà  
Huệ dẹp Hung Hán. Tề Tướng  
Nỗ, đặt nền đồ Lữ-Gia đem quân  
hộ ở Tây Vực. can binh giết Sư  
H I E U  
— H I E U  
NGUYEN ĐẾ Ai-vương, ôn  
(Thích) (48-32). Thất từ Kiến-Đức  
Nhà Hán bắt đầu là con trưởng của  
suy-vì, Vua nhu Minh Vương lên  
nước, ít quyết ngôi.  
đoán. Ngoại thích

đức nhà Hán. Nhờ Mãn - Việt Vua  
Vô đế, Đông A và Triệu cho con là  
Trung A được Anh-Tề sang Tân  
hướng một cảnh châu Vua Hán và  
thái bình mà sự ở đến 10 năm mới  
Tây gọi là Thái về khi Vua Triệu  
binh Trung Quốc băng.  
[Pax Sinica]. VI TRIỆU -  
thời đại về vang MINH-VƯƠNG  
ấy mà người Tàu (125-113 trước T.  
từ xưng là người L.) Thái-tử Anh-  
Hán. Tề về nước lên  
ngôi, đem người  
— HIẾU CHIÊU ĐẾ (Phật Lăng)  
(86-73) lên ngôi  
mới có 8 tuổi như  
ông Hoắc-Quang  
lâm phụ chính.  
— HIẾU TUYẾN  
trước T.L) Thái

Mãn - Việt Vua  
Triệu cho con là  
Anh-Tề sang Tân  
châu Vua Hán và  
ở đến 10 năm mới  
về khi Vua Triệu  
băng.  
VI TRIỆU -  
MINH-VƯƠNG  
(125-113 trước T.  
L.) Thái-tử Anh-  
Tề về nước lên  
ngôi, đem người  
đưa con tên Hưng  
về lập Hoàng hậu  
và Thái Tể.  
TRIỆU AI  
VƯƠNG (113  
trước T.L) Thái

Vương rồi cải tên  
nước Nam Việt  
là Giao-chỉ bộ  
chia ra làm 6 quận  
Thương-Ngô, Uất  
Lâm, Hợp Phố,  
Giao-chỉ, Cửu  
Châu, Nhật-Nam  
Châu-Nhai, Đem-  
nhì, một bộ  
và phủ Thái-  
giám sát các quận.  
Ở Giao-chỉ có  
những Lạc-  
tướng hay là Lạc  
Hầu cai trị các bộ  
lạc. Vị Thứ sử  
đầu tiên là Thạch

là SỬ-CAO kết D U O N G  
cầu với loạn quân VƯƠNG (113-  
giết công thần, 111 trước T.L.)

— H I E U

THÀNH ĐẾ năm thì Vua V-  
(Ngao) (32-6) Đế nhà Hán sai

dùng con bà Lộ-bác-Đức và  
Vương Thái-hậu Dương-Bộc xưa  
là Vương Phụng quân đánh Nam  
âm Đại-Tư MA. Việt giết Vua  
Anh em họ Vương Dương-Vương và  
thay nhau nắm Lữ-Gia.  
chính quyền.

BẮC THUỘC  
LÀN THƯ

NHẤT.

(111 trước Tây-  
lịch - 39 sau Tây-  
lịch).

Vua Vô Đế giết  
Triệu Dương-



xưng là Giả Hoàng  
đế, tiếp ngôi Vua  
đời quốc hiệu là  
TÂN.  
V A U O N G  
MĂNG  
(6-9) thi hành một  
cuộc cách mạng xã  
hội, kinh tế  
sâu rộng. Tôn  
thất nh Hân là  
LƯU DIÊN và  
LƯU TỬ  
LƯU - HUỖN  
làm Hán đế, đóng  
ở đất Uyển (Hà-  
Nam). Lưu Tú  
vào Trường An  
giết Vương -  
Măng.

(9-23)

— 131 —

— 134 —

Đại đông phủ trị  
ở Long Uyển.

— HIẾU AI

ĐẾ (6 trước Tây

T.L. — 1 T.L.)

— HIẾU BINH

Năm 2 Tây-lịch.

ĐẾ (1-6) lên ngôi

ông Tích-Quang

còn nhỏ. Bà Thái-

sang làm Thái Thú

Hậu làm triều.

quận Giao-Chi

Tân đô hầu là

hết lòng lo việc

Vương Mãng giữ

khai hóa, dạy dân

chính quyền.

lấy điều lễ nghĩa,

Mãng giết Vua,

được nhiều người

lập châu huyện

kinh phục.

tôn Vua Tuyên đế

2 tuổi tên là ANH

lên ngôi.

— NHƯ TỬ

ANH (6 - 9)

Vương Mãng tự

định Giáo chỉ dạy binh pháp  
Trung-Trắc.  
Năm Giáp Thìn (1200) vua  
Quang-Võ sai Tô Văn-hóa  
Định làm Thái-viết và luật  
pháp thì quân Giáo truyền  
bá trong dân gian, bắt vợ  
người tàn ác và dân phải  
mặc Năm Canh-Ti (1204) Tô-  
Đĩnh giết Thi Sách, vợ  
Thi-Sách là Trung-nam  
Trắc con gái quận Lạc  
tướng huy quân Mã-Linh  
cùng em là Trung-Nhi  
nổi lên đánh đuổi Tô-Đĩnh,  
bà

— ĐẾ HUYỀN  
( 23 - 25 ) như  
nhược, không làm  
được việc gì. Các

tướng xin Lưu -  
Tả lên ngôi

Hoàng đế.

**NHA ĐÔNG**  
**HÀN HAY**  
**HẬU HÂN**

— QUANG-VÕ

(Lưu-Tử) (25-58)

dời đô về Lạc

Dương, dẹp yên

nội loạn gọi hàng

Phan - Sùng thì

lành nhóm Xích-

Mi đã giết Vua

Đế Huyền. Vua

Năm 26 ông Nhâm  
Diên làm Thái-

thủ quận Cửu -

Chân dạy dân

dàng cấy bừa

khai khẩn ruộng

đất, dạy làm lễ

cưoi hỏi trong

**PHŨNAMLẬP**  
**QUỐC**

— LIEOU - YE

Diệp Liêu) (2-2)

— KAUNNDINYA

(Houen - T'ien,

Hàn Diên) (2 - 3)

Kaundinya từ Ấn-

Độ đến Phù-Nam

theo lối Thần

bảo mộng, thu

phục được Lieou-

— HIẾU-MINH.  
ĐẾ (Trang) (58-  
76) sai quan quân  
bình các phiên  
bang. Hung-Nô  
và các nước Tây  
khắc sấu chừ

LAN THỨ 2 (43-  
544) Nhà Hán dựng  
cột đồng ở chỗ  
phần địa giới  
sấu chừ

— HIẾU-MINH.  
ĐẾ (Trang) (58-  
76) sai quan quân  
bình các phiên  
bang. Hung-Nô  
và các nước Tây  
khắc sấu chừ

Giang tự tử.

xương sống Hát-

hai Bà gieo mình

mồng 6 tháng 2

năm Quí-Mão (43)

mãi đến ngày

Vương nhiều trận

danh Trưng -

Vũ

Năm Tân-Sửu

(41). Vua Quang-

Vũ sai Mã-Viên

đánh Trưng -

Vương nhiều trận

danh Trưng -

Vũ

Năm Tân-Sửu

(41). Vua Quang-

Vũ sai Mã-Viên

đánh Trưng -

Vương nhiều trận

danh Trưng -

Vũ

Năm Tân-Sửu

(41). Vua Quang-

Vũ sai Mã-Viên

đánh Trưng -

Vương nhiều trận

danh Trưng -

Vũ

Năm Tân-Sửu

(41). Vua Quang-

Vũ sai Mã-Viên

đánh Trưng -

Vương nhiều trận

danh Trưng -

Vũ

Năm Tân-Sửu

(41). Vua Quang-

Vũ sai Mã-Viên

Vực cho Hoàng-  
Tử vào học và  
vào châu.

— HIẾU U  
CHƯƠNG - ĐẾ  
(Huyền) (76-89)  
các nước Tây  
Vực phân loạn.  
Vua sai Ban-Siêu  
đánh dẹp. oai  
danh lừng lẫy.

— HIẾU - HÒA -  
ĐẾ (Kiến) (89-  
106) Bắc Hung  
Nô đối, trong  
nước đại loạn.  
Vua sai Đâu-  
Hiếu dẹp. Ban  
Siêu đánh được

«Đồng trụ chiết,  
Giao Chi diệt»  
Quan lại sang cai  
trị nhiều người tàn  
ác, tham nhũng bắt  
dân lên rừng xuống  
biển tìm châu báu.  
Dân ở quận Hợp-  
Phố phải xuống  
biển mò ngọc trai  
khò quá đến nỗi  
phải bỏ xứ mà đi.

— HIẾU - HÒA -  
ĐẾ (Kiến) (89-  
106) Bắc Hung  
Nô đối, trong  
nước đại loạn.  
Vua sai Đâu-  
Hiếu dẹp. Ban  
Siêu đánh được

— HIẾU - HÒA -  
ĐẾ (Kiến) (89-  
106) Bắc Hung  
Nô đối, trong  
nước đại loạn.  
Vua sai Đâu-  
Hiếu dẹp. Ban  
Siêu đánh được

Nam Nhâm Dần  
(102) phía Nam  
quận Nhật Nam  
có huyện -  
TUƠNG - LÂM,  
người ở huyện  
này thường sang  
cướp phá Nhật -



Nam. Vua Hòa-Đế  
nhà Hán đặt quan  
cai trị huyện này  
đề phòng giữ sự  
rối loạn.

việc bực ông.

— HIẾU-THIỆU  
ĐẾ (125-126)

— HIẾU

THUẬN-ĐẾ (126

127) phong hoạn

quan làm Hữu,

phong cha vợ là

Lương - Thường

làm Đại-Tướng

quân. Thường

chết, con là Kỳ

lên thay phong

tướng, cho họ hàng

làm quan lấy

trừu.

— HIẾU-XUNG

ĐẾ (145-146)

— HIẾU-CHẤT-

— 140 —

— 141 —

quan làm những

đang hoạn hoạn

(Hô) (107 - 125)

— HIẾU-AN-ĐẾ

(106-107)

THUÔNG - ĐẾ

— HIẾU

được đặc dụng.

Hiển. Hoạn quan

Trịnh Chung giết

cùng loạn quân

làm bấy. Vua mưu

chuyên quyền

anh là Đậu-Hiến

Hậu cầm quyền.

Đậu - Thất-

Đệ. Đậu - Thất-

làm biên giới An-

Việt Yên - Kỳ,

nước Yên - Kỳ,

— HOUEI-PAN Năm 137. dân

HOANG (Hồn Tương - Lâm đốt

Bàng-Huống) ? - phá thành này và

217) sạch năm giết chết viên

127, nối ngôi Vua Trương Lợi,

cha, chia lãnh thổ

làm nhiều Chư

hầu rồi cầm quân

đánh dẹp giao cho

con cháu trấn

đóng gọi là Tiều

Vương. Năm 217

Ngài thăng hà,

ĐẾ (Hoàng) (168 tàn ác, Vua lại 189) dùng Đạ- bực đãi người V5, Trần - Phôn, bốn xứ. Dân Lý Ung, Đờ- Giao Chỉ có học Mật. Đạu và hành thông thái Trần mưu giết đến đầu cũng hoạn quan Tào không được giữ Tiết, Vương Phủ việc chánh - trị. không thành, bị Mãi đến đời Hiếu chúng hạ sát và Linh đế mới có hại tất cả người ông LY - TIÊN nào chống báng được cắt làm đế tự do tung Thử Sĩ ở Giao- hoành. Trương Chi, LY CẨM làm quan Tư lệ Hiếu Giác nổi loạn gọi Ủy và TRƯƠNG Vua sai Hoàng TRON G làm Phủ Tung và Tào Thái thú ở Kim Tháo dẹp.

ĐẾ (145-147) bị Lương Kỳ đánh thuốc độc chết, lập Hoàn - Đế thay.

— HIẾU —

HOÀN - ĐẾ (Chi) (147 - 168) mưu cùng hoạn quan giết Lương Kỳ rồi phong Hậu. Hoạn quan đặc thế bị các quan chống đối và này sanh ra họa "đáng cỡ" khiến nhà Hậu Hán lung lay.

— HIẾU - LINH

Quan tâu cai trị

— KHU LIÊN (SRI-MARA) (192-  
HOUEN - — NÂM QUÊ MÃI — Năm Quê Mãi —  
P'AN-P'AN HÂN (SRI-MARA) (190-  
ĐẾ HIẾP) (190- [203] quan Thử-

HIÊN-ĐẾ.

Thiền - đế lập

vào Triều phắc

hơn 2.000 hoạn

quan diệt hẳn tại

họ. Đông - Trắc

biên - Thiền đem

binh bắt giết

hoạn quan giết.

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

Thiền giết hoạn

quan. Hà Tân bị

220) Đông - Trắc sứ là Trương Tân Bàn Bàn 217-220 Năm 192, Khu  
tự làm Tướng chính Nghiệp dâng số xin theo cuộc bầu cử Tướng Lâm giết  
nước năm chánh ở Quan Đông Vua Hiến đế cải rồi giao hết binh quan Tàu, tự xưng  
ở Quan Đông Vua Hiến đế cải rồi giao hết binh quan Tàu, tự xưng  
đánh Trắc tôn Hán thuộc. Sĩ- Cự-Mã (Fan- nước LÂM-ÁP.  
Viên-Thiền làm đất Giao - Châu Năm 220, Ngải  
Minh chủ. Tự đồ khởi loạn và vẫn thăng hà.  
Vương Doãn giữ lệ triều cống — FAN CHE  
muru Lữ-Bộ giết nên Vua Hán MAN (Phạm-Sử  
Trắc. phong chức An-Mang 220-225) là  
Tào Tháo rước Viên-Tướng quân toàn danh của  
Vua qua đất Hứa Long độ đình Tướng FAN-  
đánh Viên-Thiền hầu. MAN. Ngải  
binh Kỳ-châu, Ô Sĩ-Nhiếp trị được dân chúng  
Hoan, lên chức dân có phép tác, bầu lên ngôi Vua.  
Thừa Tướng. chăm lo dạy bảo Ngải chính phục  
Tháo đánh Lữ- dân cho nên lòng lìn bang trên lục



gia Kim-Lân.

ngày tháng hạ lúc  
chính phạt quốc

ngàn lỵ. Năm 225,

cối đến 5 hay 6

quốc, mở rộng bờ

công 10 vương

vương. Ngài tấn

Phủ - Nam đại

giữ tên Nghi là

Người thời bấy

kháp đại dương.

thuyền lớn vượt

đồng nhiều

một hải cảng,

lừng Ngai lập

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

đời vua Hán

địa và trên mặt

biên nổi tiếng lấy

Hán Đổng Hán  
mất ngôi, nước

NHÀ ĐÔNG

HÀN

1-HẦU

ngày (220)

Hiên-đế nhường

kế vị ép Vua

con là Tào-Phải

Vương. Tháo mất,

từ tôn làm Ngụy-

Tây-Thục. Tháo

Đông - Đổng.

Lưu - Bị chiếm

Ton-Quyên chiếm

tại Xích Bích.

Ton-Quyên hợp

lại đánh Tháo

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

— TAM QUỐC

1-HẦU

ngày (220)

Hiên-đế nhường

kế vị ép Vua

con là Tào-Phải

Vương. Tháo mất,

từ tôn làm Ngụy-

Tây-Thục. Tháo

Đông - Đổng.

Lưu - Bị chiếm

Ton-Quyên chiếm

tại Xích Bích.

Ton-Quyên hợp

lại đánh Tháo

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

làng ở Bắc Kinh

Châu rồi nương

— CHẾU-LIỆT Tào chia làm ba

nước: Tây Thục,

Bắc Ngụy, Đông

Ngô. Đất Giao.

Châu thuộc về

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Liên nổi ngôi.

Năm 221, Lâm-Áp

tấn công Nhật-Nam

có nhờ quân Phù-

Nam giúp đỡ. Năm

230. Vua Lâm-Áp

gợi phải đoàn Sư

giá đến Thông Đốc

Quảng - Đông và

Thứ Sử Giao-Châu.

Năm 248, quân Lâm-

Áp tấn công quận

Giao-Chi và Cửu

Chân.

— PHAM HÙNG

(PHAM-HSUNG 270-

284) là cháu ngoại

Kim-Liên xưa quân

Fan-Tchan (Phạm

tấn công Giao-Châu

FAN - KIM -

CHENG (Phạm -

Kim-Sanh 225) là

Thái - Tử nổi

ngôi, bị người

anh bà con tên

Fan-Tchan (Phạm

tấn công Giao-Châu

— HẬU - ĐẾ

(Thụyện) (225 -

263) đóng Gia-

sang cư ở phá

câu-Lương làm

Phụ chính, 6 lần

xuất binh đánh

Ngụy mà không

được.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

Đông Ngô.

thành công.  
Lương mặt,  
Khuông-Duy giữ  
quốc chính bị  
Đặng - Ngũ,  
tướng nhà Ngụy  
đánh vào Thành  
Đô. Hậu Đế ra  
hàng.  
2. NGUY  
TRIỆU (Tào  
— VẠN-ĐẾ (Tào  
Phật) (200 - 227)  
mấy lần đem binh  
đánh Ngô đều  
thất bại.  
— MINH - ĐẾ  
(Tào Dê) (227-  
240) sai Tư Mã

Chiêu) ám sát, bị đánh lui ở Badon  
đoạt ngôi.  
— FAN TCHAN Chi, Cừu Chân  
(Phạm-Chiêu 225-  
245) Năm 228, **DẬT**  
nhà Vua phải Sừ (284-396) nói ngôi  
giả triều công Vua cha. Sừ giả  
Vua Tâu. sang Tâu năm 284  
Năm 229, Thù sư là phải đoàn đầu  
Ghêo-Châu là Lữ tiện. Nhà Vua nhân  
Đạt cử Sừ giả một người Tâu  
sang Phá - Nam làm Cộ vẫn tên  
đáp lễ. Vua Ngô Phạm-Vân và phong  
phái viên quan làm Tướng.  
Tùng sư đến Phô (FAN-YI) (396-446)  
Nam phò biên cướp ngôi, năm  
năm Văn minh 340 gọi sứ giả sang  
Trung-quốc. Tâu và chiếm phần  
Năm 240, Vua

Ý Liệt huyq Ý  
động  
— PHẾ ĐẾ (Ph)  
(452-472)  
Ý làm Sừ Tể  
lập lên ngôi  
làm Thừa-Tướng.  
Con là Tư-Mã-  
Côn là Tư-Mã-  
Sư (496-554)  
là em Tư Mã Sư là  
(500-554)  
**ĐẾ - ĐẾ**  
THIỆU-ĐẾ (Mao)  
Tào-Mao.  
Liệt huyq Ý

— **TÔNG-ĐẾ**  
(596-606) (Hsin)  
Bảy giờ tao

Fan Tchan tiếp đất ở Đèo Ngang.  
một tu khách Năm 347 đánh  
Án Độ chiếm Nhật-Nam  
Kia Siang lên tên vua man Tàu  
bỏ rời tại biệt ngữ sống.  
bà con tên Năm 349, Lâm  
Tô - Vệt (Sou-Áp tấn công lên phía  
Bắc.  
Wou (sang đất Bắc.  
— **PHAM-PHẬT**  
Án triều kiến (FAN - FO) (349-  
Vua Vasudeva. Năm 377) nối ngôi Vua  
Năm 240, Vua 377) nối ngôi Vua  
Phù-Nam tiếp 2 cha.  
Sứ giả của Ngô Năm Quý Sừ  
Tôn-Quyển. (353) đời Vua Mục  
Năm 243, Ngải đế nhà Đông Tấn.  
gởi lễ công Thù sư Giao-Châu  
sang Tâu gồm có là Nguyên-Phu đánh  
nhập sĩ và thờ Vua Lâm-Áp phá  
sản, được hơn 50 đụn

151  
 1487, 1488, 1489, 1490, 1491, 1492, 1493, 1494, 1495, 1496, 1497, 1498, 1499, 1500, 1501, 1502, 1503, 1504, 1505, 1506, 1507, 1508, 1509, 1510, 1511, 1512, 1513, 1514, 1515, 1516, 1517, 1518, 1519, 1520, 1521, 1522, 1523, 1524, 1525, 1526, 1527, 1528, 1529, 1530, 1531, 1532, 1533, 1534, 1535, 1536, 1537, 1538, 1539, 1540, 1541, 1542, 1543, 1544, 1545, 1546, 1547, 1548, 1549, 1550, 1551, 1552, 1553, 1554, 1555, 1556, 1557, 1558, 1559, 1560, 1561, 1562, 1563, 1564, 1565, 1566, 1567, 1568, 1569, 1570, 1571, 1572, 1573, 1574, 1575, 1576, 1577, 1578, 1579, 1580, 1581, 1582, 1583, 1584, 1585, 1586, 1587, 1588, 1589, 1590, 1591, 1592, 1593, 1594, 1595, 1596, 1597, 1598, 1599, 1600, 1601, 1602, 1603, 1604, 1605, 1606, 1607, 1608, 1609, 1610, 1611, 1612, 1613, 1614, 1615, 1616, 1617, 1618, 1619, 1620, 1621, 1622, 1623, 1624, 1625, 1626, 1627, 1628, 1629, 1630, 1631, 1632, 1633, 1634, 1635, 1636, 1637, 1638, 1639, 1640, 1641, 1642, 1643, 1644, 1645, 1646, 1647, 1648, 1649, 1650, 1651, 1652, 1653, 1654, 1655, 1656, 1657, 1658, 1659, 1660, 1661, 1662, 1663, 1664, 1665, 1666, 1667, 1668, 1669, 1670, 1671, 1672, 1673, 1674, 1675, 1676, 1677, 1678, 1679, 1680, 1681, 1682, 1683, 1684, 1685, 1686, 1687, 1688, 1689, 1690, 1691, 1692, 1693, 1694, 1695, 1696, 1697, 1698, 1699, 1700, 1701, 1702, 1703, 1704, 1705, 1706, 1707, 1708, 1709, 1710, 1711, 1712, 1713, 1714, 1715, 1716, 1717, 1718, 1719, 1720, 1721, 1722, 1723, 1724, 1725, 1726, 1727, 1728, 1729, 1730, 1731, 1732, 1733, 1734, 1735, 1736, 1737, 1738, 1739, 1740, 1741, 1742, 1743, 1744, 1745, 1746, 1747, 1748, 1749, 1750, 1751, 1752, 1753, 1754, 1755, 1756, 1757, 1758, 1759, 1760, 1761, 1762, 1763, 1764, 1765, 1766, 1767, 1768, 1769, 1770, 1771, 1772, 1773, 1774, 1775, 1776, 1777, 1778, 1779, 1780, 1781, 1782, 1783, 1784, 1785, 1786, 1787, 1788, 1789, 1790, 1791, 1792, 1793, 1794, 1795, 1796, 1797, 1798, 1799, 1800, 1801, 1802, 1803, 1804, 1805, 1806, 1807, 1808, 1809, 1810, 1811, 1812, 1813, 1814, 1815, 1816, 1817, 1818, 1819, 1820, 1821, 1822, 1823, 1824, 1825, 1826, 1827, 1828, 1829, 1830, 1831, 1832, 1833, 1834, 1835, 1836, 1837, 1838, 1839, 1840, 1841, 1842, 1843, 1844, 1845, 1846, 1847, 1848, 1849, 1850, 1851, 1852, 1853, 1854, 1855, 1856, 1857, 1858, 1859, 1860, 1861, 1862, 1863, 1864, 1865, 1866, 1867, 1868, 1869, 1870, 1871, 1872, 1873, 1874, 1875, 1876, 1877, 1878, 1879, 1880, 1881, 1882, 1883, 1884, 1885, 1886, 1887, 1888, 1889, 1890, 1891, 1892, 1893, 1894, 1895, 1896, 1897, 1898, 1899, 1900, 1901, 1902, 1903, 1904, 1905, 1906, 1907, 1908, 1909, 1910, 1911, 1912, 1913, 1914, 1915, 1916, 1917, 1918, 1919, 1920, 1921, 1922, 1923, 1924, 1925, 1926, 1927, 1928, 1929, 1930, 1931, 1932, 1933, 1934, 1935, 1936, 1937, 1938, 1939, 1940, 1941, 1942, 1943, 1944, 1945, 1946, 1947, 1948, 1949, 1950, 1951, 1952, 1953, 1954, 1955, 1956, 1957, 1958, 1959, 1960, 1961, 1962, 1963, 1964, 1965, 1966, 1967, 1968, 1969, 1970, 1971, 1972, 1973, 1974, 1975, 1976, 1977, 1978, 1979, 1980, 1981, 1982, 1983, 1984, 1985, 1986, 1987, 1988, 1989, 1990, 1991, 1992, 1993, 1994, 1995, 1996, 1997, 1998, 1999, 2000.

quyền họ Tư Mã  
 cư đình. Con  
 Chiếu là Viên ép  
 Vua Ngụy  
 nhường ngôi cho  
 mình.  
 3. NGÔ - TRIỆU Năm Bình-Ngô  
 — ĐÀI-ĐỀ (Tôn (226) Sĩ Nhập Năm 245. Ngải  
 Quyển) (229-252) mất con là Sĩ- bị ám sát.  
 Đông do ở Kiến Huy thay. Tôn  
 Khương hợp Quyển chia đất ANG (Phạm-  
 với Thục-Đề Giao-Châu từ (245) là  
 chớng nhà Ngụy. Hợp phố về Bắc  
 — PHẾ - ĐỀ gọi là Quảng-Fan Kin - Cheng  
 (232-258) Châu sai Lữ-Đài kết Vua - Fan  
 — KIỀNG-ĐỀ làm Thứ sử Tchan đề trả thù  
 (358-264) Quảng-Châu, Đại anh. Sau đó.  
 — VI-ĐẾ (Ngô Lương làm Thứ- Ngải bị Tướng  
 Hạo) (264- sĩ Giao - Fan Sĩan

Năm 244. Năm 359. Vua  
 thành lập gần Lâm-Áp trả phần  
 Nam-Kinh một đất vùng Đèo  
 Vân phòng Ngang cho Giao-  
 thương mãi gọi Châu.  
 Năm 372 và 377  
 Vua Lâm-Áp gọi Sĩ  
 giả sang Tàu.



Năm Ất Dậu  
(256) nhà Ngô  
mất, Giao Châu

Châu.

Nam Nam Giao-

Châu và Nhật-

Giáo-Chi, Cửu

đất Hợp - Phố,

lâm Quảng-Châu,

Ngô, Uất - Lâm

(Chiêm-Thành).

Hải, Thương -

lên lạc mặt biển

với nước Lâm-Ấp

(Chiêm-Thành).

— Năm Giáp-

đường biên với

Thần (264), nhà

Trung-Hoa và

Ngô lấy đất Nam-

giới mới có 23

binh trường việc

tuổi.

— Năm Giáp-

đường biên với

Thần (264), nhà

Trung-Hoa và

Ngô lấy đất Nam-

giới mới có 23

binh trường việc

tuổi.

— Năm Giáp-

đường biên với

Thần (264), nhà

Trung-Hoa và

Ngô lấy đất Nam-

giới mới có 23

binh trường việc

tuổi.

— Năm Giáp-

đường biên với

Thần (264), nhà

Trung-Hoa và

Ngô lấy đất Nam-

giới mới có 23

binh trường việc

tuổi.

— Năm Giáp-

đường biên với

Thần (264), nhà

Trung-Hoa và

Ngô lấy đất Nam-

giới mới có 23

binh trường việc

tuổi.

thuộc về nhà Tấn.

Quan lại nhà

Tấn cai trị Giao-

Châu cũng là bọn

tàn ác, tham lam,

nhân dân lầm

(hạn khổ sờ. Lầm

khí bọn quan lại

có người phản

ngịch đánh giết

lần nhau nước loạn

trong nước loạn

lạc loạn.

Vua Tấn có ý

muốn giảm bớt

quan ở các châu,

là người họ Giả,

Hoàng hậu Giả,

Thư-Sứ Giao-

Châu là Đạc-

Triệu.

— 56

313

— 153 —

— 152 —

NHÀ TÂY

TẤN

— THẾ TÒ VỒ

ĐẾ

(Tu-Mã

265-266)

thống

nước, lại

dâm dật,

chính sự

lạc nát.

— H U U Đ

(Trung

là người

Hoàng

Thị

chính

Triệu

nhà

Đạc-

Triệu.

— PHAM-HỒ DẬT

(B H A D R A V A

R M A N) (377-

413) là con hay cháu

của Phạm-Phật nói

ngôn. Năm 360,

Năm 507 và 407,  
Vua Lâm-Áp khuấy  
nhiều Giao - Châu  
luôn luôn,

Hoài đế bị giết chết.  
làm nhục như  
rợ Ngụ-Hồ bắt  
nói ngỏ cùng bị  
(313) (Nghị) (đ) (đ)  
MÀN - ĐẾ  
khách rời rồi giết.  
mòi nước hầu  
Vua Hôi-Đế bắt  
Hoàng-Hà bắt  
lưu vực sông  
chiếm giữ vùng  
Khương nổi lên  
Tiên-Ti, Chi và  
lì Hung-Nô, Yết,  
Bắc Trung-Hoa  
5 giống rợ ở Tây  
Vương». Bấy giờ  
lưu đuan bắt

— 155 —

— 154 —

Vương Tư mã  
Luân cử binh tâu : « Vua nước  
giết Giả Hựu,  
trước Vua, tự lên  
thay.

ở Hoàng đàng số  
Lâm - Áp là :  
Phạm - Hùng  
thông với nước  
Phủ-Nam thường  
sang quấy nhiễu  
đất Nhật-Nam,  
nếu giảm bớt quân  
ở Giao - Châu sợ  
Lâm-Áp lại sang  
đánh phá ».

— HOÀI ĐẾ  
(Luân) (307-313)  
Các Thân vương  
đấy binh tranh  
giành lẫn nhau,  
cốt nhục tương  
tàn ngột 16 năm

Lâm-Áp tấn công  
Nhật-Nam bị đẩy  
lại Năm 400, Trưng  
Hoa đánh Lâm-Áp  
lại khởi Đào Ngang.

(Từ năm 287 đến  
357, Sĩ Trưng-  
Hoa không có ghi  
gì về Phủ-Nam)

nhân thế lực họ  
này rất mạnh.

— **MINH-ĐẾ**

(322-326)

— **THANH-ĐẾ**

(326-343)

— **KHUÔNG**

**ĐẾ** (343-345)

— **MỤC-ĐẾ**

(345-362) dùng

Hoàn Ôn đánh

đột nước Thành,

đại phá nước Tân.

— **V A V I - ĐẾ**

(362-366)

— **ĐẾ DIỆC** hay

**DỊCH** (366-

371) Hoàn Ôn

đánh nước Yên

— 371 —

— **TCHAN TAN**

(Chiêu-Đền 357-?)

Năm 357. Vua

Phù-Nam công

Vua Tàu một bảy

vòi nhà. Vua Tàu

từ khước. Nhiều

người Ân di cư

sang Phù-Nam vì

họa chiến tranh.

— **K A U N**

**DINYA** (?) (?)

(Kiao-Tch'en-Jou

Kieu-Trần-Như )

từ Ân-dộ sang

Phù-Nam được

dân chúng tôn lên

— 156 —

### 317-490 NHÀ ĐÔNG

**TÂN**

— **NGUYỄN-ĐẾ**

(Tư - Mi - Duê)

(317-323). Duê

là tăng tôn của

Tư-Mi-Ý, chức

Lang-Nha-Vương

lên ngôi ở Kiến

Khương lập nhà

Đông Tân. Vua

dùng Vương Đạo

và Vương Đôn



Thái - lập 944  
 chính, Từ đề 94  
 con là Nguyễn  
 Hiền tự ý sinh  
 sát Hoàn-Huyện  
 nổi dậy kéo binh  
 và mở kinh giết Đáo.  
 Từ rồi ép Vua  
 nhường ngôi  
 Lưu-Dù khởi binh  
 đánh được Huyền  
 lên chức Tổng-  
 Công lại giết Vua,  
 lập Cung-Đế lên  
 ngôi.

Đạt định hai  
 quốc Nhật-Nam  
 và Cửu-Chân rồi  
 đánh Giao-Châu.  
 Thái - Thú  
 Giao - chỉ là  
 Đờ - Viện đuổi  
 quân Lâm - Ấp  
 được phong  
 Giao-Châu Thứ  
 sử.

— Năm Quý-Sửu

(413) Phạm-Hổ-  
 Đạt đánh phá  
 quận Cửu-Chân.

Con Đờ-Việt là

Đờ-Tuệ Đờ-chém

tuống Phạm-Kiến

bắt hơn 100 quân

kế nghiệp. Sử không  
 có ghi điều gì.

— YANG MAH (420-  
 431). Không rõ gốc  
 tích Nhà Vua đánh  
 Giao-Châu thất bại.  
 Năm 421, Vua xin  
 Trung - Hoa tấn  
 phong.

— YANG MAH (431  
 446). Con Vua trước,  
 nối ngôi mang một  
 tên với cha, Ngải  
 điều động trên  
 10 chiến thuyền  
 đánh phá ven biển  
 Nhật-Nam.

Quần Tàu phẫn  
 công chiếm vùng Khu-

bị thua to, lại tỏ  
 vẻ phé Vua lập

Giân-Vân-Đế I

— GIÂN-VÂN.

ĐẾ (Dục)

(371-373).

— HIẾU - VÔ

ĐẾ (Xưong-

Mnh) (373-397).

Vua Tân là Phô.

Kiên đánh Đờng

Tân bị Tậ - An

đánh lui. Hiếu

Vô-Đế bị Trưng

Quí-Nhan giết.

— AN-ĐẾ (Đức  
 Tông) (397-419)  
 dùng Đáo-Từ làm

ngôi. Ngải sửa  
 đời tất cả luật lệ  
 theo hệ thống cai

trị của người Ấn.

Ngải cưới một

nàng Công-Chúa

và xưng tên là

Q R U T A -

V A R M A N.

Năm 413, Phạm-Hổ  
 Đạt, Vua Lâm Ấp  
 thân chinh đánh  
 Nhật-Nam bị chết  
 ở đây.

— ĐỊCH-CHƠN

( GANGARAJA )

(413) con của Phạm

Hổ-Dạt nối ngôi

rồi nhường cho

người cháu rể đi

Ấn-độ hành hương.

— MANORATHA

VARMAN (413-420  
 cháu Vua Địch-Chơn



VỠ - VƯƠNG  
hay HẬU-PHẾ-  
ĐẾ (473-477)  
— — —  
(477-478) Tiểu-  
Đạo-Thành đẹp  
Viên - Xáng và  
Trần-Du-Chi lên  
làm Vương Quốc  
tước Tề Vương  
rời phé Vua, tự  
lập nhà Tề.

đường về Tàu.

— 691 —

Chò-ye-pa-mo ;  
Kiều - Trần-Như  
Xã - đa-bạt - ma  
470 (?)(514). Nhà  
Vua phải nhiều  
thương gia sang  
buôn bán ở Quảng  
Châu thuộc tỉnh  
Quảng - Đông.  
Trên đường về  
có vị sư Na-già-  
Tiên thập tông.  
Thuyền bị gió  
cuốn vào Lâm-  
áp, thổ dân cướp  
sạch hàng hóa Nhà  
sư đi bộ về Phú-  
Nam.

Năm Kỷ Mùi

— PHẠM - ĐĂNG -

— 162 —

Nguy nhiều phen Van-Đế không ngồi Vua cha,  
đánh phá các Van-Đế Họ Phạm năm 424, sai Sĩ  
quan, ấp. cướp phá Nhật-sang đệ trình lá  
— HIẾU-VÕ. Nam và Cừu-sơ lên Vua Van-  
ĐẾ (454-465) Chân. Năm 446, Đế nhà Tống và  
— PHẾ ĐẾ (465) Vua Tống sai tặng nhiều phẩm  
— MINH-ĐẾ ĐÀN-HÒA - Chi là vật.  
(465-473) cả hai Thứ-sư Giao- Năm 434, 435  
Vua Hiếu-Võ-Đế Châu và Tôn Xác 438. Ngai phi Sĩ  
và Minh-Đế đều đánh dẹp. Phạm- giả triều cống Vua  
ngôi kỵ lớn thất, Dương-Mại chạy Tàu.  
giết họ hàng rất thoát. Đản-Hòa- Nước Lâm-Áp  
nhiều. Vua đầu Chi vào đất Lâm- nước quận Phá-  
mời Tiêu-Đạo- Ấp lấy được Nam đánh Giao-  
Thành bảo vệ vàng bạc châu báu châu, nhưng Vua  
Thái-Tử Dục rất nhiều. Đản- Phá-Nam từ chối.  
Thành giết Dục Hà-Chi vì cha —KAUNDINYA-  
lập Vua khác. ấy mà bị giếm phá JAVAVARMAN  
— THƯÔNG phải cách chức (Kiao-Tchên Jou



gux xux đệ ất ất ất  
li Minh-Đế, 3  
MINH  
(Tiêu-Loan) (100-100)  
166  
— BẢO-QUYỀN  
(Đông-Hơn-Hầu  
(?)  
Vua vô đạo, dâm  
đại  
đạt, được nước  
Điền lập là tón ở  
khô  
Tương - - Dương.  
Em Vua Bà  
Dung tư ất lập  
Vua ở Giang-  
Lãng, H  
Đ.

NHA TỀ

— CAO-ĐẾ hay (479), nhà Tống  
CAO-TÒ (Tiêu- nghiệp, Đất Giao-  
Đạo-Thành 479- Châu không được  
483)  
— VÔ-ĐẾ (483-  
494) vi quan Tàu cai  
— UẤT - LÂM trị thủy nước họ  
hay CHIÊU. tìm cách độc lập  
NGHIỆP (494). nên cứ giết lẫn  
Vua là người vô nhau.  
giết lập Chiêu-  
Van.

— CHIEU-VAN  
(494) Vua lại bị  
Tiêu - Loan giết

GAN - THANG  
(KIEOU-TCH'EOU  
LO Cưu-Thủ-La (?)  
(481-492) là quan  
chấn thần của Vua  
Phù-Nam cướp ngôi  
Vua Lâm-Áp. Vua  
Tàu nhìn nhận vào  
năm 491.  
Năm 492, Vua  
này bị cháu Vua  
Yang Mah là PHAM  
CHU-NONG trất  
phế.  
— PHAM - CHU-  
NONG (492-498)  
trị vì 6 năm bị  
chết dưới ngoài  
biên khơi.

bun thương Vua  
Phù-Nam nhiều  
xếp lùa mới loại  
năm xấp.

Vua Phù-Nam 13 Năm 530, được Vua  
Vua Tàu phong MÀN I (529-605).  
nội hòa. — RUDRAVAR -  
MAN 526-529).  
— BÁT-TỐI-BÁT  
MAN (VIJAYAVAR-  
tương Phật và  
Hoa dưng một  
gia sang Trung-  
Phù-Nam phải Sư  
Năm 509, Vua  
nhà

Vua  
Lương sai Tiêu-  
Thư làm Thử sư  
Giá-Châu. Tiêu-  
Thư là người tàn  
bạo làm cho lòng  
dân oán hận.

— VÔ-ĐẾ (Tiêu-  
Diên) (502-550).  
Vua giết hại tôn  
thất nhà Tề, Tiêu  
Bào-Dần dẫn binh  
Ngụy về cứu  
phá. Hậu - Cảnh  
vây Đái - Thành,  
Vua sai mã chết.

## 502-556 NHÀ LƯƠNG

LƯƠNG.

Bào - Quyền  
như ở ngôi, đời  
quốc hiệu là

— HÒA - ĐẾ  
(Bào Dung) (501).  
Tiêu - Diên giết  
Vua, kéo binh  
vào Kinh đô, được  
Bào - Quyền  
như ở ngôi, đời  
quốc hiệu là

— GIẢN-VĂN-  
ĐẾ (Cương) (550  
551) Hậu - Cảnh  
giết Vua lập Dự-  
Chương - Vương  
— D Ự -  
C H Ự Ớ N G  
VƯƠNG (Đông)  
(551-552). Vua bị  
Hậu - Cảnh tiếm  
ngôi tự xưng là  
Hân đế.

— NGUYỄN-ĐẾ  
(Tương - Đông -  
Vương) (552-555)  
Vua là tôn thất  
lên ngôi đế ở  
Giang-Lãng, sai  
Trần - Di - Tiên

NHÀ TIỀN LÝ  
544-602  
LÝ - NAM - ĐẾ  
(544-548)  
Năm Tân-Dậu  
(541), ông Lý-  
BON ở huyện  
Thái-Bình đánh  
đuaithứ-sử Tiêu-  
Tư chiếm giữ  
thành Long-Biên.  
Năm Quý-Hợi

(543), quân Lâm-  
Áp sang đánh ở  
Phù-Nam để sang  
quận Nhật-Nam  
Lý-Bôn sai Phạm  
Tu dẹp yên.  
Năm Giáp Tí  
Lý - Bôn

An nam Tương  
quân Phù - Nam  
Vương.

Năm 534 gọi Sư  
giá sang triều cống.  
Năm 543, tấn công  
Giao-Châu bị Tướng  
Phạm-Tu đánh bại.  
Hóa hợp tại Mỹ  
Sơn thiêu hủy cả  
ngôi đền đầu tiên  
của Bhadravara.

— AN NAM TƯƠNG  
VƯƠNG.

Năm 506, Vua  
Tàu yêu cầu Vua  
Phù - Nam phải  
sư Phạm-Tu đánh bại.  
Mandrasena và  
Sanghapala sang  
địch kinh Phật.  
Năm 509, vị  
tu-si An - độ

Bodhibhadra đến  
Phù-Nam để sang  
Trung-Hoa.  
Năm 512 và  
514, Vua Phù-  
Nam sai Sư sang  
Tàu.

đánh dẹp Hậu - tự xưng là Nam-  
 Cảnh Tây Ngụy Việt đế, đặt quốc  
 tiến quân giết hiệu là Văn-Xuân. MAN (Licoen-t-o  
 Nguyễn-Đế cho Năm Ất - Sửu  
 Vương lên thay (545). Vua Lương  
 gọi là nhà Hậu- Phiêu làm Thứ  
 Lương. sai Giao - Châu, 517, 519, 520.  
 — NHẠC sai Trần-Bá-Tiền  
 D U O N G đánh Nam Việt. 530, 535, 539 sai  
 VƯƠNG hay Lý-Nam-Đế thua Sĩ  
 Tinh - Dương đánh ở hồ Điền Ba-la-môn  
 Hậu (535-536). đánh ở hồ Điền và  
 — KINH ĐẾ Triệu thua nữ, Trúc-Đường-bào  
 (Phượng - Ti.) Lý-Nam-Đế giao lão đến châu Vua  
 (536). Vua được binh quyền cho Năm 539, Vua  
 Trần - Bá - Tiên ông Triệu-Quang-Phò-Nam  
 biệt lập ở Kiến-Phúc đóng ở đăm đàng  
 Khương rồi bị Dị-Trạch. một con u-tây

tiếm ngôi mà tự  
 lập nhà Trần.

— TRIỀU-VIỆT còn sống và trình  
 VƯƠNG (549 - Vua Tàu rằng  
 571). Năm Mậu- Ngải có sợi tóc  
 Thìn (458), Lý. của Phật. Vua Tàu  
 Nam-Đế bằng, sai nhà sư Thích-  
 năm sau (459), Văn - Bửu sang  
 Triệu - Quang - thỉnh tóc ấy.  
 Phục xưng là Giữa những  
 Triệu - Việt - năm 535 và 545,  
 Vương, rồi đánh Vua Lương. Võ-  
 phá quân Tàu Đế yêu cầu Vua  
 lấy lại thành Phò - Nam tặng  
 Long-Biên. kinh Phật và cũ  
 Năm Đinh-Sửu các vị sư sang  
 (577), Lý-Phật-Tử Tàu.  
 nổi lên chống Năm 546, sư  
 Triệu-Việt Vương Paramãtha đến  
 bị thua phải xin Trung-Hoa đem  
 giảng hòa Việt- theo 240 bộ kinh.

**NHÀ TRẦN**

— VÕ-ĐẾ (Trần  
 Bá-Tiền) (557 -  
 560)  
 — VẠN-ĐẾ (560  
 565)



— LÂM - HẢI - Vương giả con Năm 550. Vua  
 VƯƠNG (567 - 569) - gái cho Phật-Tử Rudravarmān  
 569) - đề tổ tình hòa hảo  
 — TUYẾN - ĐẾ hiều.  
 (569 - 583) Vua Năm Tân-Mão Nam bị hai em  
 đánh Bắc-Tề lấy (571), Phật - Tử Citrasena lật đổ  
 được mấy quân thỉnh linh danh vương quyền sáp  
 ở Giang-Bắc và Việt-Vương dưới nhập vào nước  
 bị nhà Bắc-Chu đến sông Đại-Châu-Lập.  
 đánh bại ở Tư-Nha (tỉnh Nam-Người không biết  
 Duyên. Nha (tỉnh Nam-Người không biết  
 HẦU - CHỮA Vương Việt - ngôi không biết  
 (Thúc-Báo) (583- minh tư tử. tên gì phải chạy  
 589) hoangs đăm HẦU-LÝ NAM- Nam ở thị trấn  
 vô dạ, thu thuế ĐẾ (571-602), Lý- NA FOU NA.  
 quá nặng, bị Vua Phật-Tử chiếm  
 Tây-Văn-Đê thay Long - Biên rồi  
 nhà Bắc - Chu xưng đế hiều,  
 đánh dẹp, thống đồng đô ở Phong

nhất Nam Triều, Châu (thuộc huyện  
 Bắc Triều) Bạch - Hạc, tỉnh  
 BẮC - TRIỀU Vinh-Yên) sai Lý  
 gồm nhà Hậu Đại-Quyền giữ  
 Ngụy dựng nước Long-Biên và Lý-  
 vào năm 386 (sau Phò-Đĩnh giữ Ô-  
 chia làm Đông- Diên.  
 Ngụy và Tây-  
 Ngụy) nhà Bắc-  
 Tề và nhà Bắc-  
 Chu. Cao-Dương  
 tiếm Đông-Ngụy  
 lập Bắc-Tề, Vu-  
 Văn-Giác tiếm  
 Tây-Ngụy lập  
 Bắc-Chu rồi diệt  
 Bắc - Tề, sau  
 nhường cho  
 Dương Kiến lập

—  
SAMBHU  
VARMAN (605-  
629) (Phạm-Phạm-  
Chi) là con Vua  
trước nổi ngôi  
cha. Năm  
Vua Van - Đế nhà  
Tùy sai Lưu-  
Phượng chiếm Nam-  
Việt rồi qua năm  
605 đánh toàn Lâm-  
Áp chiếm vùng Khu  
Túc và kinh đô,  
cướp nhiều vàng bạc

— VẠN - ĐẾ Năm Nhâm  
(Dương - Kiên) Tuất (602), Vua  
(589 - 605) sửa Văn-Đế nhà Tùy  
sang chính trị, sai tướng là Lưu-  
nhân dân thời Phương đánh  
binh, giâu có. Nam-Việt, Lưu-  
Rợ Đột - Quyết Phương sai người  
xin thần phục. đù hàng. Lý-  
Thái-Tử Dưong Phật-Tử sợ danh  
Quang giết Vua không lại, chìn  
cha và anh là phuc, Đất Giao-  
Thái-Tử Dưong- Châu lại bị nước  
Dông ròi lên ngôi. Tàu cai trị.

### 589-618 NHÀ TÙY

— VẠN - ĐẾ Năm  
Tây (589),  
nhà Tùy, Tùy  
đẹp nhà Trần,  
thông nhất hai  
triều.

### — DƯƠNG-ĐẾ (617) (Lý- Quảng) (605-609) BÁC THUỘC LÀN THỨ 3

Năm Ất-Sửu  
Vua Tùy  
sai Lưu-Phượng  
đánh Lâm - Áp.  
Vua Lâm - Chi  
Đột - Quyết, binh nước  
Thổ-Áp, Cao-  
Bôn, Cao-  
đền dân ta  
nửa đường thì  
chết.  
Đổi 107 Giao-  
Châu, Sĩ nhà Tùy  
không có gì điều  
gì quan trọng.  
Hựu  
đạt  
Cung-Đế  
Hựu

đốt sách vở của  
Hoàng triều, bắt  
Lâm-Áp phải thần  
phục. Vua Sambhu  
varman khôi phục  
lại xứ sở và chịu lời  
vói Vua Trung-Hoa.

—  
Hàng.  
— I Y H T  
TÔNG (Lý-Thế-  
Dán) (627-650).  
Vua thân trọng  
hành pháp, lấy  
nhân nghĩa hóa  
dân, thiên hạ thái  
bình thịnh trị.  
Vua dẹp yên  
Đông Đột-Quyết  
Tây Đột-Quyết,  
địch Thò - cốc -  
phồn, thu hồi  
Thanh-Hải, nhờ  
Huyền - Trang  
sang Ấn-Độ thỉnh  
kinh Phật.

— Năm Kỷ-Mão (619),

— CAO-TÔNG

Năm 627. Vua  
Phù-Nam (không  
biết tên) phái Sĩ  
giả sang Tàu cầu  
bình cứu viện  
đánh Chàn-Lạp  
nhưng Vua nhà  
Đường từ chối.  
Triều đại Phù-  
Nam chấm dứt  
từ năm 627.

— 571 —

— 174 —

Năm 616, Vua  
Phù-Nam (không  
biết tên) gọi Sĩ  
giả sang Trung-  
Hoa cầu bình cứu  
viện nhưng bị từ  
chối.

lên ngôi, tôn Vua  
làm Thái-Thượng  
Hàng.  
— CUNG - ĐẾ  
(Dương - Hư) (617 - 618) Lý-  
Uyên ép Vua  
nhường ngôi lập  
Nhà Đường.

618-907 NHÀ DƯƠNG

— CAO-TÒ (Lý-  
Uyên) (618-627).  
Vua sai con là Lý-  
Thế-Dân đánh  
dẹp hào-kiệt ở  
các nơi, nhất  
thống đất nước,  
rời truyền ngôi,  
làm Thái-Thượng  
các triều trước,  
Năm Tân-Ti  
(621), Vua Đường  
sai con là Khâu  
Hoa làm Đại-  
đẹp hào-kiệt ở  
tổng - quân sang  
cai trị Giao-Châu  
Nhà Đường cai trị  
khác nghiệt hơn  
các triều trước,

Năm 623, 625, 628  
Vua Lâm-Áp gọi Sĩ  
giả triều cống nhà  
Đường.



Vua ngời làm vì. 8. Võ Nga-Châu  
 Vô-Hiếu nắm hết có 7 huyện.  
 quyền binh, trừ 9. Võ-Ai-Châu  
 lẫn bọn tôn thất có 2 huyện.  
 nhà Đường, phé 10. Ai-Châu có 9  
 Vua, xưng là Võ- huyện.  
 Tắc-Thiên Hoàng 11. Hoàn-Châu  
 Đế. có 4 huyện.  
 — VÕ TẮC- 12. Diên-Châu  
 THIÊN (507-606) có 7 huyện.  
 đời quốc hiệu là Về phía Tây  
 Châu nghệ lời Bắc Giao-Châu  
 Địch - Nhân-Kiệt: một Châu gọi  
 với Lư-Lãng- cả những người  
 Vương về làm Mông, lệ cứ  
 Thái-Tử, giáng hàng năm phải  
 tước Trương- triều công.  
 Vương.

(650-684), Vua VuaCao-Tông chia  
 danh dẹp Tây đất Giao-Châu làm  
 Đột-Quyết, Bích- 12 châu, 59 Huyện  
 Te, Tân-La, thu và đất Annam đó  
 nạp Vô-Hiếu là tài hộ phủ :  
 nhân của cha làm 1. Giao-Châu có  
 Hoàng-Hậu, cho 8 huyện.  
 tham dự triều 2. Lục-Châu có 3  
 chính. huyện.  
 — T R U N G 3. Phúc - Lạc -  
 TÔNG (Triết) Châu có 3 huyện.  
 (684 - 685) Vô - 4. Phong-Châu có  
 Hậu giữ chính 3 huyện.  
 quyền, phé Vua, 5. Thang-Châu  
 giáng làm Lư có 3 huyện.  
 lang Vương, đưa 6. Trường-Châu  
 em Vua lên ngôi. có 4 huyện.  
 — DUỆ-TÔNG 7. Chi-Châu có 7  
 (Đian) (685-690) huyện

— TRUNG  
 TÔNG (lần 2)  
 (705-710). Nhân  
 Vô-Hậu, Nhân  
 Tương-Giân, Chi  
 dem binh vào  
 cùng giết kẻ sủng  
 bệ Vô-Hậu, trước  
 Lư-Lãng-Vương  
 lên ngôi, phục lại  
 quốc hiệu.

SÁCH và TÀI-LIỆU THAM KHẢO

- Ethnographie des peuples étrangers à la Chine D'HERVEY de Saint DENIS
- Les états hindouisés d'Indonésie et d'Indochine G. COEDÈS
- Etudes asiatiques -- Quelques textes chinois concernant l'Indochine hindouisée
- Les peuples de la péninsule indo-chinoise G. COEDÈS
- Le Founan (BEFEO III page 248-303) PAUL PELLIOT
- Les pays d'Occident d'après le Wei-ho Ed. CHAVANNES
- L'archéologie du Delta du Mékong tome I et III L.MALLERET
- Le Ngan-nan-tche-yuan et son auteur E.GASPARDONE
- Chân-Lạp phong thổ ký CHÂU-ĐẠT-QUAN

- Le K'ouen-Louen et les anciennes navigations interocéaniques dans les mers du Sud  
G FERRAND
- Deux peuples méconnus  
S. LÉVI
- Inscriptions de Võ-cạnh (BEFEO 1915 Fasc. 2 page 3)  
G. ÇOEDÈS
- Deux inscriptions sanscrites du Fou Nan (BEFEO XXXI 1931 page 1)  
G. ÇOEDÈS
- L'inscription NAK TA DAMBAN DEK (BEFEO XXXVII 1937 Tome II pages 606 et 627)  
G. ÇOEDÈS
- A new inscription from Fu-Nan. The Journal of the Greater India Society (Vol IV N° 2, 1937 pages 117-121)  
G. ÇOEDÈS
- Inscriptions de VAT BATI (BEFEO 1942 Tome II page 140)  
G. ÇOEDÈS
- Histoire de l'Extrême-Orient  
R. GROUSSET
- Histoire de l'Asie  
Dr. HERBERT  
H. GOWEN
- Histoire générale de la Chine (Tong Kien Kang mou)  
de MORIAC de  
MAILIA
- Annam chí lược  
LÊ TẮC
- Việt-Nam sử lược  
TRẦN-TRỌNG-KIM
- Le royaume du Champa  
MASPÉRO

- Histoire du Cambodge
- Histoire du Cambodge

- Trung-Quốc sử lược
- Chiêm-Thành lược sử
- Đông Nam Á sử lược (Bản dịch của Nguyễn-Phút-Tấn)
- Le Bouddhisme en Annam

Hình ảnh của Viện Bảo Tàng và trích trong quyển LE CAMBODGE của Louis Cheminaiis. trong tạp chí NOKOR KHMER ở PhnomPenh.

C. L. MADROLLE  
A DAUPHIN  
MEUNIER  
PHAN KHOANG  
DOREHIEM  
G. E. HALL  
TRẦN-VĂN-GIÁP



In tại nhà in Đoàn Viên, 131  
Cống Quỳnh Saigon 2. Số  
lượng in: 2.000 cuốn. Ngày  
phát hành 20-8-1974 giấy phép  
số 4191/74 BDVCH/KSALP/  
TP, ngày 29-7-1974.

## Cùng một tác giả

- |                               |       |
|-------------------------------|-------|
| 1— Quả dấm thời sơn           | 1952  |
| 2— Tự học chữ Miên            | 1963  |
| 3— Truyền cổ quốc tế          | 1969  |
| 4— Người Việt gốc Miên        | 1969  |
| 5— Truyền vũ quốc tế          | 1969  |
| 6— Truyền cổ Cao Miên I và II | 1969  |
| 7— Angkor (ĐS Thiên Đố Thích) | 1970  |
| 8— Truyền tích Việt-nam       | 1970  |
| 9— Chạy trời biển giới        | 1970  |
| 10— Sử Cao Miên               | 1970  |
| 11— Truyền cổ Ấn độ           | 1971  |
| 12— Truyền thơ khắp thế giới  | 1971  |
| 13— Việt Kiều ở Cao Miên      | 1971  |
| 14— Người hùng                | 1973* |
| 15— Chân lập phong thổ ký     |       |